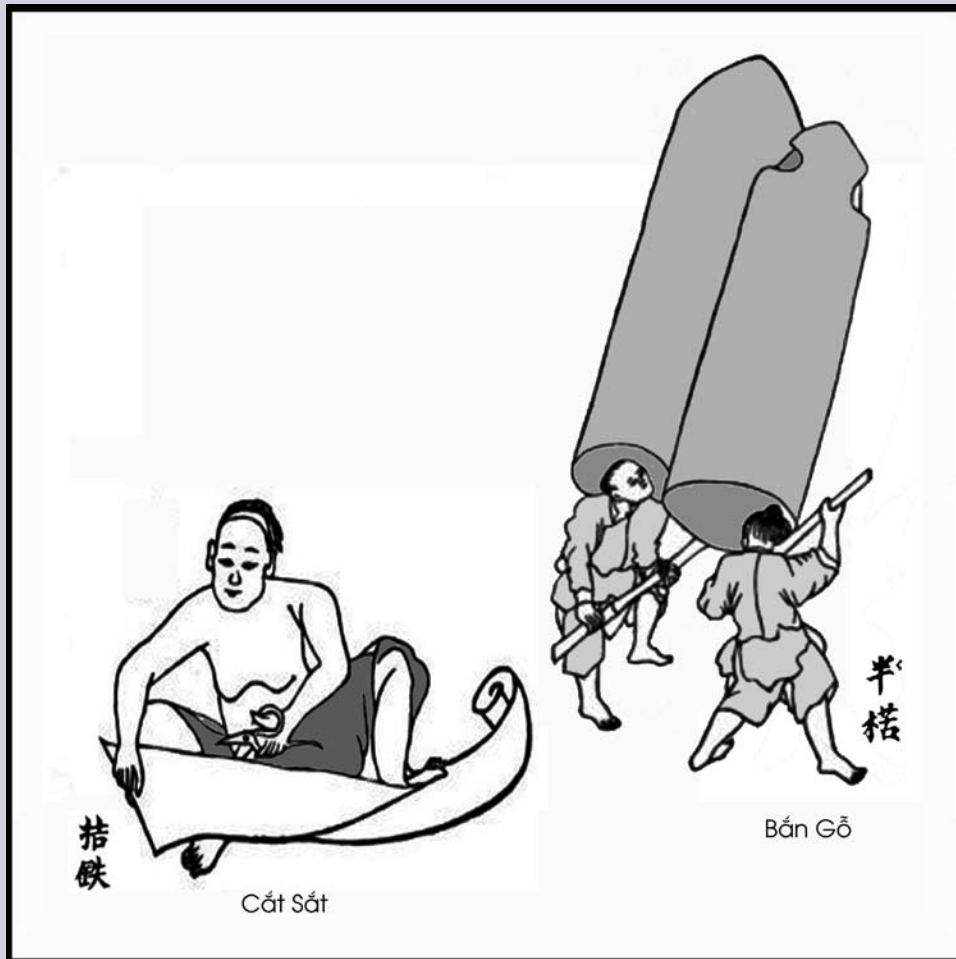


# Người Dân



Số 232  
tháng 12, 2009

P.O. Box 2674 Costa Mesa, California 92628, USA  
Tel + Fax 1-714-549-3443 Email: TapChiNguoiDan@gmail Web: <http://www.nguoidan.net>





# Kính Chiếu Yêu

## Người Dân

Hiện nay, chúng tôi nhận định như sau:

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam có lãnh thổ, có nhà nước, được các nước công nhận / bang giao, và là hội viên Liên Hiệp Quốc.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa dựa vào đó để khuyến dụ người Việt phải chấp nhận cộng sản.

2. Đảng viên Cộng Sản tranh giành, đấu đá về địa vị, về quyền lợi, và móc ngoặc làm ăn bất chính nên đã giàu có, tiền rừng bạc biển nhưng tới đại đa số đồng bào vẫn bị tước đoạt quyền tư hữu, quyền sống, quyền mưu sinh, quyền suy nghĩ, và miễn cưỡng khuất phục bạo quyền.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa dựa vào đó để nói là đã có những thành phần ngoài Đảng có tiền, có quyền, đất nước đã có đấu tranh chính trị và có mầm mống tự do dân chủ.

3. Đảng Cộng Sản và bạo quyền tự đồng nhất hóa với Tổ Quốc, Quốc Gia, Dân Tộc.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa cho rằng những ai còn chống Đảng, chống Nhà Nước là không ái quốc và cản trở công cuộc phát triển đất nước.

4. Quốc Tế Cộng Sản đã tan, nay Đảng Cộng Sản Việt Nam nói chung, đảng viên cộng sản nói riêng, ra sức ca tụng công lao của Hồ Chí Minh và của Đảng, gán hết tội lỗi cho Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và những kẻ thất thế, để duy trì quyền bính và địa vị.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa hòa theo, bày ra chuyện “đa nguyên” để duy trì sự hiện hữu của Đảng, hòng tăng công và được cho ăn ké.

5. Đảng Cộng Sản Việt Nam bày kế phản tỉnh, chống đối cuội, để trong trường hợp nào cũng chỉ lọt sàng xuống nia: Vẫn cộng sản phe này, phe nọ thống trị.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa ca tụng phe phản tỉnh cuội là những... chiến sĩ tự do dân chủ, để quyền bính có vào tay phe này, thì họ vẫn có cơ ăn có.

6. Bạo quyền cộng sản kêu gọi lòng thương yêu đất nước, tôn giáo, đồng bào của người gốc Việt Nam, để những người này bù tai mang công của về đóng góp.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa xúi người gốc Việt Nam theo tình tự về nguồn, dụ dỗ đầu tư tiền bạc, chất xám, gửi tiền nhiều thêm về cho thân nhân để xây dựng quê hương, thực chất là để tư bản đồ và tay sai bỏ túi.

7. Bạo quyền cộng sản Việt Nam phát động mạnh chiến dịch hòa hợp hòa giải dân tộc bịp bợm để lường gạt những người dễ quên và người trẻ tuổi ít hiểu biết về cộng sản.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa tiếp sức bằng những lời lẽ

‘cao thượng’ xóa bỏ hận thù, quên quá khứ để ru ngủ người gốc Việt Nam ở hải ngoại.

8. Đảng Cộng Sản, bạo quyền và đảng viên cộng sản tiếp tục lên án những người thực tâm chống bạo quyền là Việt gian, phản quốc, tay sai, gián điệp để tạo ấn tượng bất lợi ở những người không am tường vấn đề.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa đồng tấu, cho những người chống bạo quyền là chống cộng lạc hậu, xơ cứng, ngoan cố và quá khích.

9. Cộng sản tung sách báo, băng đĩa, gửi văn công đi trình diễn để lung lạc những thành phần tò mò, dễ tính và chuộng lạ.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa tiếp tay bằng việc cổ võ giao lưu đối thoại một chiều, loan tin, phóng vấn các thành phần cộng sản, thiên cộng, phản đối việc chống đối giao lưu một chiều là không tôn trọng dân chủ và thiếu tinh thần tự do.

10. Cộng sản thuê mướn những kẻ đón gió trở cờ ở mọi lãnh vực, từng bước lũng đoạn cộng đồng người Việt Nam hải ngoại.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa tăng bốc những tay sai đón gió trở cờ này là thức thời, phóng khoáng, cởi mở, yêu nước và biết thương xót đồng bào.

11. Cộng sản cho bọn tu sĩ quốc doanh ra ngoại quốc bòn tiền tín hữu về xây dựng cơ sở buôn thần bán thánh.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa tiếp tay xúi giục cộng đồng gốc Việt đóng góp hậu hĩ.

12. Cộng sản làm tay sai cho Mỹ trong việc ngăn chặn Trung Cộng bành trướng.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa lập lò kêu gọi chống Trung Cộng, củng cố chế độ cộng sản đặc lực trong vai trò tay sai.

13. Cộng sản được Hoa Kỳ yểm trợ vào WTO, khuyến khích tư bản Mỹ vào Việt Nam đầu tư để có tay sai, để được trao quyền khai thác dầu lửa và để Việt Cộng mang tiền bạc, nhân sự sang làm ăn ở Hoa Kỳ.

- Những kẻ cơ hội chủ nghĩa kêu gọi cộng đồng gốc Việt về nước kinh doanh, chấp nhận người và vốn trong nước mang ra kinh doanh tại hải ngoại.

Trước bất kỳ lời lẽ, hành động nào của cộng sản và của những ai tự xưng là yêu nước, là trí thức, chuyên gia, chính trị gia, đoàn thể, đảng phái, nếu chúng ta thử suy xét theo những nhận định trên đây, thì rất có thể thấy rõ họ thuộc thành phần nào, muốn cái gì, và người Việt Nam trong và ngoài nước có lợi gì hay không.

Chúng tôi hi vọng là các thân hữu/độc giả sẽ đóng góp thêm các nhận định khác vào bài nhận định đăng thường trực này, để chúng ta cùng suy gẫm và để khỏi bị bẻ lưng phản bội quốc gia, dân tộc lường gạt, khiến đất nước và dân tộc chóng thoát ách thống trị của chúng.



## Trong Số Này

Tranh dân gian,  
*tr.1*

Kính chiếu yêu  
*Người Dân, tr. 2*

Dân Với Dân  
*Người Dân, tr. 3*

### Câu Chuyện Hôm Nay

ĐẠI HỘI VIỆT KIỀU

*Huyền Thị Nữ, tr. 9*

HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG

*Thi Sơn, tr. 9*

### Một Vài Vấn Đề Việt Nam

HỘI NGHỊ VIỆT KIỀU: NGƯỜI THẬT, CHUYỆN GIẢ

*Đại Dương, tr.13*

HÒA HAY CHIẾN

*Mỹ Lộc, tr.14*

QUỐC TẾ HOÁ BIỂN ĐÔNG NAM Á

*Đại Dương, tr.19*

PHÊ BÌNH, CHỈ TRÍCH

*Huyền Công Minh, tr. 20*

Dự Thảo Hiến Pháp Việt Nam 2009

(Dự Thảo Hiến Pháp 7) (*tiếp theo*)

*Dr. Trần, tr.22*

DÒNG TÊN

*Nguyễn Trần Ai, tr. 24*

DÒNG TÊN VIỆT NAM

*Nguyễn Trân, tr. 31*

VIẾT LẠI LỊCH SỬ VIỆT TỘC

BẰNG MỤC DI TRUYỀN

*Việt Tú, tr. 32*



THÂN CHÚC ĐỘC GIẢ, THÂN HỮU  
**Giáng Sinh Vui Tươi**  
**Năm Mới 2010 An Khang Thịnh Vượng**

## DÂN VỚI DÂN

### XIN QUÍ THÂN HỮU/ĐỘC GIẢ LƯU Ý:

Kể từ đầu năm 2009, NgD có những thay đổi như sau:

**Tel & Fax: 1-714-549-3443**

**Email mới: TapChiNguoiDan@gmail.com**

**Web: http://www.nguoidan.net**

Năm nay NgD, bước sang tuổi 20, xin chấm dứt chương trình tặng sách của tuổi 19.

\*\*\*\*\*

Lý do NgD hiện diện là vì tình trạng bế tắc, chẳng biết làm gì cho có ích hơn. Thì đành thu vào là cơ quan ngôn luận, ít nhất, để mọi người có phương tiện nói về việc về người của đất nước. Nếu không sử dụng được ngay bây giờ, cũng đành làm tài liệu để những thế hệ mai sau biết sự thực là gì và tại sao những thế hệ chúng ta đã để tình trạng đất nước như thế. Vì có quá nhiều khó khăn, trở lực mà những người có lòng đành phải bó tay.

Cũng vì thế NgD chỉ mong được nhiều người viết, nhiều người đọc, cố giữ giá báo mỗi số 1\$50 suốt 20 năm không thay đổi. Tuy nhiên, vật giá tăng, nhất là bưu phí ngày càng tăng, quá cao đối với NgD con nhà nghèo, nội địa hiện bulk rate 0\$60, first class 1\$50/số, tạm còn gồng được; hải ngoại 4\$50/số, gồng hết nổi. Do đó, bắt đầu từ năm mới 2009, NgD đành phụ lòng một số bạn đọc ngoài Hoa Kỳ, ngưng gửi báo biểu. Xin mong được thông cảm.

Đồng thời, để đối phó với tình trạng... kinh tế khủng hoảng, NgD lợi dụng khả năng quảng bá của internet, dự trữ kể từ tháng Ba năm nay, sẽ có mặt trên:

\* Địa chỉ [www.nguoidan.net](http://www.nguoidan.net) gồm:

- các bài vở mới cũ (đã đăng trên NgD từ số đầu trở đi), lựa chọn xếp thành từng đề mục,
- bài vở lấy từ tạp chí NgD hàng tháng (bản in) trong mục đích đã hài ra,
- ấn bản điện tử (dạng PDF) của các số tạp chí NgD cũ,
- các tác phẩm do Tủ Sách Người Dân ấn hành, phổ biến dần dần qua hình thức ấn bản điện tử (dạng PDF).

\* Địa chỉ [www.nguoidan.com](http://www.nguoidan.com) gồm các bài vở cũ trên NgD từ số 151 (3.2003) tới 184 (12.2005), hiện diện cho đến hết năm.

Vậy, các thân hữu/độc giả có thể đọc cả tạp chí cùng các sách của NgD trên mạng (web), vừa đầy đủ vừa đỡ tốn kém (hoặc chỉ tốn giấy mực, nếu tự lấy xuống (download) và in lấy.



**Ted Tran, Houston TX:** Chúng tôi nhận được bài của quý hữu, tiếc rằng vấn đề đã quá lâu nên đành dành chỗ cho các bài cập nhật hơn. Xin thông cảm.

**N. D. Nhon, Raleigh NC:**

*Xin cảm ơn NgD. Kèm theo đây là check 30\$00. Xin đừng gửi first class để tiết kiệm bưu phí cho NgD.*

**BPT Người Dân:**

Xin thêm tạ việc quý hữu nồng nhiệt ủng hộ cũng như thông cảm nỗi tài chánh eo hẹp của NgD.

**Phạm Điệp, San Diego CA:**

*Kỳ báo tới xin quý anh chị gửi cho Lưu Đình Kính thay vì Phạm Điệp. Rất cảm ơn nhiều.*

*1/ Vì tôi rất là dị ứng với chữ Tàu ở bìa tờ báo.*

*2/ Tôi cũng không thích thú gì mấy với chuyện của nước Tàu.*

*Câu chúc NgD trường tồn.*

**BPT Người Dân:**

Kính mong thân hữu Lưu Đình Kính nhắc giùm thân hữu Phạm Điệp rằng những chữ ở tranh bìa NgD không phải chữ Tàu mà là chữ Nôm của ông bà chúng ta. Ngoài ra, những chuyện của nước Tàu rất có quan hệ đến tương lai Việt Nam.

Dù sao NgD cũng rất ân hận là đã làm buồn lòng thân hữu Phạm Điệp. Nhưng sự ưa ghét của cá nhân đành phải nhường cho điều ích lợi cho đất nước, dân tộc.

Đa tạ.

**Thư chung của Đại-Dương cho độc giả, tác giả của Người Dân:**

1- Cảm ơn quý vị đã đọc và nhận xét những ý kiến của Đại-Dương liên quan đến vấn đề Việt Nam.

2- Điều đó chứng tỏ vấn đề Việt Nam vẫn canh cánh bên lòng chúng ta bất chấp thời gian, không gian trong bối cảnh xa nơi chôn nhau cắt rốn hàng ngàn dặm và dù còn mang Việt tịch hay không.

3- Các bài viết của chúng ta thường quá bao quát cả một giai đoạn lịch sử hơn nửa thế kỷ vốn có vô số biến cố hệ trọng nên chẳng những ít thuyết phục mà còn gây thêm ngộ nhận trên con đường muốn tìm hiểu sự thật.

Vì thế, mạo muội đề nghị cùng tất cả tác giả,

người đọc của Người Dân hãy dàn trải nhận xét cá nhân cho từng thời kỳ:

a- Từ năm 1926 đến 1945: Hoạt động của các chính đảng ở trong nước và hải ngoại. Chọn lựa sinh lộ dân tộc. Tranh chấp Quốc-Cộng. Chọn lựa phương thức đấu tranh (bạo lực tuyệt đối hoặc hợp tác với nhà cầm quyền thuộc địa, hoặc hợp tác Quốc-Cộng). Tìm kiếm đồng minh.

b- Chiến tranh Đông Dương lần thứ I (1945-1954): Lăn ranh Quốc-Cộng. Các khu tự trị trong chế độ Việt Minh hay Quốc gia Việt Nam. Ảnh hưởng của Trung Cộng đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mọi phương diện. Các vụ khủng bố trắng trong vùng do cộng sản kiểm soát. Quốc tế hóa chiến tranh Việt Nam. Hoạt động của các giáo phái.

c- Chiến tranh Đông Dương lần thứ II (1954-1975): Chiến tuyến Quốc-Cộng. Lợi/hại của Hiệp định Geneva 1954. Sự chính danh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Việt Nam Cộng Hòa. Nguyên nhân dẫn tới cuộc di cư ở ạt năm 1954. Ảnh hưởng của con đường xhcn ở Bắc Việt. Thành công và thất bại của nền dân chủ tại miền Nam vĩ tuyến 17. Việc thanh toán các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài và Bình Xuyên thời Đệ nhất Cộng Hòa. Tình trạng dân chủ trong Đệ nhất và đệ nhị Cộng Hòa. Lợi/hại của việc quân đội Mỹ và đồng minh tham chiến tại miền Nam Việt Nam. Quan hệ đồng minh hay tay sai. Hiệp định Hòa bình Paris 1973. Hoạt động của các chính đảng tại VNCH. Nếu bạn cầm quyền tại miền Nam vĩ tuyến 17 vào thời đó thì sẽ làm gì để tạo đoàn kết toàn dân, xây dựng nền dân chủ tiên tiến. Thế nào là độc tài sáng suốt.

d- Công cuộc đấu tranh từ 1975 đến nay: Đường ranh Quốc-Cộng còn cần thiết hay không. Giải pháp hòa hợp hòa giải phải thực hiện như thế nào. Ủng hộ những thành phần nào ở quốc nội cũng như hải ngoại. Làm sao tránh khỏi chiếc bẫy đối lập cuội. Làm sao đoàn kết toàn dân trong và ngoài nước. Chúng ta đấu tranh trên cương vị có quốc tịch sở tại hay Việt tịch hay vì mang dòng máu Việt.

4- Mọi bài viết và ý kiến kiến của chúng ta chỉ nên xem như để tham khảo. Quý vị muốn thêm chủ đề nào xin cứ tự nhiên.

5- Đề nghị BPT tập trung những bài viết, ý kiến cùng chủ đề vào một số báo để mọi người có thể



nhìn một vấn đề dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

6- Nếu BPT không muốn và quý vị chẳng ưa thì cứ coi như gió thoảng qua tai. Vạn tạ.

### Tác Giả Nguyễn Đình Hồng phúc đáp:

Xin hết sức cảm ơn BPT NgD đã chỉ giáo và thân hữu Lý Chánh Đạo đã nhắc nhở. Vậy, tôi xin trình bày như sau:

Bất kỳ vấn đề nào, dù lớn dù nhỏ, cũng đều không đơn giản, nhưng vẫn đều phải đơn giản hóa. Bởi vì vấn đề nào cũng thường do nhiều nguyên do, yếu tố, động lực chứ không phải duy nhất. Nhưng kể hết ra thì lan man vô bờ mà cũng chẳng đi đến đâu. Nên phải chọn nguyên do, yếu tố, động lực chính. Dĩ nhiên sự lựa chọn có tính chất chủ quan, đúng sai tùy nhân quan mỗi người.

Thí dụ nhỏ, như cái việc uống. Uống có thể đồng thời vì khát, vì thích, vì nhấp miệng cho vui câu chuyện,... lại uống nước lọc, nước ngọt, cà phê, nước mía,... cũng không hề giản dị, mà có thể do rất nhiều nguyên do: tiện có đó mà uống, uống cái đó không tốn tiền, thích cái đó mà uống, bác sĩ khuyên uống cái đó,... Vậy nên, trong một “sự uống”, trong một dịp nào đó, phải lọc ra cái nguyên do, yếu tố, động lực chính để mà nói: ông A vì khát mà uống, ông B vui bạn mà uống,...

Lại tí vừa, như cái việc hôn nhân. Hai người lấy nhau cũng lại có thể đồng thời do môm mép người mai, do cha mẹ đặt đê, do hợp tác thân thế, do yêu nhau,... Nhưng rốt cuộc cũng phải lọc ra cái động lực chủ chốt mà nói rằng đây là cuộc hôn nhân vì tình, vì tiền, hay vì địa vị,...

Chả hạn, nên gọi là cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn, Cự Nguyễn (Nguyễn Gia Long) Tân Nguyễn (Nguyễn Tây Sơn) hay là Nam Bắc phân tranh, nội chiến?

Thế thì cái lớn, như cuộc chiến ở Việt Nam, từ 1945 đến 1975 có bao nhiêu là nguyên do, yếu tố, động lực. Người thì bảo là chống ngoại xâm (Pháp, Mỹ). Người thì bảo bảo vệ tự do dân chủ (chống cộng). Người thì bảo nội chiến nam bắc. Không ai chối cãi là cũng có những người làm cái công việc đó. Nhưng cũng không ai có thể chối cãi được rằng những người này không có nhiều quyền hành,

phương tiện và cũng không làm được gì nhiều. Mà thực chất là do một người, một tập đoàn nhận tiền bạc, phương tiện của ngoại bang để làm cái việc được giao cho làm: cộng sản bành trướng/tư bản ngăn chặn. Ngoại bang giành nhiều quyền điều động cuộc chiến. Họ giành quyền quyết định số phận nước mình. Thế thì nguyên do, yếu tố, động lực chính nằm ở đâu?

Cho nên tôi mệnh danh cuộc chiến tại nước ta là cuộc chiến ủy nhiệm: Nga Xô ủy nhiệm cho Việt Cộng bành trướng; Mỹ ủy nhiệm cho Pháp, cho Cộng Hòa ngăn chặn. Nhưng Việt Cộng nói chống xâm lăng, giành độc lập, thống nhất quốc gia. Cộng Hòa nói tự vệ, bảo vệ tự do dân chủ, chống độc tài chuyên chế. Còn người dân Việt thì, tôi đại đa số – tất nhiên không phải toàn thể – phải miễn cưỡng thi hành việc đầu thầu của chính quyền, chứ có được chống xâm lăng theo ý mình, bảo vệ tự do dân chủ theo ý mình đâu. Đánh nhau vì việc của ngoại bang, do ngoại bang chi tiền, ngoại bang chỉ đạo, chả là chiến tranh ủy nhiệm thì còn là gì. Nó không đơn sơ như thế thì hỏi lý giải ra sao nhỉ?

Bây giờ tôi xin giải đáp những câu hỏi.

Thực ra tôi không hiểu sao BPT NgD đặt toàn những câu hỏi đã tự có câu trả lời rồi:

1. *Nếu dân miền trung và một phần dân miền nam biết cái ác cái xấu (của cộng sản) nhưng không tự nguyện, tích cực, hi sinh chống cái ác, cái xấu (của cộng sản), thì có phải là họ bị cưỡng bách chống cộng theo lệnh đê nhất, đê nhị cộng hòa chăng?(Người Dân số 230)*

Đúng, vì dù thấy cái xấu, cái ác của cộng sản, nhưng họ cũng thấy cái dối trá, gian lận, thối nát của cộng hòa. Nếu có điều kiện, họ chống cả hai. Không có, lại bị đàn áp, thì họ đành tiêu cực. Cộng hòa ở gần, họ thấy ngay lời nói và việc làm. Trong khi cộng sản ở xa, họ chưa thực sự gánh chịu cái ác cái xấu. “Chống vô dưa lại lãnh vô dưa”, nên họ không tự nguyện, không tích cực thì là miễn cưỡng (cưỡng bách) dứt đuôi chứ còn gì!

2. *Không đồng ý với chính sách chống cộng theo đơn đặt hàng của chính quyền có đồng nghĩa với bị cưỡng bách chống cộng không?(Người Dân số 230)*

Hỏi như thế này là đã tự trả lời. Biết là chống



không đúng cách, chống cho để quốc – nhất là đối với những thành phần quốc gia (các đảng phái, các giáo phái, các đoàn thể chống đối) bị đàn áp, kiểm chế,... – mà bị động viên, miễn cưỡng nhập ngũ để bị chết chóc, què cụt thì hẳn đồng nghĩa với cưỡng bách chống cộng. Nhưng xin hiểu rằng không có nghĩa là họ không chống cộng. Họ vẫn chống, nhưng theo lối khác. Và nếu có tự do dân chủ, việc chống cộng của họ sẽ hữu hiệu hơn, kết cục có thể khác ngày nay xa.

3. *Nếu có ít hay nhiều người dân miền nam chống cộng sản miền bắc không vì hay không biết họ là tay sai của cộng sản, mà chỉ vì cộng sản miền bắc tàn độc. “Đó là thực tế, chẳng nên nói rông rài” theo ngôn từ của ông Hồng – thì người dân miền nam có làm tay sai cho tư bản không? (Người Dân số 230)*

Cũng như câu trên, hỏi tức là đã trả lời.

Giữa “ít” và “nhiều” khác nhau lắm.

Thực tế là ít người miền nam biết rành về cộng sản. Phần lớn họ vẫn nghĩ cộng sản là kháng chiến. Họ hỏi người bắc di cư là sao ngoài đó độc lập rồi còn vào đây làm gì?

Vậy, nếu có một số “ít” người miền nam nào chỉ biết cộng sản miền bắc tàn độc – mà không biết họ là tay sai của cộng sản quốc tế – thì hẳn những người này chỉ chống cộng sản vì chuyện tàn độc, có dính líu gì đến tư bản. Phần lớn họ lại cũng chống luôn chính quyền miền nam đối trá, lường gạt và... kỳ thị (dùng nhiều người trung, người bắc) nữa.

Cũng như tất cả những người chống cộng có ý thức (đảng phái, giáo phái, đoàn thể quốc gia chống đối chính thể miền nam), chống cộng ở bắc, chống cộng ở trung, chống cộng ở nam đều coi việc chống cộng là nhiệm vụ đương nhiên của họ, chứ có làm tay sai cho ai.

4. *Nếu có ít hay nhiều người dân miền nam chống cộng sản miền bắc vì “điều họ biết là sự phải sự trái, sự đạo đức sự vô luân, sự an bình sự hỗn loạn...” – vẫn theo ngôn từ của ông Hồng – thì việc họ chiến đấu có gì đáng nói trong cuộc chiến mà ông Hồng gọi là “ủy nhiệm”? (Người Dân số 230)*

Vẫn là câu trả lời tương tự như trên.

Nếu không làm, thì tôi vẫn luôn luôn cho là trong hai nền cộng hòa vẫn có một số chống cộng có ý thức (tự nguyện, không bị cưỡng bách), nói theo

kiểu các phe quốc gia là đánh chung mà đi riêng. Họ không chống cộng vì tiền bạc, vì địa vị. Còn nếu ai cho đó cũng chỉ là chuyện tham dự trong cuộc chiến ủy nhiệm thì tùy, “nào ai bung miệng bịt mồm được ai”!

5. *Trong bài “Trách nhiệm và lương tri” NgD số 230, tác giả Trần Đạo viết: “Chống [cộng] cho đúng, có dân hỗ trợ, thì cộng sản không xâm lăng được. Chống sai, không có dân hỗ trợ, thì bị cộng sản xâm lăng”. Nếu nhận xét trên của ông Trần Đạo đúng một cách hiển nhiên thì không có ai có thể nói như ông Hồng rằng: “Chẳng làm gì có chuyện dân tộc Việt Nam chống cộng sản”, bởi chung dân tộc Việt Nam muốn chống cộng cho đúng, không chống cộng sai. (Người Dân số 230)*

Thú thực tôi không hiểu câu hỏi này.

Trước hết, nói ông Trần Đạo “đúng một cách hiển nhiên” để không ai được nói khác thì cũng tương tự như kiểu đơn giản hóa vấn đề trên đây. Làm gì có chuyện không ai có thể nói khác. Ai cấm được ai?

Sau nữa, khi ông Đạo nói “dân” ở đây hẳn muốn nói đến dân chúng, quốc dân, dân tộc. Nhưng cũng không thể có nghĩa là “toàn dân” như các khẩu hiệu vẫn nói. Chẳng bao giờ, chẳng cái gì là “toàn” cả. Mà chỉ là tối đại đa số. Cỡ 80% chẳng hạn. Với hào khí sát thát đời Trần, cũng vẫn có những tập đoàn Trần Di ái, Trần Thiêm Bình, Trần ích Tắc,...

Cuối cùng, khi tôi viết “*Chẳng làm gì có chuyện dân tộc Việt Nam chống cộng sản*” là nói về hai cuộc chiến vừa qua do Pháp, Mỹ, các chính thể điều động. Quí vị đều đã nói các chính thể/nhà nước đó chẳng phải là quốc gia/dân tộc. Còn tí như bây giờ có một cuộc “*chống cộng cho đúng, không chống sai*” thì, tôi nghĩ, tất nhiên là sẽ có chuyện dân tộc Việt Nam chống cộng chứ. (Người Dân số 230)

6. *Tóm lại, chúng ta không tích cực chống cái ác có phải là vì ta không biết cái ác là gì, hay “thuận thụ một chiều” theo cái ác? (Người Dân số 230)*

Câu hỏi hơi kỳ. Khi tôi viết “*còn tối đại đa số (dân) thì chẳng ngu ngơ gì*” thì không thể nói “*ta không biết cái ác là gì*”. Biết, nhưng không có điều kiện phương tiện, khi kẻ cai trị độc quyền, đàn áp, khi địch thù quá mạnh, thì đành chịu ép một bề (như quốc nội ngày nay). Bằng không BPT NgD bảo họ làm được gì bây giờ?



Thuận thụ một chiều không có nghĩa là “theo cái ác”, mà là không làm gì nổi thì đành nằm im. Hai cái khác xa nhau. Dân Do Thái, trước cái ác của giáo hội, đành thuận thụ một chiều suốt hơn 15 thế kỷ, nhưng không hề có nghĩa là theo cái ác.

7. *Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện có một bài thơ để đời về lý do miền nam bại trận, trong đó có đoạn:*

*Vì ấu trĩ, thờ ơ, u tối*

*Vì muốn an thân, vì tiếc máu xương*

*Cả nước đã quay về một mối*

*Chúng tôi [BPTbNgD] chỉ e rằng Chân Lý đơn giản hóa tuy tiện nhưng có thể không lợi cho... Chân Lý. (Người Dân số 230)*

Tôi không biết quý vị muốn nói ông Thiện đơn giản hóa hay tôi đơn giản hóa. Tuy nhiên, theo tôi, ông Thiện trách mọi người không chống cộng (để giải phóng cả miền bắc). Ông Thiện ở miền bắc, không nắm vững thực trạng miền nam. Và lại tôi nghĩ đây là ông Thiện trách luôn giới lãnh đạo lẫn dân chúng miền nam (và có thể cả miền bắc), vì:

*Lỗi lầm tại ai? Xét ra tất cả*

*Máy ai người đem hết tâm can?*

*Trước quân thù hung hiểm gian ngoan*

*Biết bao kẻ mơ hồ hưởng lạc!*

Nhưng người dân “thờ ơ, muốn an thân, tiếc máu xương” do cái chuyện tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa nói bên trên. Cái nào cũng nhá chẳng đặng thì thờ ơ, an thân, tiếc máu xương có gì đáng trách. Ông trách chẳng là đám lãnh đạo đã “ấu trĩ, u tối, không tiếc máu xương và mơ hồ hưởng lạc”. Trước tiên bạc, địa vị, họ đâu có thờ ơ. Thân họ mấy ai đụng tới được mà chả an. Máu xương họ có đổ ra đâu mà tiếc. Nhưng vì ấu trĩ, họ đã “hưởng lạc” với quyền lợi cá nhân, gia đình, tập thể trên sự tan hoang của quốc gia dân tộc. Vì u tối, họ đã đi làm tay sai đế quốc, để đất nước mất bao nhiêu cơ hội mở mặt mở mày với thế giới.

Còn tôi chỉ nói rằng người dân chống cộng miền cường: chống cộng vì mưu sinh (đi lính cho Pháp trước 1945, như Phạm Văn Đồng, Đỗ Mậu,... sau 1945, như Nguyễn Văn Thiệu, Tôn Thất Đính,...); vì bị Pháp động viên (như Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Chức,...); vì Đệ Nhất, Đệ Nhị Cộng Hòa gọi nhập ngũ. Ngoài ra cũng có người tình nguyện chọn nhà binh làm sự nghiệp như những vị Võ Bị Đà Lạt;

hoặc đảng nào cũng phải đi thi vô Đà Lạt được học nhiều, ở trường lâu; hoặc được chọn binh chủng.

Tôi không đủ trình độ để biết “Chân Lý đơn giản hóa” là cái gì, lợi hay hại cho Chân Lý ra sao. Còn thì, theo tôi, chân lý (la vérité, the truth) là đương nhiên, đơn giản. Thí dụ: Là người thì phải chết, thịnh cực tắc suy,... là chân lý ngàn đời, còn đơn giản hóa gì được hơn?

Và tôi không bao giờ nghĩ điều tôi viết là chân lý thì làm sao đơn giản hóa được... chân lý.

Thực ra tôi không đơn giản hóa khi mệnh danh hai cuộc chiến tại Việt Nam là chiến tranh ủy nhiệm. Mà là tôi gọi đúng bản chất của chúng. Bằng không gọi tên hai cuộc chiến đó là gì? Chống ngoại xâm, giành độc lập, thống nhất quốc gia (như cộng sản tự khoe)? Tự vệ, bảo vệ tự do dân chủ (như cộng hòa tự nhận)? Thế thì các món tiền bạc, khí giới, cố vấn, chuyên viên,... đều là vì lòng tốt mà mỗi bên cộng sản và tư bản đổ vào? Rồi cuối cùng, họ mang quân nhảy vô (Mỹ 500,000 ở Miền Nam, Tàu 300,000 ở Miền Bắc) để chết vì chúng ta? Hay gọi là cuộc nội chiến nam bắc giữa nhân dân hai miền? Nhân dân đánh nhau thì ăn cái giải gì?

Dĩ nhiên quý vị có toàn quyền không đồng ý. Nhưng xin đề nghị quý vị cho một danh xưng nào khác đúng với bản chất của chúng, để mỗi khi nói đến có một sự nhất trí. Cụ Không dạy cái gì cũng phải chính danh. Danh có chính thì ngôn mới thuận.

Cũng như tất cả ý kiến của tôi về các điều tác giả Bùi Anh Trinh viết, đúng sai là tùy các thân hữu/độc giả.

Tôi thích đọc lịch sử và hồi ký viết về Việt Nam. Thấy điều gì tôi tự cho là cần phủ chính thì nói ra, hi vọng có mang lại một sự sửa sai nào đó thì tốt. Bằng không mà được sự chỉ giáo như trên đây thì cũng mở mang sự hiểu biết của mình.

Kính mong được quý vị chỉ giáo thêm. Xin hết lòng mang ơn.

### **Phan Xuân hồi âm thân hữu Nguyễn Trần Ai:**

Quý hữu dạy không thể sai: mỗi người mỗi ý kiến.

Nhưng mỗi loại viết lại cũng có mỗi cách. Cụ Nguyễn Thanh Hùng nói rất đúng về việc in các bài ra thành sách. Sách thì tha hồ đề cập đến bất kỳ vấn



đề gì, dày mỏng bao nhiêu cũng được, tha hồ nhiều ít chi tiết. Khi là một công trình đúng đắn thì càng nhiều chi tiết càng tốt, càng dày càng quý.

Còn một tạp chí như Người Dân thì mục đích đã rành mạch, số trang quá hạn hẹp, thì quý hữu “đa tạ Phan tiên sinh” là cũng đã phần nào chấp nhận ý kiến của tôi.

Tất cả chỉ là hảo ý đối với tờ tạp chí và đất nước dân tộc cả thôi.

## ĐÍNH CHÍNH

### \* Trong Người Dân số 231:

- Bài “Xin được đóng góp”, trang 27, cột 2, dòng 8 (từ trên xuống) thiếu chú thích [1]:

Thực ra: 18-8-61, ông Diệm loan báo tình trạng tổ quốc lâm nguy.

13-10, ông sai Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng Bộ Quốc Phòng kiêm bộ trưởng Phủ Tổng Thống, xin Mỹ gửi đơn vị tác chiến, xin Đài Loan gửi 1 sư đoàn (Mỹ từ chối).

15-10, ông ban bố sắc lệnh SL209TTP đặt toàn lãnh thổ trong tình trạng khẩn cấp. 7-12, ông gửi thư cho tổng thống Kennedy (John Fitzgerald, 1961-63) trình bày tình trạng bi đát, kêu gọi giúp đỡ.

8-2-62, Mỹ thiết lập... Bộ Tư Lệnh MAC-V tại Việt Nam! Và vào giữa năm, số “cố vấn” đang từ 700 tăng lên... 12,000.

8-5-63 xảy ra vụ Phật Giáo ở đài phát thanh Huế. Ngày 22, tổng thống Kennedy tuyên bố sẵn sàng rút quân Mỹ về ngay ngày hôm sau nếu có sự yêu cầu của VNCH và hi vọng tình thế cho phép rút một số vào cuối năm. Ông Diệm không yêu cầu.

- Bài “Người quốc gia, ông bà là ai?” trang 30, cột 1, dòng 7 (từ dưới lên) thiếu chú thích [1]:

Cũng thế, không thể gọi tất cả người ở vùng cộng sản là “người cộng sản”. Họ có thể là người của các đảng phái quốc gia nằm vùng, tay sai thực dân, thời cơ,... Đại đa số họ là công dân của nhà nước (chế độ) cộng sản. Nhiều lắm cũng chỉ có độ một hai triệu đảng viên (cộng sản).

Tất nhiên, có một số tin lời cán bộ, lại thấy Pháp xâm lăng, thấy Mỹ oanh tạc, họ chống Pháp giành độc lập tự do hạnh phúc, chống Mỹ cứu nước, chống cộng hòa thống nhất quốc gia, cứu vớt đồng bào bị bóc

lột cái bát không có. Nhưng đa số chỉ mong yên thân mưu sinh. Một số ý thức chết chỉ uống mạng, cho tụi cai thầu tọa hưởng trên xương máu mình. Xin đừng khoác lên họ những hào quang, những tình tự không có thực.

Bắc Nam gì người dân cũng chẳng ngó ngàng. Từ 1945 đến 1985, tôi tiếp xúc khá nhiều, họ luôn cười tùm: Ông Bà cũng chỉ léo cái mồm (miệng).

Ngày nay, ở Hoa Kỳ, mọi người là công dân Hoa Kỳ cũng vẫn không thể gọi họ là người quốc gia. Họ là người cộng hòa, người dân chủ, người quốc gia, người quốc tế, người vô chính phủ tùy theo xu hướng chính trị của họ. Chưa kể còn có người công dân Hoa Kỳ mà hồn họ là Việt Nam, là Vatican, là Hồi, là Trung Cộng,...

Xin cáo lỗi cùng độc giả và các tác giả.

### \* Tác Giả Đại-Dương xin đính chính:

Trong thư “Đại-Dương trả lời chung cho hai tác giả Trần Đạo và Trần Thị Xuân Thu”, trang 8, cột 2, dòng 23 (từ trên xuống), đoạn “chiến dịch giải phóng Châu Âu ngày 06/06/1945” xin đọc là “chiến dịch giải phóng Châu Âu ngày 06/06/1944”. Xin cáo lỗi độc giả.

### \* Tác Giả Nguyễn Trần Ai xin đính chính:

Trong bài “Nguồn gốc Dòng Tên”, Ng D 231, trang 33, tôi viết:

Giáo thuyết Quiétisme (Tĩnh tịch) đưa đến cuộc đấu khẩu giữa hai giám mục Fénelon và Bossuet. Trong sách giáo khoa tôi học hồi còn nhỏ có kể chuyện hai vị giám mục học giả này đấu khẩu: Một vị thuật lại, “*Một ngày kia, ông ấy xuống thung lũng, con rắn cắn ông ấy. Có biết ai chết không? Con rắn chết!*”

Thấy ngờ ngờ, tôi tra cứu lại thì rõ là sau gần 70 năm, trí nhớ... trật lất. Đúng ra cuộc đấu khẩu xảy ra giữa Voltaire và Fréron. Voltaire viết bài tứ tuyệt:

L' autre jour, au fond d'un vallon,  
Un serpent piqua Jean Fréron.  
Que pensez-vous qu'il arriva?  
Ce fut le serpent qui creva.

Nay xin đính chính và mong quý vị độc giả niệm tình tha thứ.





## Câu Chuyện Hôm Nay

### ĐẠI HỘI VIỆT KIỀU



**Huỳnh Thị Nữ**

Báo chí loan tin nhà nước Việt Cộng họp Đại Hội Việt Kiều vào những ngày 21-23 tháng 11, 2009.

Kể ra việc của họ, thì mặc kệ họ. Nhưng dù sao cũng liên hệ đến đồng bào bên nhà, nên cũng phải quan tâm.

Như họ cho biết, trước đây đã có nhiều cuộc họp. Nay chỉ là cuộc họp có qui mô hơn mà thôi.

Có lẽ nguyên do là vì tình trạng kinh tế. Cả thế giới lo, thì "mình" cũng nên lo. Chắc các ông Việt Cộng nghĩ thế. Dù không bỏ dục cũng dở ngang. Vừa kiếm đường kiếm chác trong thời buổi khó khăn, vừa có vẻ quan tâm đến nền kinh tế đất nước để người ngoài nó lé, nó "nhào dzô". Có ngoại quốc vào làm ăn nhiều nhiều thì ông lảng giềng không lờ cũng đâu có vén tay áo xô được. Vân vân...

Nếu nhìn như vậy, thì có thể "phe ta" chia ra làm:

Cánh già:

- Trước hết là các ông ba "yêu nước nồng nàn", sốt ruột quá thấy... không chừng đây là cơ hội để đóng góp cao kiến, công của bề bộn để xây dựng quê hương, cứu giúp đồng bào ruột thịt;

- Thứ đến là quý vị "ba lợi ích" thực tế (pragmatist), kiếm nơi dễ làm ăn, lợi cho mình, lợi cho nhà nước, lợi cho... đồng bào;

- Thứ nữa là chẳng làm gì nhưng về họp cũng được... thơm lây.

Cánh trẻ:

- Ngán gì cộng sản, muốn đóng góp cho quê hương;

- Kiếm đất hoang đại thi thổ tài ba;

- Nhân tiện về cho biết quê hương xứ sở.

Tuy nhiên nó vẫn tùy thuộc cái... qui chế! Nếu đi về, ăn ở, xê dịch được nhà nước đãi thọ thì khác. Mà tự bỏ tiền túi thì lại khác. Được gửi giấy mời cũng khác. Phải đến xin tham dự lại cũng khác.

Nhưng thực ra đại hội có dành cho "phe ta" không? Theo đúng chữ nghĩa thì là Đại Hội Việt Kiều. Việt kiều có nghĩa là công dân Việt cư ngụ ở nước ngoài. "Phe ta" chỉ là ngoại kiều gốc Việt mà thôi. Có thể chỉ là chuyện giữa họ như trên tôi đã nói. Muốn biết thì chỉ việc xem danh sách tham dự viên.

Có vẻ đa số là người từ Đông Âu, nghĩa là chuyện trong nhà.

Tuy nhiên, nếu có kiểm ra danh sách, ta cũng có thể biết được đôi điều – họp để làm gì, họp với ai, họp chơi hay thiệt,... – căn cứ vào thành phần, tuổi tác người tham dự: bao nhiêu người lớn tuổi, bao nhiêu người trẻ tuổi, bao nhiêu viên chức nhà nước, bao nhiêu người "phe ta".

Biết những người của "phe ta" được nhà nước ưu ái mời gọi hay tự hồ hởi xin tham dự cũng là điều bổ ích lắm chứ!

### HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG



**Thi Sơn**

Học viện Ngoại giao và Hội Luật gia CSVN tổ chức trong hai ngày 26 và 27 tháng 11.2009 tại Hà Nội hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề "Biển Đông: Tăng cường hợp tác vì an ninh và phát triển ở khu vực" với sự tham dự của 150 đại biểu, trong đó có 54 đại biểu quốc tế đến từ các trung tâm nghiên cứu có uy tín ở 22 quốc gia, và đại diện của một số sứ quán nước ngoài tại Hà Nội.

Việt Nam đóng góp bốn tham luận, trong có bài



về” *Ký kết Tuyên bố chung về Quy tắc Ứng xử trên Biển Đông*” của tác giả Trần Trường Thủy thuộc Chương trình Nghiên cứu Biển Đông của Học viện Ngoại Giao.

Nhân dịp này, Nhóm Chủ Biên Bauvinal đã gửi tới Hội nghị, dưới tựa đề “*Xung đột trên Biển Đông không còn là nguy cơ tiềm ẩn*”, bộ sưu tập những tham luận của các học giả và các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước gồm 41 bài và 8 phụ lục cùng nhiều hình ảnh dưới dạng e-book 758 trang. Trong “Lời Bạt”, ông Hồng Lê Thọ (hongletho@gmail.com), thay mặt nhóm Bauvinal (<http://bauvinal.info.free.fr> và [bauvinal.info@gmail.com](mailto:bauvinal.info@gmail.com)), “*kính mời quý bạn theo dõi qua mạng tập tư liệu này và chuyển đến những ai quan tâm đến vấn đề trên*” (20.11.2009).

Tính hào phóng quảng đại này thật đáng tán dương. Xin trích dẫn phần chính trong “Lời Dẫn” của tài liệu này:

*Hành động bắt bớ ngư dân, giam giữ, đánh đập, cướp dụng cụ đánh cá, xăng dầu và phạt tiền những ngư dân các tỉnh miền trung trong vùng biển thuộc lãnh hải Việt nam không còn là sự kiện ngẫu nhiên, cá biệt mà đã trở thành một sách lược có dụng ý rõ rệt trong việc xác định chủ quyền của TQ trên biển Đông trước công luận quốc tế. Từ tháng 6/2009, các lực lượng hải quân, cảnh sát biển, tuần tra ngư nghiệp đã huy động tàu chiến, tàu tuần ngư cao tốc và các loại tàu giả dạng đánh cá có vũ trang liên tục quần thảo trên biển Đông từ khi TQ có chủ trương sớm “thu hồi” những hòn đảo còn lại thuộc quần đảo Trường Sa bất chấp Công ước về Luật Biển của Liên hợp quốc (UNCLOS) và những gì TQ đã cam kết về cách ứng xử trên biển Đông (DOC) năm 1992, kể cả việc cứu hộ cứu nạn trong nghề đi biển và đánh cá quốc tế.*

*Trở trêu thay, cũng trong quãng thời gian này, vào ngày 17/10/2009, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã gặp và hội đàm với Thủ tướng Ôn Gia Bảo tại Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên. Trong cuộc gặp này Thủ tướng Ôn Gia Bảo khẳng định “Việt Nam là láng giềng hữu nghị và là đối tác quan trọng của*

*Trung Quốc. Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc luôn coi trọng phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với Việt Nam”. Đáp lại, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cam kết “Đảng và Nhà nước Việt Nam sẽ làm hết sức mình để cùng với Trung Quốc xây dựng quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện theo phương châm “16 chữ và tinh thần 4 tốt”. Trên tinh thần này “hai thủ tướng bày tỏ tin tưởng vấn đề trên biển sẽ từng bước được giải quyết phù hợp với quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước, trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước về Luật biển 1982 và tinh thần DOC; đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực” theo lời tường thuật của TTXVN.*

*Qua đây có thể thấy rằng hành động và lời nói của phía TQ không đi đôi với nhau, nếu không nói là trái ngược đến phủ phàng. Phải chăng đây là liệu pháp “vừa xoa vừa đánh” mà TQ đang triển khai một cách khôn khéo và có hệ thống để từng bước lấn chiếm và xác lập chủ quyền trên biển Đông bằng cách tạo ra những sự việc “đã rồi” như nhiều nhà phân tích trong tập tư liệu này đã đề cập qua nhiều góc nhìn của tình hình thiếu hụt năng lượng, phát triển kinh tế, quân sự trong chiến lược bành trướng của chủ nghĩa dân tộc Đại Hán trong thế kỷ 21. Liệu VN phải đối phó ra sao trước một kẻ vừa tự xưng là bạn lại vừa triển khai những hành vi thù địch, ở ngay bên hông nước ta? Nếu những phát biểu vừa qua của hai Thủ tướng được phía TQ tôn trọng và thực hiện nghiêm túc thì may mắn cho người dân nước Việt biết bao! Không còn gì để chê trách mà ngược lại chúng ta sẽ vô cùng biết ơn người bạn lớn hào hiệp và nghĩa khí mà người láng giềng đã chứng tỏ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược.*

*Nếu chẳng may không là như vậy, tương tự sự kiện đang xảy ra với ngư dân trên biển Đông thì con đường thương lượng ngoại giao song phương có đủ đảm bảo an ninh và chủ quyền của đất nước? Nói khác đi, VN đang cần một sự phối hợp và hỗ trợ quốc tế để đối phó hiệu quả trong vấn đề chủ quyền*



trên biển Đông qua việc chủ động nhận lãnh vai trò điều phối quyền lợi của các bên và góp phần củng cố an ninh của tuyến đường hàng hải thông thương trên biển Đông với tư cách là người trong cuộc. Với vị thế thuận lợi ở các diễn đàn trên thế giới, làm chủ tịch Hội Đồng Bảo An LHQ (lần 2), và sẽ giữ chức Chủ tịch ASEAN vào năm 2010, cũng như quan hệ ngày càng gắn bó với các nước trong khu vực và trên thế giới, liệu VN có nên lợi dụng thời cơ này để tranh thủ đưa cuộc đàm phán về chủ quyền trên biển Đông ra nghị trường quốc tế?

Việc nghiên cứu những động thái của Trung Quốc cũng như các nước đang tranh giành chủ quyền ở vùng quần đảo Trường Sa là một việc làm vô cùng cần thiết, hi vọng tập tư liệu này sẽ cung cấp cho bạn đọc một số thông tin và dự báo của các chuyên gia trong và ngoài nước.

Vì số trang trên Người Dân rất hạn chế, rất tiếc không có chỗ cho bản mục lục các văn kiện và phụ lục.

Khai mạc hội thảo, đại sứ Dương Văn Quảng, phó giáo sư, giám đốc Học viện Ngoại giao, phát biểu: “Hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế đương đại; nhưng điều đáng quan tâm là những tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ giữa nhiều bên liên quan không hề thuyên giảm ở Biển Đông... Phương thức thảo luận của Hội thảo này là thẳng thắn, khách quan, xây dựng và cầu thị... Các đại biểu sẵn sàng chia sẻ những kết quả nghiên cứu chuyên sâu về Biển Đông nhằm góp phần nâng cao không chỉ hiểu biết của giới học giả, mà cả nhận thức của giới hoạch định chính sách và của công chúng về các vấn đề liên quan đến Biển Đông, để từ đó thúc đẩy nỗ lực của các bên trong khu vực với mục đích duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông, vì lợi ích của mỗi bên liên quan và vì hòa bình, an ninh và phát triển của cả khu vực”.

Giáo sư Carlyle Thayer nói với BBC: “Trước thái độ ngày càng mạnh bạo của Tàu tại Biển Đông, chính phủ Việt Nam đã quyết định tăng cường vận động ngoại giao và đây là một trong các sáng kiến

của Hà Nội. Tôi nghĩ họ trông đợi hội thảo này sẽ đưa ra được những ý tưởng chung về các hoạt động của Tàu cần được kiểm chế như thế nào, hoặc chuyển thành cơ chế hợp tác như thế nào, bởi vậy chủ đề chính của hội thảo là hợp tác. Đây là cách Việt Nam không gây áp lực trực tiếp mà thông qua người khác gây áp lực (với Tàu)... Tàu nắm trong tay tất cả các lá bài: có hải quân hùng mạnh nhất, có quyền lực ngoại giao lớn nhất. Một mình Việt Nam không thể làm được gì.”

Giới quan sát nhận định các nỗ lực quốc tế hóa tranh chấp Biển Đông chắc hẳn sẽ không làm vừa lòng Bắc Kinh, vốn chủ trương giải quyết bất đồng thông qua đàm phán tay đôi với các nước liên quan.

Giáo sư Kazunime Akimoto thăm định rằng tất cả các quốc gia Đông Á đều liên quan đến Biển Đông. Nếu khu vực này bị một quốc gia nào đó độc chiếm (hàm ý Tàu), tác hại không chỉ xảy ra cho khu vực mà cả cho an ninh toàn thế giới.

Hội thảo Biển Đông có hai sự kiện hơi lạ: Tuy CSVN là chủ nhà, báo chí trong nước lại không loan tin về hội thảo này. Trong danh sách khách mời có cả học giả Tàu và Đài Loan, điều luôn được coi là “tế nhị”.

Cũng có một sự kiện không lạ. Đó là lời tuyên bố của đại sứ Tàu tại Manila, tên (con) Kiến Siêu (đều), họ Lưu (manh): “Tình hình lúc này còn nhiều khó khăn, nhưng chúng ta cần kiên nhẫn. Chúng ta đang tìm cách giải quyết vì lợi ích của tất cả các bên liên quan... Trung Quốc có chủ quyền không thể chối cãi đối với quần đảo Nam Sa (Trường Sa) và vùng biển xung quanh... Trong khi giữ vững tuyên bố chủ quyền, chính phủ Tàu muốn tìm cách giải quyết bất đồng thông qua thương lượng hòa bình trên nguyên tắc song phương với các nước có liên quan”.

Một ông Tàu khác, giáo sư Lý Quốc Cường, phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Sử địa giới, thuộc Viện Khoa Học Xã Hội Tàu, tuyên bố với BBC: “Chúng tôi muốn thông qua sự giao lưu giữa các học giả của các quốc gia khác nhau, chúng ta sẽ tìm



*cách hòa giải bất đồng giữa các nước tại Biển Đông. Muốn đạt được an ninh Biển Đông., các nước phải nỗ lực xây dựng lòng tin với nhau. Tuy nhiên, nguy cơ xung đột vũ trang xảy ra tại Biển Đông trong thời đại hiện nay không thể có, có chăng thì chỉ là những va chạm nhỏ... Cuộc hội thảo lần này chỉ mang ý nghĩa “học thuật” và không trông đợi một giải pháp thực sự nào”.*

Như thế đã có thể đoán trước được kết quả của Hội thảo “hoành tráng” Hà Nội tổ chức. Xin hỏi gs Lý: Tàu có đáng tin không? Nhận định chung của các diễn giả tham gia hội thảo là tranh chấp chủ quyền trong vùng Biển Đông sẽ còn dai dẳng trong hàng chục năm sắp tới đây. Theo hãng tin Đức DPA, ông Nazary Khalid, chuyên gia cao cấp thuộc Học viện Hàng hải Mã Lai Á, thừa nhận là các nhà nghiên cứu đã phải chấp nhận thực tế là “có thể đến chết họ cũng chưa thấy được có giải pháp cho một số vụ tranh chấp”.

Cũng theo DPA, Việt Nam trong thời gian qua đã cố tìm cách đoàn kết các nước ASEAN thành một khối để đối phó với Tàu. Tuy nhiên, chuyên gia Mỹ Mark Valencia thuộc Viện nghiên cứu Nautilus nhận định: “Tàu chỉ cần tách một thành viên ASEAN ra khỏi khối là đủ để cho Hiệp hội này không thể tiến bước với tư cách một tổ chức thống nhất. Do đó tranh chấp Biển Đông sẽ kéo dài vô thời hạn”.

Khốn nạn hơn nữa là đúng lúc cuộc Hội thảo khai mạc ở Hà Nội thì Tân Hoa Xã đưa tin về Đài Tiếng Nói VN Tự Do nhận định: “Khác với thái độ im lặng hay lên tiếng nhẹ nhàng như trong quá khứ, đây là lần lên tiếng tương đối mạnh bạo và nhanh chóng của nhà cầm quyền Hà Nội trước việc TQ vi phạm chủ quyền vùng Biển Đông thuộc Việt Nam”.

Phải chăng đây là dấu hiệu báo trước một cuộc tranh chấp vũ trang?

Các học giả Ian Storey (Tân Gia Ba) và Clive Schofield (Úc) mới đưa ra một báo cáo mang tính học thuật cho thấy một viễn cảnh ảm đạm: “Xung đột không phải là không thể tránh khỏi ở Biển Đông, nhưng nếu các xu hướng hiện nay tiếp tục, thì những tranh chấp về chủ quyền và tài nguyên

*sẽ là nguồn gia tăng xung đột giữa các quốc gia có khả năng lan thành sự đối đầu quân sự”.*

Đe dọa của Bắc Kinh đã gia tăng năm ngoái khi ExxonMobil bị Tàu ép phải hủy bỏ thỏa thuận thăm dò dầu khí với Việt Nam. Trong cuộc điều trần tại Thượng viện HK vào tháng 7.2009, trợ lý thứ trưởng Ngoại giao Mỹ đặc trách khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, Scot Marciel, xác nhận rằng Hoa Thịnh Đốn đã lo ngại hơn đối với Bắc Kinh: “Chúng tôi phản đối bất kỳ nỗ lực nào hăm dọa các cty Mỹ. Tranh chấp chủ quyền giữa các quốc gia không nên được giải quyết bằng nỗ lực gây sức ép cho các cty không tham gia tranh chấp”.

Greg Torode trên tờ South China Morning Post ngày 24.11.2009 bình luận: “Sau chuyến viếng thăm kém nhiệt huyết một cách có chủ đích của TT Mỹ Barack Obama tới Tàu, có thể thấy rõ là chính quyền của ông đang đặt niềm tin vào việc hợp tác thay cho đối đầu vì họ cảm nhận đó là cách vượt qua mối quan hệ ngày càng phức tạp với Bắc Kinh... Liệu cách tiếp cận mềm mỏng này có thực sự hữu ích khi quan hệ Mỹ - Tàu bị thách thức bởi phần nào những khủng hoảng đang tấn công mối quan hệ đó theo định kỳ? Và phép thử lớn tiếp theo sẽ nổi lên ở đâu và như thế nào?... Cả Ngũ Giác Đài và Bộ Ngoại Giao đã âm thầm nhưng chủ ý lắng nghe những cảnh báo gần đây về các hoạt động của Tàu như nguyên nhân gây căng thẳng và chạy đua trên tuyến đường biển chiến lược và tranh chấp kéo trở lại thành điểm nóng lần đầu tiên trong nhiều năm. Việc hoàn thành căn cứ hải quân nước sâu trên đảo Hải Nam và khẳng định ngoại giao đang gia tăng của Bắc Kinh về tuyên bố lịch sử quyết định (kéo dài) của nó đối với hầu như toàn bộ Biển Đông đã thực sự dập tắt những nỗ lực ngoại giao của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á trong việc làm dịu bớt những căng thẳng. Bắc Kinh cũng đã chính thức hóa đưa ra những phản đối về hoạt động do thám thông thường của quân đội Mỹ trong vùng, khi tàu hải quân Mỹ khẳng định họ sẽ tiếp tục thực thi quyền được tiến hành các nhiệm vụ đó”.

Liệu TT “hiếu hòa” Obama có dám chơi khăm



đặt giải Nobel Hòa Bình vào tình thế khô hài bằng cách mặc nhiên hay công nhiên tuyên chiến – dù là chiến tranh lạnh – với Tàu không? Nếu ông dám thì Biển Đông sẽ có biến động lớn. Nếu ông không dám thì kể như Biển Đông dứt khoát là ao nhà của Tàu. Đẳng nào thì dân VN cũng lãnh đủ.

Biển Đông là lãnh hải của nước ta từ ngàn xưa mà sao chủ quyền lại tùy thuộc vào không Tàu thì Mỹ? Nhớ lại sau khi Thế Chiến II kết thúc (1945), quân Pháp chạy đã xa, quân Nhật đầu hàng, VN thu hồi chủ quyền, lòng dân muôn người như một, khí thế yêu nước bùng bùng tưởng như không một kẻ thù nào dám bén mảng cướp một tấc đất tổ tiên để lại. Trai tráng tự nguyện “*xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, xếp bút nghiên coi thường công danh như phù vân... một lòng vì dân ta liềm thân*”. Các cụ già tay run rẩy tháo từng chiếc nhẫn vàng, từng đôi khuyên bạc bỏ vào thùng vàng không cần cho ai biết tên tuổi, những tưởng là để góp phần xây dựng Tổ Quốc.

Thảm thương cho cả dân tộc là Hồ Chí Minh và bè lũ đã lật lọng phản bội tất cả để bây giờ dân “liều thân” chống Nhà nước, Nhà nước coi dân như kẻ thù. Hai bên chỉ chăm chăm lo đối phó lẫn nhau không còn hơi sức chống ngoại xâm, phải khiếp nhược chịu mọi áp đặt của ngoại bang.

Trăm cái Hội Thảo Biển Đông cũng khó mà gỡ được cái thế kẹt mắt nước.

Ngàn cái Hội Thảo Biển Đông không bằng một Hội Nghị Diên Hồng, “*Toàn dân! Nghe chǎng? Sơn hà nguy biến! Hận thù đǎng đǎng! Biên thù rung chuyển... Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến? Quyết Chiến!... Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh? Hy Sinh!*” Khôn nhưng CSVN vốn rất mực yêu nước thương nòi theo kiểu hồ cáo, tất cả những ai mới có ý định hy sinh là chúng đã đem “cát” kỹ vào tù để khỏi uổng mạng.

Vậy bây giờ “Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh?”: Mở Hội Thảo Biển Đông!



## MỘT VÀI VẤN ĐỀ VIỆT NAM VÀ HOA KỲ

### HỘI NGHỊ VIỆT KIỀU: NGƯỜI THẬT, CHUYỆN GIẢ

**Đại-Dương**

Gần 1,000 người tham dự Hội nghị người Việt ở nước ngoài được tổ chức tại Hà Nội từ 21 đến 23/11/09 đã dẹt ra quá nhiều câu chuyện không đúng sự thật, nhắm vào 2 chủ đích xây dựng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về đất nước và vận động trí thức, doanh nhân góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

Hơn 900 Việt Kiều tham dự được Cộng sản Việt Nam xưng danh là Đại biểu cho 4 triệu người Việt sinh sống bên ngoài biên cương quốc gia. Đa số đại biểu đến từ các nước Đông Âu, Nga, Trung Quốc, Thái Lan. Nào ai suy cử họ làm Đại biểu, ngoại trừ các Sứ quán Cộng sản đã kín đáo sàng lọc cẩn thận từng cá nhân. Vì thế, những điều đám Đại Biểu cam kết hoặc hứa hoặc thể hiện không hề phản ánh lối tư duy, khát vọng phổ quát trong cộng đồng người Việt sinh sống ở hải ngoại.

Cộng đồng người Việt sinh sống ở hải ngoại bao gồm các thành phần tị nạn cộng sản, di dân, du học, cư trú bất-hợp-pháp, lao động hợp tác, thương gia, nhân viên sứ quán. Thành phần tị nạn cộng sản và hậu duệ chiếm đa số, hầu như đã nhận quốc tịch sở tại, đã bị Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghép vào tình trạng song tịch dựa theo nguyên tắc huyết thống.

Nhà nước Hà Nội cố tình gộp chung vào giỏ “Việt Kiều” để chứng minh vị trí chủ nhân ông cho tất cả các thành phần trong cộng đồng người Việt sinh sống ở hải ngoại là hoàn toàn không hợp lý. Nhà đang thúc giục người Việt hải ngoại gia nhập



Việt tịch trước khi hết hạn vào 01/07/2014, đặc biệt nhắm vào thế hệ trẻ, vì sợ mất khối tài nguyên dồi dào.

Trong ngày khai mạc Hội nghị, Chủ tịch Nhà nước, Nguyễn Minh Triết ba hoa “*Kiều bào là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Chúng ta là con một nhà, con Lạc cháu Hồng, cùng một bọc trứng sinh ra*”. Rồi kêu gọi những Việt Kiều tham dự hãy đấu tranh chống lại các lời nói và hành động sai trái, xuyên tạc của “các thế lực thù địch”.

Thật ra, hàng năm chỉ có hơn 200 lượt trí thức về nước giảng dạy, hợp tác nghiên cứu, hội thảo khoa học trong số 300,000 người trình độ đại học trở lên, và tổng số đầu tư của “Việt Kiều” chỉ có 2 tỉ USD đã chứng minh xu hướng chống đối, nghi ngờ chế độ cộng sản vẫn chiếm đa số tại hải ngoại.

Nghị quyết 36 ban hành năm 2004 nhằm cải thiện công tác thông tin, tuyên truyền trong cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại được Thứ trưởng Ngoại giao kiêm Chủ nhiệm Ủy ban NVNONN, Nguyễn Thanh Sơn thừa nhận không đạt kết quả mong muốn vì “bị các phần tử xấu xuyên tạc”.

Cộng sản Việt Nam kêu gọi đoàn kết, nhưng tiếp tục “*Hỗ trợ việc ra báo viết, mở đài phát thanh, truyền hình ở ngoài nước. Hỗ trợ kinh phí vận chuyển và đơn giản hóa thủ tục đối với việc gửi sách báo, văn hóa phẩm ra ngoài phục vụ cộng đồng*”. Cộng sản Việt Nam sử dụng thông tin bóp méo, một chiều, không minh bạch đã gây ra tình trạng xáo trộn đối với sinh hoạt trong cộng đồng người Việt hải ngoại, đồng thời, ngăn chặn các kênh thông tin từ hải ngoại đi vào thị trường trong nước.

GS Nguyễn Quốc Vọng, “Việt kiều” Úc, trả lời phỏng vấn hôm kết thúc Hội nghị “*Kiều bào bên ngoài còn rất thiếu thông tin về đất nước trong khi Việt Nam chưa có minh bạch về thông tin*”.

Cả Nguyễn Quốc Vọng lẫn Nguyễn Bá Thuần (Việt Kiều Đan Mạch) đều mong đợi cộng sản thu nhận những trí thức ở nước ngoài sắp hoặc đã về hưu để giảng dạy và nghiên cứu. Nguyễn Quốc Vọng lại đặt câu hỏi “*Luong của tôi bên Úc là 120.000 USD/năm, về nước chỉ còn một nửa ... nếu không được*

*giao nhiệm vụ rõ ràng như một cố vấn, vậy quyền của tôi là gì? Tôi nói có ai nghe không*”.

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nhân Mỹ-Việt, David Dương, than phiền về hành chính, phép tắc, thủ tục “*Dự án của tôi hoạt động đã 2 năm, nhưng vẫn chưa biết đã tìm đúng cửa hay chưa. Hồi đầu có ý định mở rộng đầu tư, nhưng thấy nhiều khó khăn quá, nên lại muốn quay về Mỹ ... khó ngay từ đầu và khó đến tận giờ*”.

Nhà nước cộng sản ban hành các văn bản hành chính nhằm khuyến dụ các nhà đầu tư trút vốn vào rồi mới tăng thuế, ràng buộc với vô số thủ tục rườm rà. Việt Kiều Gia Nã Đại, Nguyễn Hoài Bắc, bồi thêm “*16 con dẫu để thực hiện xong một vấn đề thì không thể nói là “một cửa” ... một văn bản cho phép đầu tư, ghi rõ thuế đất 0,16 xu/m<sup>2</sup>/năm và trong 5 năm mới thay đổi thuế. Nhưng khi văn bản chưa ráo mực thì Sở Tài chính tăng giá thuê đất lên gấp 8-10 lần*”.

Cộng sản Việt Nam dùng văn bản đầu tư cởi mở để khởi bị doanh gia và Chính phủ ngoại quốc chỉ trích nên chẳng cần cưỡng hành nghiêm chỉnh các đạo luật kinh tế tạo điều kiện cho địa phương áp dụng luật rừng.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tìm mọi cơ hội không chế cộng đồng người Việt ở nước ngoài làm thị trường tiêu thụ sản phẩm, đầu cầu thâm nhập thị trường ngoại quốc, con gà đẻ trứng vàng, kho tri thức và bộ phận tinh báo kỹ thuật chứ không nhằm mục đích xây dựng khối đoàn kết toàn dân.

## HÒA HAY CHIẾN

### Mỹ Lặc

Hòa hay Chiến? Đó là mối quan tâm của nhiều người vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống mỗi người và ai cũng cố giải đáp nhưng không một ai có thể trả lời được, vì chính trường quốc tế là một vấn đề cực kỳ phức tạp. Có khi hòa hay chiến lại tùy



thuộc phần nào vào những yếu tố hết sức nhỏ nhất.

Hãy thử trình bày một chi tiết nhỏ ấy, nhỏ mà đã đa đoan.

Người ta vẫn bảo một người lính Mỹ ra trận thì có mấy người gánh hàng tạp hóa đi theo, nghĩa là vấn đề hậu cần của quân lực HK rất quan trọng, phần lớn do các nhà thầu dân sự (PMC = Private Military Contractor) đảm trách. HK đã chi \$830 tỷ cho hai chiến trường Iraq và A Phú Hãn, trong số này khoảng \$100 tỷ để trả cho 240,000 nhân viên PMC, nhiều hơn quân số Mỹ tham chiến.

Chính TT Bush bổ là người đã tư nhân hóa quân sự. Dick Cheney, khi làm bộ trưởng Quốc Phòng cho ông đã chi cho Kellogg, Brown & Roots Services (KBR), một cty vệ tinh của Halliburton mà chính ông sau về làm tổng giám đốc, \$9 triệu để nghiên cứu chương trình LOGCAP (Logistics Civil Augmentation Program). Tính đến ngày 4.3.2007, kinh phí cho 149 lệnh công tác (task orders) xuất phát trong khuôn khổ LOGCAP lên đến \$22.5 tỷ.

Hiện nay, mỗi năm Ngũ Giác Đài chi \$25 tỷ để trả cho mấy chục nhà thầu, lớn nhất là KBR. KBR có doanh số hàng năm \$11.6 tỷ, đã cung cấp 937 triệu bữa ăn, 7 tỷ gallon xăng và chuyển quân và quân nhu quân cụ trên 745 triệu dặm, nhưng những con số này không đáng tin, vì KBR đã từng khai gian lận. Thượng Viện tố cáo KBR tính gấp đôi giá cung cấp soda, nâng giá 699% các chuyến hàng nguyên liệu, có lần đổ 22.6 tấn đinh ở sa mạc vì đinh không đủ chiều dài nhưng vẫn tính tiền, xe xẹp lốp, không có dụng cụ thay bánh, người của KBR “vô tư” dùng cái lốp xẹp làm mồi đốt luôn cái xe. Có khi cả đoàn xe không chờ gì, chạy chơi trên sa mạc rồi về tính tiền giao hàng. Có khi được giao công tác, nhân viên kéo nhau đến địa điểm được chỉ định rồi ngồi đó chơi, lấy cờ thiêu an ninh, vẫn tính tiền công. Năm 2006, trong 12 hợp đồng giao cho KBR thì đến hơn một nửa hóa đơn tính vào thời gian ngồi chơi soi nước này. Trong một hợp đồng khác, KBR tính \$13.4 triệu là chi phí trực tiếp và \$52.7 triệu là chi phí gián tiếp, gấp 4 lần chi phí trực tiếp, nghĩa là chi phí cho nhu cầu thực sự. KBR

độc quyền LOGCAP (Logistics Civil Augmentation Program) chuyên cung cấp dịch vụ giặt ủi, bữa ăn, các phần ăn uống, điện năng, xăng dầu, vệ sinh, doanh trại, đường xá. Doanh thu trong chiến cuộc lên đến \$31.4 tỷ, lãi \$700 triệu.

Không hiểu tại sao các việc làm mờ ám của KBR không bị phanh phui.

James Risen viết trong bài “Iraq: Controversial Contractor’s Iraq Work Is Split Up:” đăng trên The New York Times ngày 24.5.2008:

*Lần đầu tiên kể từ khi chiến tranh bắt đầu, hợp đồng lớn nhất tại Iraq của Ngũ Giác Đài được chia cho 3 cty, chấm dứt độc quyền của KBR, nghiệp hội có trụ sở ở Houston từng bị cáo giác là tiêu phí và quản trị sai và lợi dụng những liên hệ chính trị với PTT Dick Cheney... Tháng trước, Ngũ Giác Đài cấp cho các cty một hợp đồng mới để cung cấp thực phẩm, chỗ ở và các dịch vụ căn bản cho lính Mỹ, một hợp đồng 10 năm với kinh phí \$150 tỷ kéo dài xa hơn những ngày cuối của Hành pháp Bush. KBR vẫn được miếng lớn nhưng bây giờ phải chia việc với Fluor Corporation và DynCorp International.*

Khi TT Obama gửi thêm 20,000 quân sang A Phú Hãn thì DynCorp đã có mặt ngay tại chiến trường, năm 2008 giành được gói thầu LOGCAP, tháng 7.2009, lại ký được một hợp đồng 5 năm \$5.9 tỷ, cung cấp dịch vụ hậu cần tại Nam A Phú Hãn như dựng doanh trại, giặt ủi, chặt bỏ cây thuốc phiện, huấn luyện, đào tạo cảnh sát địa phương. Khi Iraq rút giấy phép của Blackwater USA thì tháng 6.2009 DynCorp được bộ Quốc Phòng giao cho một hợp đồng \$915 triệu để đảm trách trong 5 năm dịch vụ không vận và an ninh cho các viên chức ngoại giao. KBR, DynCorp, Blackwater... là những nhà thầu quân sự tư nhân (PMC = Private Military Contractor).

Ngoài những chuyện ăn gian nói dối để kiếm tiền, các PMC còn phạm những tội ác đáng tội tử hình ở nhiều nước, nhưng được làm ngơ và vô tội ở Mỹ.

Ngày 11.3.2005, dân biểu Cynthia McKinney quay bộ trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld và tướng Myers:



*Thưa ông bộ trưởng, tôi xem TT Bush đọc bài diễn văn cảm động tại LHQ vào tháng 9.2003, trong đó đề cập đến cuộc khủng hoảng buôn tình dục, kêu gọi trừng phạt những kẻ liên quan đến doanh nghiệp ghê tởm này. Nhưng đúng lúc ấy thì DynCorp bị cáo giác đã liên can đến việc mua và bán phụ nữ và trẻ con và đang thi hành hợp đồng trích ngừa đậu mùa và anthrax và hiện nay đang công tác trích ngừa bệnh dịch qua chương trình Joint Vaccine Acquisition Program. Thưa ông bộ trưởng, có phải chính sách của Chính phủ HK là thưởng những cty buôn phụ nữ và thiếu nữ không?*

Rumsfeld ú a ú ó mãi rồi bảo rằng tiến sĩ Chu cho biết không phải cty mà là 1 nhân viên cty làm những chuyện ấy và cũng lâu rồi ở vùng Balkan.

Ít nhất 13 nhân viên DynCorp ở Bosnia bị đuổi về và ít nhất 7 người bị sa thải vì liên can đến buôn người và mãi dâm, nhưng không có lấy 1 người bị truy tố ra tòa. Có nhân viên không đành làm ngơ, đứng ra tố cáo, thì bị gán đủ thứ tội và sa thải, như trường hợp của Kathryn Bolkovac, một cựu nhân viên của DynCorp, được tòa án Anh xử thắng kiện và Ben Johnston, cựu thợ máy trực thăng của DynCorp, tố cáo nhân viên DynCorp trung niên làm tình với những bé gái tuổi từ 12 đến 15, bị sa thải nhưng được DynCorp điều đình bồi thường 2 ngày trước khi ra tòa Texas. Ben Johnston cho biết việc mua gái mãi dâm, nhiều cô vị thành niên, là việc thông thường đối với nhân viên DynCorp tại trại Comanche, bên ngoài Tuzla, Bosnia, khiến anh ta phải báo cáo lên Bộ chỉ huy điều tra hình sự quân đội HK (U.S. Army's Criminal Investigative Command). Một giám đốc công trường của DynCorp còn lấy thiết vận xa chở gái điếm từ Kuwait đến Baghdad.

DynCorp cung cấp đủ thứ dịch vụ tại Trung Đông, cố vấn chính phủ Iraq tổ chức lực lượng thi hành pháp luật, tòa án và trại giam, cử 1,000 chuyên viên cảnh sát dân sự Mỹ đi giúp các địa phương đánh giá hiểm họa công cộng, cung cấp vũ khí và hỗ trợ chuyên môn cho lực lượng duy trì hòa bình, dự trù tính US\$50 triệu tiền công cho năm đầu. Nhân viên DynCorp là cái lõi của cảnh sát Bosnia. An

ninh DynCorp được thuê để bảo vệ TT A Phú Hãn Hamid Karzai, ngày 14.10.2004 bị khiển trách vì tính bướng bỉnh. Trực thăng và máy bay DynCorp thi hành những phi vụ rải thuốc rụng lá trên các cánh đồng trồng coca ở Colombia. Ngày 27.2.2002, International Labor Rights Fund nhân danh 10,000 nông dân Ecuador và dân da đỏ Amazon nộp đơn lên tòa án liên bang HK kiện DynCorp về tội hành hạ, giết trẻ con và gây chết chóc trong khi phun thuốc sát trùng tại rừng Amazon, dọc biên giới Ecuador và Colombia.

Một nhà thầu khác còn tác oai tác quái ghê gớm hơn nhiều.

Erik Prince, một cựu sĩ quan lực lượng đặc nhiệm Hải Quân SEAL, nội trú (intern) tại Bạch ốc thời TT Bush bố, thường ủng hộ tài chánh cho Đảng Cộng Hòa (CH) và các ứng cử viên CH, cuối thập



niên 1990 mua khoảng 6,000 acres (24 km<sup>2</sup>) đồng lầy nước đen ở North Carolina, cùng với Al Clark, lập ra một trại huấn luyện quân sự tư và thành lập một cty lấy tên là Blackwater (nước đen) USA, tháng 11.2006 lại mua thêm 80 acres tại Mount Carroll, Illinois phía tây Chicago gọi là Blackwater North, tháng 4.2007 dự định lập thêm một trại 824 acres phía bắc Potrero, quận San Diego, California nhưng không thành vì địa phương phản đối. Nhiều nhân viên cty là cựu viên chức cao cấp trong chính quyền. Blackwater ký với chính phủ HK những hợp đồng trị giá \$1 tỷ, đến tháng 10.2007 thì đổi tên là Blackwater Worldwide, đến ngày 13.2.2009 lại đổi tên là Xe Services LLC để chuyển hướng hoạt động của cty ra ngoài Iraq vì tháng 1.2009 chính quyền Iraq từ chối không cấp giấy hành nghề cho Blackwater nữa, nhưng Xe Services vẫn còn là nhà thầu của chính phủ liên bang HK, nhất là CIA. Một số nhân viên Xe sẽ ở lại làm lậu cho đến ít nhất là tháng 9.2009. Ngày 2.3.2009, Erik Prince từ chức tổng giám đốc, chỉ giữ chức CT Hội Đồng Quản Trị.



Nhân viên Blackwater có nhiều hành động phạm pháp. Ngày 31.3.2004, bốn nhân viên Blackwater bị quân phản loạn Iraq bắn chết tại Fallujah, xác treo trên cầu ngang sông Euphrates, khởi sự cho chiến sự Fallujah. Mùa thu 2007, Quốc Hội HK báo cáo Blackwater đã cố tình kéo dài và cản trở cuộc điều tra của vụ này, có lẽ để giấu tội của nhân viên. Ngày 16.2.2005, một đoàn quân Blackwater hộ tống đoàn xe bộ Ngoại Giao HK bắn 70 viên đạn vào một chiếc xe của người Iraq, vụ không là vì bị người Iraq bắn trước, thực sự chính một nhân viên Blackwater bắn vào xe của mình để nguy tạo bằng chứng. Năm 2006, một chiếc SUV của Blackwater đâm vào một chiếc Humvee của Quân Đội HK. Bảo vệ Blackwater tức khí giới lính Mỹ và chĩa súng bắt nằm dưới đất cho đến khi chúng gỡ được chiếc SUV ra. Từ 2005 đến tháng 9.2007, Blackwater đã liên can đến 195 vụ bắn lộn trong đó 163 vụ nhân viên Blackwater bắn trước. 25 nhân viên chỉ huy bị đuổi vì vi phạm chính sách rượu và ma túy của Xe và 28 vì có liên quan đến vũ khí. Đêm Giáng Sinh 2006, Andrew J. Moonen, nhân viên Blackwater, bị tố cáo trong khi say rượu đã bắn chết một bảo vệ của PTT Iraq Adel Abdul Mahdi. Hắn bị Blackwater đuổi về Mỹ nhưng lại được một nhà thầu khác, Combat Support Associates, thuê từ tháng 2 đến tháng 8.2007 làm việc tại Kuwait. Cuối tháng 5.2007 nhân viên Blackwater trong 2 ngày đã 2 lần xả súng trên phố Baghdad, một lần gây sự với biệt kích Iraq, ngày 30 lại bắn một thường dân Iraq vì đã lái xe “quá gần” đoàn xe của bộ Ngoại Giao đang được Blackwater hộ tống. Ngày 6.2.2006, một tên bắn sể nhân viên Blackwater, không có lý do, từ trên nóc bộ Tư Pháp bắn xuống giết 3 bảo vệ làm cho cơ quan truyền thông Networkon do nhà nước tài trợ. Tháng 11.2008, bộ Ngoại Giao HK ra lệnh phạt Blackwater nhiều triệu đô la vì chở hàng trăm súng liên thanh không giấy phép vào Iraq và không trả thuế quan, một số bán chợ đen.

Nhưng nếu không có hai nguyên nhân đặc biệt thì chưa chắc Blackwater đã mất việc tại Iraq.

Ngày 16.9.2007 tại Công Viên Nisoor, Baghdad,

trong khi hộ tống đoàn xe bộ Ngoại Giao HK đi dự buổi họp với USAID ở phía tây Baghdad, bảo vệ của Blackwater được hai trực thăng của Blackwater trợ chiến bắn chết 17 thường dân Iraq, cả trong lúc họ chạy trốn, theo FBI ít nhất 14 nạn nhân bị giết không có lý do. Bộ Ngoại Giao bảo “người vô tội đã mất mạng”. Một sĩ quan dấu tên cho biết bảo vệ Blackwater nổ súng dù không bị khiêu khích gì cả và đã dùng vũ lực quá đáng. Năm cựu nhân viên Blackwater bị HK truy tố tội sát nhân (manslaughter), cả 5 chối tội, một người thứ 6 nhận tội và cộng tác với các điều tra viên. Sau biến cố này, ngày 17.9.2007, chính phủ Iraq yêu cầu tống cổ Blackwater đi, nhưng các viên chức HK thuyết phục họ rằng không thể làm thế ngay được, vì Hoa Thịnh Đốn phải dựa vào Blackwater để bảo vệ sinh mạng của các nhà ngoại giao và cần có thời gian mới tìm được người thay thế. Cả một quân đội hùng mạnh, cả một siêu cường mà phải lệ thuộc một đám lính đánh thuê côn đồ thì chiến tranh không thể nào sớm chấm dứt được.

Hai ngày trước khi rời Iraq, “quan toàn quyền” L. Paul Bremer ký “Lệnh 17” ban cho các người Mỹ phục vụ tại Iraq được miễn truy bởi luật pháp Iraq. Ngày 23.9.2007, chính phủ Iraq ngỏ ý muốn thụ lý vụ 5 bảo vệ Blackwater xả súng giết 17 người Iraq ngày 16.9.2007 và chấp thuận dự luật đảo ngược Lệnh 17 vì người ra Lệnh này không có thẩm quyền làm việc ấy. Đến “quan toàn quyền” mà cứ tưởng mình... toàn quyền (la loi c'est moi), làm ăn cà chớn thế, hưởng hồ “ba tòa quan lớn Việt Cộng”. Tháng 12.2008, bộ Tư Pháp HK lên án 5 bảo vệ Blackwater. Một số gia đình nạn nhân cho biết họ sẽ kiện đòi bồi thường.

Lý do thứ hai có tính cách tôn giáo.

Việc Sĩ quan Điều Hành Trưởng của Blackwater, Joseph Schmitz, là một thành viên danh dự của tổ chức Hiệp sĩ Dòng Quân Quyền Chí Tôn Malta (SMOM - Sovereign Military Order of Malta), một Quân Quyền (sovereign) không có lãnh thổ được LHQ công nhận, trụ sở ở Rome, hậu thân của Thập Tự Quân Hiệp Sĩ Cứu Thương từ Jerusalem (Knights



Hospitaller of Saint John of Jerusalem), một dòng tu quân sự Công giáo từ tk XI, gây ra một nghi vấn rằng Blackwater là một tổ chức Thập Tự Quân. Dân biểu Quốc Hội Jordan Jamal Muhammad Abidat viết trên nhật báo Al-Bayan của Abu Dhabi, thủ đô của Các Tiểu Quốc Ả Rập Thống Nhất:

*Chiến sự đau thương của Ả Rập Hồi giáo ngày nay gợi nhớ những chiến trận của các Thập Tự Quân vào tk XI khi các Hiệp Sĩ Malta bắt đầu những cuộc hành quân của họ với tư cách là dân quân Kitô giáo có nhiệm vụ bảo vệ đất đai do các Thập Tự Quân chiếm được. Những ký ức này trở về phủ phàng trong tâm trí với việc khám phá các mối liên hệ lịch sử giữa cái gọi là những hãng bảo vệ ở Iraq như Blackwater với các Hiệp Sĩ Malta. Người ta không thể cường điệu nó được. Dòng Malta là một ảo chính phủ hay là một chính phủ bí mật nhất trên thế giới.*

Huynh Andrew Bertie, đại sư của Hiệp sĩ Dòng Quân Quyền Chí Tôn Malta (SMOM) phản kháng:

*Trong những tháng gần đây, các tâm lý thuyết âm mưu đã rầm rộ trên nhiều đài truyền hình và báo chí trong những quốc gia hữu nghị nhưng lại liên kết Hiệp sĩ Dòng Quân Quyền Chí Tôn Malta với một cty tư nhân lính đánh thuê đang hoạt động tại Iraq và A Phú Hãn cho một chính phủ ngoại quốc. Những khẳng định này tuyệt đối vô căn cứ.*

Quốc Hội Âu Châu phổ biến một phúc trình của nhà lập pháp Giovanni Claudio Fava, cho chi tiết các liên hệ giữa Blackwater và Malta. Fava cho biết đảo quốc Cộng Hòa Malta là một trong những căn cứ điều hành hàng đầu của Blackwater. Phó chủ tịch Blackwater, Cofer Black, cựu giám đốc Trung Tâm Chống Khủng Bó của CIA và cựu Đại sứ lưu động bộ ngoại giao, phụ trách hai vụ chuộc các người thân Tây phương bị giam giữ. Đầu tháng 8.2009, các lời khai viết có tuyên thệ nộp tại tòa án HK ở Virginia có ghi những dẫn chứng chống lại Blackwater, kể cả sát nhân, buôn lậu vũ khí, giết hại thường dân với lời cáo giác sáng lập viên Erik Prince đã tổ chức việc sát hại những cựu nhân viên cộng tác với các điều tra viên liên bang HK. Một trong những lời

khai ấy là của một cựu nhân viên đã làm cho Blackwater 4 năm và là một cựu thủy quân lục chiến, làm chứng rằng: “Ông Prince tự coi mình là một Thập Tự Quân Kitô giáo có bổn phận loại trừ những người Hồi giáo khỏi địa cầu... Để đạt mục đích ấy, ông Prince có ý phái sang Iraq những người cùng chung ảo tưởng về tính chí tôn Kitô giáo với ông, biết và muốn rằng họ sẽ lợi dụng từng cơ hội để giết những người Iraq. Nhiều người trong bọn họ dùng những dấu hiệu nhận nhau theo các Hiệp Sĩ Đền Thờ (Knights of the Templar) là những chiến sĩ chiến đấu trong những cuộc Thập Tự Chiến. Ông Prince và những giám đốc khác cũng bị cáo giác là đã hủy các băng video, điện thư và tài liệu không để lọt vào tay bộ Ngoại Giao”. Dĩ nhiên Blackwater bác bỏ tất cả các cáo giác này.

Jeremy Scahill, tác giả một cuốn sách về Blackwater nói rằng tổng giám đốc cty này Joseph Schmitz, một cựu tổng thanh tra Ngũ Giác Đài, la lối giảng ý thức Thập Tự Chiến với luận điệu lập đi lập lại “luật pháp dưới quyền Chúa”. Mỹ có nhiệm vụ đem luật Chúa ban bố cho khắp nhân loại trong cái mà Scahill gọi là ảo tưởng “Chí Tôn Kitô giáo” (Christian Supremacy). Scahill cũng cho rằng Erick Prince tin rằng Blackwater là một công cụ quan trọng để bảo đảm vai trò cốt yếu của Kitô giáo trong chính sách ngoại giao HK.

Ngày 2.10.2007, Erik Prince ra trước Ủy Ban Kiểm Tra và Cải Tổ Chính Phủ để trả lời về tác phong của nhân viên Blackwater tại Iraq và A Phú Hãn. Blackwater thuê hàng đồng những hãng luật sư trứ danh và cựu viên chức chính phủ cao cấp chuẩn bị bản điều trần của ông. Với tiền bạc và thế lực, chắc chắn ông sẽ “bình an vô sự”.

Ông bình an thì dân bất an. Để làm tất cả những hành vi đạo tặc kể trên đây, Blackwater bắt các người thợ thuê Mỹ trả US\$1,222 một ngày cho một nhân viên Blackwater, tức \$445,000 một năm, sáu lần lương một quân nhân HK.

Như thế thì chỉ có chiến chứ hòa làm sao được?



# QUỐC TẾ HÓA BIỂN ĐÔNG NAM Á



## Đại-Dương

Vùng Biển Nam Trung Hoa (South China Sea) được các nhà hàng hải ghi trên bản đồ thế giới từ lâu không hề mang ý nghĩa “của Trung Quốc” như Ấn Độ Dương không phải “của Ấn Độ”.

Biển Đông theo cách gọi của người Việt Nam cũng không bao hàm toàn bộ vùng biển có nhiều quốc gia cùng sinh sống.

Gọi Biển Nam Trung Hoa hoặc Biển Đông bằng Biển Đông Nam á có lẽ phù hợp hơn với vị trí địa dư và vụ tranh chấp ngày càng căng thẳng trong khu vực có trữ lượng khoảng 7.5 tỉ thùng so với 32 của Biển Caspian, 17 của Bắc Hải, 674 của Vịnh Ba Tư; và 150 ngàn-tỉ cubic feet khí đốt so với 232 của Biển Caspian, 179 của Bắc Hải và 1,900 của Vịnh Ba Tư (theo ước lượng năm 2003). Bắc Kinh ước lượng dầu thô tại Biển Đông Nam á từ 105-213 tỉ thùng.

Mặc dù, Bắc Kinh đã ký “Tuyên bố về Ứng xử trên Biển Nam Trung Hoa” (Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea) vào năm 2002, nhưng vẫn tiếp tục hành sử thô bạo, và theo xu hướng bành trướng một cách quyết liệt.

Bắc Kinh xây dựng căn cứ Hải quân Ngọc Lâm (Yulin) ở đảo Hải Nam cho các loại chiến hạm, kể cả tiềm thủy đình nguyên tử và hàng không mẫu hạm; mở rộng đường bay 2,600 m có thể đón oanh tạc cơ và xây cầu tàu 350 m trên đảo Phú Lâm (Woody Island) thuộc Quần đảo Tây Sa (tức Hoàng Sa, Parcel); củng cố cơ sở trên đảo Chử Thập (Fiery Cross Reef) duy trì lực lượng Hải Quân ở bãi đá Vành Khăn (Mischief Reef) thuộc Quần đảo Nam Sa (tức Trường Sa, Spratly).

Trung Quốc xây dựng “chuỗi ngọc” chiến lược

này nhằm yểm trợ cho việc yêu sách chủ quyền, khai thác tài nguyên, và bảo vệ hải lộ huyết mạch, bành trướng hải lực đại dương tại vùng biển cách Hoa Lục hàng ngàn hải lý.

Bắc Kinh từ chối đàm phán đa phương trong vụ tranh chấp và khai thác tài nguyên vùng Biển Đông Nam á. Chỉ có Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chấp nhận đàm phán song phương với Trung Quốc về bên trong và bên dưới Vịnh Bắc Bộ đã chịu nhiều thiệt thòi mà không được cộng đồng quốc tế bênh vực.

Trung Quốc đã cho các tàu Ngư chính luân phiên tuần tra khu vực Biển Đông Nam Á “nhằm ngăn chặn các vi phạm lãnh hải và đánh cá bất-hợp-pháp” trong khu vực “Lưỡi Rồng, Lưỡi Bò, Chử U”, chiếm gần trọn Biển Đông Nam á. Bắc Kinh đã cử 6 chuyên gia, học giả trong số 54 nhà nghiên cứu từ 22 quốc gia tham dự Hội thảo Quốc tế về Biển Đông tổ chức tại Hà Nội. Bắc Kinh cũng đã phái tàu Ngư Chính 111 và 303 tuần tra Biển Nam Trung Hoa để vừa xác nhận chủ quyền, vừa thách đố quốc tế.

Bắc Kinh đã thông báo lệnh cấm đánh cá trong khu vực trên vĩ tuyến 12 của Biển Nam Trung Hoa trong vòng 3 tháng kể từ 16/05/09 nhằm “bảo vệ nguồn cá, chống đánh cá trái phép và bảo vệ ngư phủ Trung Quốc”. Trung Quốc đã phái 8 tàu thuộc Cơ quan Ngư nghiệp đến duy trì lệnh cấm nghiêm ngặt trong vụ mùa của ngư dân Việt Nam. Ba ngư thuyền Việt Nam bị Trung Quốc bắt trong dịp này.

Việt Nam và Mã Lai á đệ trình đề nghị chung về nói rộng thêm lục địa ngoài 200 hải lý lên Liên Hiệp Quốc trước khi hết hạn ngày 13/05/09, buộc Bắc Kinh phải gửi toàn bộ hồ sơ các tuyên bố chủ quyền năm 1958, 1992, 1996, 1998, và bản đồ 9 vạch để phản bác.

Tuy nhiên, Phó trợ lý ngoại trưởng Mỹ, Scot Marciel phát biểu tại phiên điều trần của Thượng viện: “Những đòi hỏi như thế không phù hợp với luật quốc tế”.

Trung tuần tháng 6/09, một tiềm thủy đình của Trung Quốc đã va vào sonar do khu trục hạm USS John S. McCain kéo theo trong khi thao dượt chung



với Hải Quân của 6 quốc gia Đông Nam á.

Bị chèn ép nhiều lần, Việt Nam có xu hướng nghiêng về phương pháp đàm phán đa phương, nên đứng ra tổ chức Hội thảo được giáo sư Lý Quốc Cường của Trung Quốc nhận xét “Cuộc hội thảo lần này chỉ mang ý nghĩa “học thuật” và không trông đợi một giải pháp thực sự nào”.

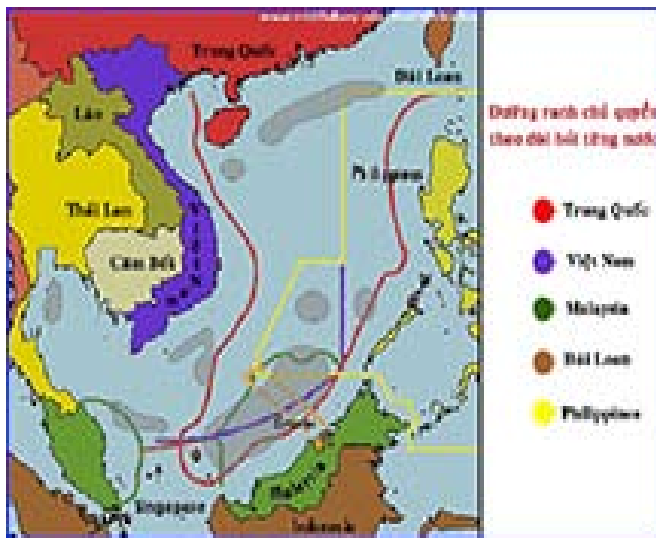
Giám đốc Học viện Ngoại giao Việt Nam, Dương Văn Quảng lưu ý “*các hành động xác lập chủ quyền về mặt pháp lý, kèm theo các hành vi đơn phương nhằm tăng cường sự kiểm soát thực địa, tranh chấp các nguồn năng lượng và tài nguyên đã làm cho tranh chấp về chủ quyền không hề thuyên giảm ở Biển Đông*”.

Giáo sư Carl Thayer thuộc Học viện Quốc phòng Úc Đại Lợi nhận xét: “*Trung Quốc nắm trong tay tất cả các lá bài: có hải quân hùng mạnh nhất, có quyền lực ngoại giao lớn nhất. Một mình Việt Nam không thể làm được gì.*”.

Mặc dù, gần đây Hà Nội có lời lẽ mạnh mẽ hơn với Bắc Kinh trên vấn đề Biển Đông Nam á, nhưng dư luận người Việt khắp nơi đòi hỏi Nhà nước Việt Nam phải có thái độ cứng rắn hơn nữa.

Sang năm, với vai trò Chủ tịch Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam á, Việt Nam có cơ hội tạo sự đoàn kết trong khối trước mối đe dọa của Trung Quốc trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế.

Việt Nam sẽ là hội viên tín cẩn của ASEAN hoặc hợp tác với Trung Quốc để khống chế vùng giàu tài nguyên thiên nhiên này?



## PHÊ BÌNH, CHỈ TRÍCH



### Huỳnh Công Minh

Trên nguyên tắc, người viết/nói về một vấn đề gì đều cố gắng chân thật trình bày sự hiểu biết, tin tưởng của mình. Ngược lại, người phê bình/chỉ trích cho rằng điều đó là sai và thành khẩn sửa chữa (cũng theo sự hiểu biết, tin tưởng của mình).

Thói thường, phê bình, chỉ trích là một chuyện không hứng thú nhưng cần làm, để sửa sai vì công ích. Nhưng cũng lại cũng có thể là việc thích làm vì muốn chứng tỏ sự hơn người (hoặc muốn đim người). Ngược lại, bị phê bình, chỉ trích thường không vui, vì bị vạch ra sự yếu kém sai sót. Nhưng cũng có thể là điều thích thú vì thấy ra được những sai lầm của mình, học hỏi thêm những điều mới mẻ. Ngắn gọn là tùy theo sự hiểu biết sâu rộng hay nông cạn, và thành tâm, thiện chí, cùng tinh thần cởi mở hay ngoan cố của mỗi người.

Tuy nhiên với người nghe/đọc thì luôn luôn là điều hữu ích, vì không có va chạm gì mà lại được biết nhiều điều, ở nhiều mặt để mà so sánh mà tìm ra đúng sai, sự thực là cái gì.

Mấy số gần đây, ở mục Thư Tín, có đến bốn vị: Vũ Trọng Bảo, Một Độc Giả Lâu Năm Ở VA (NgD 228); Vũ Tài Mạnh (NgD 230), Nguyễn Lập (NgD 231) chê trách Người Dân.

Chưa kể BPT Người Dân trình bày (NgD 228) và hai tác giả (Đặng Tiểu Nhân, Đại Mặc, NgD 229) trả lời về các điều bị lên án, lại có bốn vị đóng góp ý kiến: Phan Xuân, mục thư tín; Trần Thị Xuân Thu, bài “Tổ quốc/Nhà nước” (NgD 230); Vũ Hữu Táo bài “Xin đóng góp”, Lý Chánh Đạo bài “Mấy vấn đề nên thảo luận” (NgD 231).

Đây là điều lành mạnh đáng khuyến khích và, riêng tôi, thấy vấn đề quả nghiêm trọng, ít nhất đối



với Người Dân và những độc giả của Người Dân. Vì những điều phê bình chỉ trích rất nặng nề. Nên xin tổng hợp ý kiến của riêng tôi. Hi vọng được BPT Người Dân cho đăng cũng như được các thân hữu/độc giả Người Dân chỉ giáo.

Tôi cố gắng đứng ngoài nhìn vào, với tư cách... một độc giả lâu năm của Người Dân.

Các điều kết tội chính có thể tóm lại là (nguyên văn):

- có những bài rất không giá trị
- chỉ thấy trên Người Dân nhiều bài viết liên quan đến thời trước thế chiến II, những hoạt động trước năm 1975... mãi mê bới bèo ra bọt
- chê bai và khinh thường người quốc gia
- cổ vũ lớp trẻ đấu tranh dưới ngọn cờ cộng sản
- đợi đến lúc độc giả chỉ mặt mũi (Người Dân) là quân bán nước cho Tàu Phù.

Có vẻ tất cả những vị chê trách đều nhìn từ Người Dân như mọi tờ tạp chí khác, mà quên mất rằng đa số nhóm chủ trương Người Dân không viết bài, chỉ xung phong tạo điều kiện cho mọi người viết và cũng chỉ nhằm mục đích tìm ra cách đẹp cộng sản, phục hưng đất nước.

Tuy đồng ý là bài vở đa số là do các thân hữu gửi đăng, nhưng nhóm chủ trương đóng vai lựa chọn thì cũng gánh phần trách nhiệm, mà là trách nhiệm nặng, nếu thực như có các tội hại trên. Giản dị là vì nếu không đăng thì các tác giả không thể moi móc, “thỏa mãn nỗi ám ức”, khinh thường người quốc gia, cổ vũ đấu tranh dưới ngọn cờ cộng sản, bán nước cho Tàu Phù.

Thế nhưng:

Hai việc này (đẹp cộng sản, phục hưng đất nước) đòi hỏi sự học hỏi quá khứ, tránh vết xe cũ và hoạch định một tương lai. Mà không cứ phải là bàn về những chuyện hôm nay, nếu chúng không liên quan hay không có lợi ích gì đối với hai công việc trên. Chẳng hạn, cứ lái nhái vạch những điều tệ hại cũ/mới của cộng sản, là những điều “biết rồi, khổ lắm, nói mãi” có mang lại một kết quả gì cụ thể nào chăng? Khác gì lũ giặc cướp hoành hành, trong nhà

cứ bê tha trác táng, ngoài ngõ hào lũy đồ nát, rồi tài sản ông cha bị chúng tước đoạt mà cứ ngồi xỉ và quân ác tàn bạo dã man mà không lo nhìn lại mình, tu bổ hào lũy, thì đi đến thế giới nào?

Bây giờ xét về các điều trách móc:

- Về bài vở “*rất không giá trị*”, thì cũng đương nhiên thôi. Vì là của thường dân. Cho đến nay, hình như chưa có một người viết nào tên tuổi, chuyên nghiệp hay bằng cấp lớn. Tuy nhiên, nếu Người Dân kéo được cả 20 năm, thiết tưởng cũng không đến nỗi quá tệ. Còn quyền phán đoán là tùy từng người.

- Về tội chuyện cũ, tạm lấy hai số Người Dân gần việc chỉ trích nhất (226, 227).

Riêng sự khẳng định “*chỉ thấy trên Người Dân những bài viết*” (Một độc giả lâu năm VA), “*toàn nói chuyện cổ tích*” (Nguyên Lập) là đủ tỏ tính cách quá đáng, nếu không muốn nói là võ đoán, sai sự thực.

Số 226 có 11 bài, thì những bài “*Việt Nam khoái sống với tiềm năng; Hễ nghĩ sai thì làm càn; Trung tâm thế giới chuyển sang châu Á?; Tàu khoe Tàu*” không thể là “liên quan đến thế chiến II, trước 1975”. Còn những bài “*Viện trợ; Anh hùng, anh hèn; Mặt trận văn hóa; Từ độc tài đến dân chủ; Sĩ Việt cận và hiện đại; Tàu dầu tsin; Biển lửa Caspian*” dù có nhắc đến những sự kiện cũ (là điều cần thiết), nhưng vẫn là đề bàn đến chuyện ngày nay. Số 227 cũng gồm 11 bài. Các bài “*Những chuyện khó nghe; Củ cà rút và cây gậy; Định kiến Barack Hussein Obama; Tàu sợ đời; Tàu nắn gân Mỹ*” là chuyện nóng hổi. Những bài “*Ai thắng ai; Tham nhũng; Sĩ Việt cận và hiện đại; Biển lửa Caspian; Tàu dầu tsin; Từ độc tài đến dân chủ*” không phải là chuyện xưa, “*bới bèo ra bọt*”.

- Về “người quốc gia” thì, trong các số báo trước, đã có khá nhiều tác giả phân tích rành rẽ thế nào là người quốc gia, người chống cộng, người tay sai, dân chúng, nhà nước và chúng tở có sự nhầm lẫn trong việc sử dụng danh xưng. Chê bai, khinh thường đám tay sai ngoại bang, đám nhà nước độc



tài, gian lận không hề đồng nghĩa là chệch bại, khinh thường người quốc gia. Mà lại là điều cần thiết, vì các đám này vẫn đang tiếp tục trò bịp bợm.

Hai tội tay sai Việt Cộng và bán nước cho Trung Cộng thì ta cần tự hỏi suốt 20 năm nay từ Người Dân có làm việc này không. Nếu có làm thì hoặc Người Dân tinh vi đến mức mãi nay mới lòi mặt hoặc chúng ta đã quá lười nhác để họ mặc sức tung hoành. Vậy thì chúng ta thuộc hạng người nào? Nhưng trong trường hợp này, hẳn các bài vở là do nhóm Người Dân mạo danh thân hữu/độc giả viết.

Về các hình vẽ, nếu có lầm chữ Nôm (Nam) ra chữ Hán (Tàu), không phân biệt nổi các sinh hoạt tàu-ta, thì ít nhất cũng phải thấy là y phục Việt. Tạm lấy thí dụ trên bìa số 227, bà “bán dừ” đầu vấn khăn, ngực mang yếm, áo dài tứ thân; trên bìa số 229 ông “khất nợ” mặc áo chùng xẻ hông, cài cúc bên phải, quần ống sớ, sao lại cho là tranh Tàu?

Dù sao, ngoài các hình bìa và bài có mấy câu Quốc Tế Ca ra, còn những bài nào, tác giả nào khác làm... tay sai cộng sản, bán nước cho Tàu?

Về hình bìa, BPT Người Dân đã tự vạch rõ sự sai lầm to lớn. Còn các chủ trương, khẩu hiệu của những người xã hội, cấp tiến, cách mạng (thực sự) đều tương tự như cộng sản (chống phong kiến, chống thực dân, chống phát xít, chống đế quốc, chống ngu dân, chống bóc lột, đòi công bằng xã hội,...) Cái khác nhau là một đảng cố tình bịp bợm, nói nhưng không làm và một đảng thực tâm, cố gắng thực hiện điều hứa hẹn. Ta không nên “chẻ sợi tóc” như tác giả Đặng Tiểu Nhân phân bua trong bài trả lời (mục thư tín, NgD 229).

Tóm lại, nếu thực thấy nhóm Người Dân gian ác, chúng ta có bốn phận vạch mặt rành rẽ, xem họ sẽ im đi hay biện luận ra sao, để liệu bề. Nhân tiện, tôi thấy việc làm của cụ Nguyễn Lập quả là lạ: biết là nhóm Người Dân bán nước mà “nhất trí”(chữ Việt Cộng đấy nhé) muốn mua Người Dân mãi, “*đến khi ngưng thở mới thôi*”.

Ngược lại, tôi thiết nghĩ quý vị nào nặng nề lên án kết tội họ nên có một lời giải tóa.

## **dự thảo** **Hiến pháp Việt Nam 2009** **(Dự thảo Hiến pháp 7)**

(tiếp theo từ số 228)

**Người Dân:** Việc soạn thảo hiến pháp hậu cộng sản là điều Người Dân mong mỏi từ lâu và ước mong các thân hữu/độc giả tham gia vào nhiều nỗ lực tương tự ở nhiều nơi.

Riêng trên tờ điện báo X-cafe có đăng “Bản hiến pháp thứ bảy của Việt Nam”, dự thảo của “nhân dân Việt Nam”. Trong khi chờ đợi kết quả và phẩm chất của giai đoạn hội họp để chuẩn y của nhóm này, Người Dân phổ biến để mọi người có tư liệu tự nghiên cứu hay đóng góp vào những thảo luận hiến pháp hậu cộng sản. (Website: <http://hienphapvietnam.org/index.php/tanhienphap>)

### **Chương 5**

#### **NGÀNH HÀNH PHÁP**

#### **ĐIỀU 1: NHIỆM VỤ CỦA TỔNG THỐNG**

Phần 1: Nhiệm vụ chính của Tổng thống như là Nhân viên phục vụ hàng đầu của Việt Nam sẽ là đứng đầu ngành Hành pháp qua việc thực thi các điều luật do Quốc hội thông qua. Trong tiến trình này, Tổng thống phải bảo đảm tất cả mọi điều luật, và lệnh hành pháp ông đưa ra phải tuân theo Hiến pháp. Khi có nảy sinh nghi vấn về một điều luật nào đó, hay một lệnh hành pháp nào đó có hợp hiến hay không, Tổng thống phải gọi lời yêu cầu được giải thích qua Tối cao Pháp viện. Trong các trường hợp như vậy, Tổng thống sẽ phải tuân theo lời giải thích theo ý kiến đa số tại Tối cao Pháp viện.

Phần 2: Tổng thống phải đứng ra bảo đảm cho nền độc lập quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, và thực thi các bản hiệp ước.

Phần 3: Trừ khi có điều bất đồng, Tổng thống phải phê chuẩn và thực thi các Nghị quyết Quốc hội trong vòng 15 ngày sau khi được thông qua.

Phần 4: Liên quan đến Phần 3, Điều 1 trên đây, trước thời hạn 15 ngày sau khi được Quốc hội thông qua, Tổng thống có quyền yêu cầu Quốc hội tái tranh luận toàn bộ hoặc một phần bản Nghị quyết.



Các lời yêu cầu như vậy phải được Quốc hội chấp thuận.

Phần 5: Liên quan đến Phần 3, Điều 1 trên đây, Tổng thống không thể thay đổi bất cứ điểm nào trong Nghị quyết Quốc hội, nhưng có thể phủ quyết toàn bộ. Trong trường hợp Tổng thống phủ quyết, nếu có số phiếu thuận ít nhất 2/3 tổng số phiếu, Quốc hội có thể bác bỏ quyền phủ quyết của Tổng thống. Nếu bị bác bỏ quyền phủ quyết trong Nghị quyết đang tranh cãi, Tổng thống phải ký tên phê chuẩn bản Nghị quyết để trở thành Luật, và phải ban hành, thực thi điều Luật này, không được chậm trễ.

Phần 6: Tổng thống phải điều đình các hiệp ước quốc tế, bằng cách chủ tọa các ủy ban đặc biệt. Các ủy ban này có trách nhiệm trông coi các vấn đề thường ngày. Tổng thống phải tham khảo thường xuyên với các ủy ban thích hợp tại Thượng viện, ngõ hầu sau khi được thỏa thuận các hiệp ước này sẽ được thông qua mau chóng tại Thượng viện.

Phần 7: Tổng thống có quyền hành, bởi và với sự tư vấn và đồng ý của Thượng viện, lập các bản hiệp ước quốc tế, với điều kiện được Thượng viện thông qua với số phiếu thuận đạt ít nhất 2/3 tổng số phiếu. Ngoài ra Tổng thống cũng, bởi và với sự tư vấn và đồng ý của Thượng viện, chỉ định đại sứ và lãnh sự đại diện cho Việt Nam trên khắp thế giới.

Phần 8: Tổng thống là Tổng Tư Lệnh của quân đội. Tổng thống chủ trì các ủy ban và hội đồng quốc phòng tối cao. Tổng thống có quyền phủ quyết trong việc tăng chức, thay thế, hoặc truất nhiệm các tướng lãnh quân đội theo sự đề nghị của Thủ tướng.

Phần 9: Tổng thống có quyền khởi động can thiệp quân sự chống lại một quốc gia khác.

Phần 10: Liên quan đến Phần 9, Điều I trên đây, Tổng thống phải thông báo cho Quốc hội về quyết định quân sự trong vòng 3 ngày sau khi việc đó xảy ra. Trong vòng 7 ngày, một đa số 2/3 tại cuộc họp khoáng đại Lưỡng viện, Quốc hội sẽ công bố ủng hộ hoặc không ủng hộ quyết định dùng quân sự của Tổng thống.

Phần 11: Liên quan đến Phần 10, Điều 1 trên đây, nếu một quyết định không ủng hộ được Quốc hội công bố, Tổng thống sẽ có 7 ngày để làm việc với Quốc hội về các khác biệt quan điểm. Nếu sau

7 ngày vẫn không có được sự đồng thuận, một cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc sẽ được tổ chức trong vòng 14 ngày xem có nên tiếp tục chiến tranh hay không. Kết quả cuộc trưng cầu dân ý sẽ là quyết định cuối cùng, cả Quốc hội và Tổng thống phải tuân lệnh nhân dân, không được chậm trễ.

Phần 12: Vào bất kỳ thời điểm nào, Tổng thống hoặc 2/3 đa số tại Quốc hội đều có thể quyết định tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý xảy ra 30 ngày sau quyết định đó. Một đa số 2/3 trở lên của cuộc trưng cầu dân ý sẽ là kết quả cuối cùng của mọi vấn đề quốc gia.

Phần 13: Chỉ Tổng thống mới có quyền thay thế Thủ tướng. Trong vòng 30 ngày sau khi được bầu lên, Tổng thống vừa được bầu phải chỉ định xong tất cả mọi Bộ trưởng trong chính phủ. Trước Ngày Đăng Danh, tức là ngày thứ Ba lần hai trong tháng Giêng của năm sau cuộc bầu cử, tất cả các Bộ trưởng sẽ phải hoàn tất việc nhận nhiệm sở của họ.

Phần 14: Bất cứ khi nào có ghế trống trong chức vụ Phó Tổng thống, Tổng thống phải đề cử một Phó Tổng thống khác, và vị này sẽ phải được đa số phiếu thuận tại Lưỡng viện Quốc hội thông qua mới có thể nhiệm chức.

## **ĐIỀU 2: ĐIỀU LỆ CỦA CHỨC VỤ TỔNG THỐNG**

Phần 1: Tổng thống, Phó Tổng thống, và Thủ tướng phải cùng chung một liên danh ứng cử.

Phần 2: Tổng thống chỉ có thể tái ứng cử một lần.

Phần 3: Trong trường hợp Tổng thống rời khỏi chức vụ do bị truất nhiệm, qua đời, hoặc từ chức, Phó Tổng thống sẽ trở thành Tổng thống.

Phần 4: Bất cứ khi nào Tổng thống viết cho Phát Ngôn viên Thượng viện và Hội đồng Quốc gia về việc ông không đủ khả năng tiếp tục đảm đương các trọng trách, Phó Tổng thống sẽ tiếp nhận chức Tổng thống Tạm nhiệm, cho đến khi Lưỡng viện Quốc hội bầu chấp thuận hoặc từ chối việc Tổng thống từ chức. Một đa số 2/3 sẽ cần thiết cho một trong hai quyết định này.

Phần 5: Sự truyền nối của chức vụ Tổng thống như sau: Phó Tổng thống, Phát Ngôn viên Thượng viện, Phát Ngôn viên Hội đồng Quốc gia, Tối Thượng Thẩm phán, và tám vị Thượng Thẩm phán



theo phần trăm từ cao xuống thấp của số phiếu bầu nhận được khi được bầu vào chức vị.

Phần 6: Liên quan đến Phần 5, Điều 2, trên đây, Tổng thống mới sẽ chỉ định Phó Tổng thống mới trong cùng một đảng chính trị của Tổng thống được nhân dân bầu lên, và vị Phó Tổng thống này sẽ phải được đa số phiếu thuận tại lưỡng viện Quốc hội thông qua mới có thể nhiệm chức.

Phần 7: Tất cả chi phí hành chánh kể cả lương bổng của tất cả nhân viên chính phủ quốc gia không được quá 10% ngân sách.

### ĐIỀU 3: LƯƠNG BỔNG VÀ ĐẶC QUYỀN TỔNG THỐNG

Phần 1: Trong thời gian nhiệm chức, Tổng thống không được có bất cứ chức vụ dân sự hoặc công quyền nào khác, hoặc nhận bất cứ lương bổng nào, ngay cả cho các sự phục vụ dân sự hoặc công quyền trước khi được bầu vào chức vụ. Các lương bổng này phải được bỏ vào một quỹ phó thác, và được giao lại cho Tổng thống mười năm sau khi rời chức vụ. Nếu Tổng thống rời chức vụ do bị truất nhiệm, số lương bổng này sẽ được sử dụng cho lợi ích công cộng.

Phần 2: Tổng thống không được nhận bất cứ chức vụ hoặc bất cứ lương bổng nào trong lãnh vực dân sự trong vòng mười năm sau khi rời chức vụ. Trong thời gian mười năm này, Tổng thống sẽ nhận 65% lương bổng theo trị giá lương nhận được lần cuối trong thời gian nhiệm chức.

Phần 3: Trong thời gian nhiệm chức và trong mười năm sau khi rời nhiệm sở, Tổng thống không được nhận bất cứ món quà, lương bổng, chức vụ, danh hiệu, từ bất cứ cá nhân hoặc bất cứ quốc gia nào. Một vài ngoại lệ đặc biệt có thể được cho phép trong từng trường hợp, và phải do phiếu bầu đa số tại Hội đồng Quốc gia cho phép.

Phần 4: Chỉ với một đa số 2/3 tại lưỡng viện Quốc hội mới có thể truất nhiệm Tổng thống. Việc này phải được vị Tối Thượng Thẩm phán chủ tọa.

Phần 5: Tổng thống phải là công dân Việt Nam, tối thiểu 35 tuổi.

(còn tiếp)



## ~ ~ MỤC TÌM HIỂU ~ ~ Nghi Vấn & Huyền Thoại

### ĐÒNG TÊN



Nguyễn Trần Ai

Huy hiệu Dòng Tên có ba mẫu tự IHS viết tắt của chữ Hy Lạp “Jesus Hominum Salvator” nghĩa là “Giê Su cứu thế của nhân loại”, hay “Iesum Habemus Socium” nghĩa là “Chúng ta có Giê Su là bạn đồng hành”, hay “Iesu Humilis Societas” nghĩa là “Hội khiêm nhường của Giê Su”.

Sau thời Trung Cổ ảm đạm là thời Phục Hưng. Thời này, làn sóng văn hóa và học thuật triển khai khắp Âu Châu, được hầu hết các Gh tại ý dùng sự giàu có của GH hỗ trợ.

Gh Julius II (1445-1513) đặt viên đá đầu tiên cho Đền Thánh Phêrô ở La Mã và thuê Bernini, Raphael, và Michaelangelo – những nghệ nhân vĩ đại của thế giới thời ấy – cung cấp các tác phẩm điêu khắc, hội họa, kiến trúc cho thánh đường.

Tuy nhiên, phí tổn lớn lao này đã biến GH thành một cơ sở kinh tài. Hậu quả là phong trào đòi cải cách GH nổi lên khắp nơi. Erasmus (1465-1536) ở Rotterdam, Hòa Lan, Martin Luther (1483-1546) người Đức, Jean Calvin (1509-64) người Pháp, John Knox (1513-72) ở Tô Cách Lan, Huldreich Zwingli (1484-1531) ở Zurich, Thụy Sĩ... Nguyên tắc của Công giáo, là sự hợp nhất của đức tin, bây giờ được thay thế bằng nguyên tắc của Tin Lành là sự tinh tuyền của đức tin.

Đúng lúc GH La Mã, đứng ra là Giáo Hoàng,



đang tứ bề thọ địch, thì Dòng Tên xuất hiện như một đội quân xung kích cứu giá từ đó cho đến bây giờ, cho nên năm 1761 văn hào Pháp Voltaire, một thành viên Hội Tam Điểm, đã tuyên bố, “Chỉ khi nào phá được Dòng Tên thì mới phá được cái đạo ác ôn [Công Giáo]”.

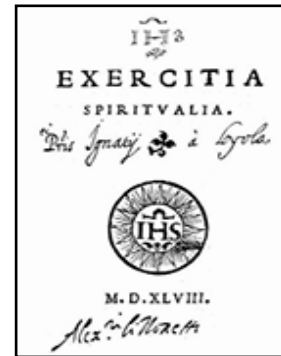
Dòng Tên (Societas Jesu/Society of Jesus, từ ngữ La Tinh societas do chữ socius, có nghĩa là đồng chí, partner hay comrade) do một nhà quý tộc Basque, Tây Ban Nha tên là Ignatius Loyola (thánh Y Nạp Tước La Diệu Lập, còn gọi là Y Nhã, tên thực là Inigo Lopez de Loyola: 1491-1556) thành lập ngày 15.8.1534, tại hầm mộ nhà nguyện Thánh Denis, đường Yvonne le Tac, trên đồi Montmartre, thủ đô Paris, Pháp. Tại nhà thờ Montmatre nay còn có một bảng bằng đồng ghi “*Societas Jesu Quae Sanctum Ignatium Loyolam Patrem agnoscit, Lute-tiam matrem Hic nata est*” (Dòng Tên sinh tại nơi đây. Cha: Thánh Y Nhã, Mẹ: Paris).

Năm 1521, Y Nhã lúc ấy là đại úy, bị thương vì trúng đạn trái phá trong trận chiến tranh với Pháp, khiến mộng làm tướng không thành. Năm 1527, đang theo học tại Salamanca – nơi mà con một nông dân tên là La Beata de Piedrahita năm 1511 đã bị tôn giáo pháp đình Tây Ban Nha để ý, khai là đã hội đàm với Chúa Giê Su và Đức Bà Đồng Trinh nhưng được tha – ông bị lôi ra trước một hội đồng giám mục về tội có cảm tình với Alumbrados, nhưng cũng chỉ bị cảnh cáo. Alumbrados đồng nghĩa với Illuminati. Tuy đã có vợ con, ông theo học 7 năm tại đại học Sorbonne, Paris, nơi đây ông quy tụ được một số đồng chí, trong đó có Francis Xavier of Navarre. Khi đó, giáo hoàng Paul III (1534-1549) đang phải đối phó với nạn ly giáo Tin Lành thì Y Nhã đến trình lên ngài kế sách lập đạo binh tu sĩ gián điệp nằm sâu trong nội bộ các giáo hội ly khai để tìm mọi cách làm cho các giáo hội đối lập bị tê liệt hoặc bị tiêu diệt.

Trả lời cuộc phỏng vấn của Rick Martin ngày 14.3.2000, Eric Jon Phelps phát biểu về thánh Y

Nhã như sau:

*Ignatius Loyola là một chiến binh Tây Ban Nha, bị thương trong trận chiến giữa Pháp và Tây Ban Nha và cũng ông bị giập nát. Tướng Pháp thấy Loyola quá can trường trong chiến trận, ra lệnh cho các bác sĩ của chính ông săn sóc Loyola. Họ bó căng ông và gửi ông về quê nhà... vùng Basques... Căng ông lành không đúng khớp... ông muốn nó phải bình thường như cũ, chịu những đau đớn kinh khủng. Ông bẻ gãy chân lại đôi lần nhưng căng vẫn không như cũ và bị khập khiễng suốt đời, không còn tán gái được nữa, kết quả là ông bị trầm cảm và rời khỏi các thánh, vv... và viết về các Linh Thao (Exercitia spiritualia-Spiritual Exercises) của ông... Rồi Loyola muốn lập một quân đội... những Linh Thao của ông sẽ thành cách huấn luyện căn bản cho các tu sĩ Dòng Tên... cho đến ngày nay.*



*Một phương châm của các Linh Thao là khi cấp trên bảo “đen là trắng và trắng là đen” thì nó là thế... Loyola có một ý chí bất khuất. Ông có ý chí thép và ông quyết tâm thu hồi cái gì mà Giáo Hoàng (Gh) đã làm mất vào tay Cải Chính (Reformation). Và thế là ông đi gặp Gh và năm 1500, Gh lập ra Dòng Tên.*

*Nhưng ông này một người lính, một luật gia, và ông họp thành một đội quân và chiến sĩ để... thiết lập một Chính Phủ Thế Giới cho Gh từ Jerusalem... Ông lập dòng tu năm 1536. Ông bị Tôn Giáo Pháp Đình bắt và được thả và đến với Gh, phủ phục dưới chân ngài. Ông hoàn toàn hiến thân cho ngài. Gh*



*cấp giấy phép (charter) cho ông. Gh ấy là Pius III...*

Một số chuyện khẳng định trên đây có thể kiểm chứng được. Vài chi tiết Phelps nêu ra không chính xác. Y Nhã lập Dòng Tên năm 1534 (không phải 1536), được Gh Paul III (không phải Pius III) chính thức cho phép năm 1540. (Pius III lên ngôi Gh ngày 22.9.1503, chết ngày 18.10 cùng năm).

Ngày 27.9.1540, Gh Paul III ban tòng chiếu Regimini Militantis Ecclesiae (To the Government of the Church Militant) cho phép “*ao Binh Chúa Giê Su*” (Compagnie de Jésus, chữ compagne do từ ngữ La Tinh “cum + pane” nghĩa là “với bánh”, no đói có nhau) trở thành một dòng tu giáo sĩ trong Hội Thánh mang tên Chúa (The Jesuits), giáo dân Việt Nam kiêng réo tên Chúa, gọi là Dòng Tên.

Lúc đầu Dòng Tên chỉ được phép có tối đa là 60 tu sĩ. Ngày 14.3.1513, tòng chiếu Injunctum nobis bỏ giới hạn này. Các tu sĩ tự xưng là “Amigos En El Señor” (tức bạn của Đấng Cứu Thế, nên giáo dân VN gọi là Ki Tô hữu), tự nguyện quên mình, tuyệt đối trung thành và “*vâng lời như một xác chết*” (perinde ac cadaver) để sáng danh Chúa hơn nữa (Ad Majorem Dei Gloriam). Chính Y Nhã đã phát biểu: “*Ta nhìn thấy màu trắng nhưng sẽ tin đó là đen nếu bề trên GH định nghĩa như thế*” và dạy những người theo ông phải tận tìn và chấp nhận kỷ luật nhà binh.

Năm 1541, Vatican phong hàm tướng (general) cho Y Nhã và các kế vị nhưng, để tránh tiếng hiểu lầm, gọi chệch là Tổng Quyền hay Bề Trên Cả (Préposé Général-Superior General). Ông mất tại La Mã ngày 31.7.1556, ngày 13.03.1662, được Gh Gregory XV (1535-1623) tuyên thánh cùng với Francis Xavier (Phanxico Xa-vie: 1506-1552).

Dòng Tên chủ trương toàn thể thế giới phải theo Ki Tô giáo dưới quyền Vatican và tận diệt Tin Lành nên bị nhiều nước chống đối và tẩy chay.

Ngày 3.9.1758, vì vua Bồ Đào Nha José (1714-1777) bị Dòng Tên mưu sát, ngày 17.12.1759

hầu tước thủ tướng Pombal trục xuất 600 linh mục Dòng Tên, dân chúng nổi dậy giết chết 3 linh mục, truất hữu các tu viện tại Bồ và các thuộc địa.

Thủ tướng Pombal yêu cầu giáo hoàng Benedict XIV (1740-1758) bãi bỏ Dòng Tên. Tại Pháp, vua Louis XV (1710-1774) cũng trục xuất 4.000 tu sĩ Dòng Tên. Năm 1667, gần 6.000 tu sĩ Dòng Tên bị vua Carlos III (1716-1788) trục xuất khỏi Tây Ban Nha. Qua năm sau, các tu sĩ Dòng Tên bị đuổi ra khỏi vương quốc Napoli, Parma và đảo Malta. Các nước Tây Ban Nha, Napoli, Parma cũng đòi La Mã giải tán Dòng Tên, nếu không sẽ có ly giáo “*khởi Đức Thánh Cha sầu khổ quá mà từ trần*”. Giáo hoàng Clément XIV (1769-1774), vì bị các vua Pháp, Tây Ban Nha và Napoli ép phải bãi bỏ Dòng Tên, đành nhượng bộ và giải tán Dòng Tên bằng giáo chỉ Dominus ac Redemptor ngày 21-7-1773: “*Ta muốn có sự hòa thuận lâu dài trong Hội Thánh và ta cũng nghĩ rằng Dòng Tên không còn giúp Hội Thánh được như xưa, và còn nhiều lý do khác không cần thiết kể ra đây, ta tuyên bố bãi bỏ Dòng Tên, các hoạt động, các tu viện và hiến pháp của dòng này*”. Trong khi đó, hoàng đế nước Phổ Frederick William II (1744-1797) và nữ hoàng Nga Catherina II (1729-1796) vẫn cho phép Dòng Tên tiếp tục hoạt động ở Phổ và Nga.

Từ 1783, một nhóm tu sĩ Dòng Tên vẫn tiếp tục hoạt động với hậu thuẫn ngầm của giáo hoàng Pius VI (1775-1799), vì thế năm 1782 Stanislaus Czerniewicz vẫn được bầu làm Bề Trên Cả của Dòng Tên. Năm 1814, Dòng Tên được giáo hoàng Pius VII (1800-1823), khi về được La Mã sau khi bị giam cầm tại Pháp, đã cho phục hoạt bằng giáo chỉ Sollicitudo omnium Ecclesiarum, và Thaddeus Brzozowski được bầu làm Bề Trên Cả ở Nga từ 1805 lúc ấy có thẩm quyền trên cả thế giới. Năm 1870, Dòng Tên giữ vai trò quan trọng trong việc tuyên bố giáo hoàng vô ngộ (papal infallibility).

Tổng Quyền (Praepositus Generalis = Superior General = Préposé Général = Provost General) có



thẩm quyền trên khắp thế giới, có một nội các (Curia) gồm nhiều phụ tá. Thế giới được chia thành tỉnh dòng (province) do các giám tỉnh (provincial superior) quản trị.

Phelps gọi các “*Tướng Dòng Tên*” là “Giáo Hoàng Đen” (Black pope, nghĩa là giáo hoàng trong bóng tối) và chủ trương rằng chính các Gh cũng bị họ điều khiển. Cho tới nay có 30 Tổng Quyền. Tổng Quyền thứ 27 là Jean Baptist Janssens người Pháp, mất năm 1964, rồi đến Pedro Arrupe, năm 1983 bị bệnh nặng (chết năm 1988), nên ngày 13.9.1983 Hans Kolvenbach, người Hòa Lan lên thay, ngày 14.1.2008 về hưu vì đã 80 tuổi, được Adolfo Nicolas Pachón, người Tây Ban Nha thay làm Tổng Quyền thứ 30. Văn phòng của Tổng Quyền tức đại bản doanh (General Curia) Dòng Tên đặt tại La Mã, là một phần của Collegio del Gesù.

Tính đến tháng 1.2008, Dòng Tên có 18,815 thành viên hoạt động trên 112 quốc gia (so với 19,850 hoạt động trên 133 quốc gia năm 2005), chia ra 13,305 giáo sĩ, 2,295 học viên, 1,758 sư huynh và 827 tân ban viên (novice). Tân ban viên được ghi chữ S.J. (Societas Jesu) sau tên và tuân hành ba điều nguyện: bản hàn, trinh khiết, vâng lời và hứa kiên trì tu hành lên đến bậc Học giả (Scholastic, được gọi là “Sir”, tức là đã vào hẳn hành trình tu sĩ) hay bậc sư huynh (tức trợ giám tạm (temporal coadjutor), thời gian tu luyện từ 2 đến 4 năm. Sau đó đến bậc nhiếp chính (regency) từ 2 đến 3 năm nữa. Lúc này, tu sĩ thường đã có bằng phó tiến sĩ (master’s) hay tiến sĩ (doctor’s) và được tấn phong (ordination), có thể chọn hoặc là làm một trợ giám tinh thần (spiritual coadjutor), nguyện giữ 3 lời hứa trọn đời, hoặc là làm một “tứ nguyện chuyên gia” (professed of the four vows). Chỉ có các vị “tứ nguyện chuyên gia” mới có quyền giữ chức sư phụ cho tân ban viên, chức giám tỉnh (provincial superior-father general) hay chức phụ tá cho Tổng Quyền [2].

Aldous Huxley nhận định:

*Khó mà tìm được một tác giả suốt thời Trung Cổ*

*và thời Phục Hưng nào mà không cho rằng dĩ nhiên trên từ các hàng giáo phẩm cao nhất xuống đến những tu sĩ khát thực thấp nhất, đa số trong giới giáo sĩ hoàn toàn mang tiếng xấu.*

*Đối với một tu sĩ Dòng Tên, vấn đề thành tựu sự toàn thiện Kitô giáo đặc biệt khó khăn. Dòng không phải là một dòng chuyên về tinh lực mà những thành viên sống biệt lập và dâng trọn đời cho việc cầu nguyện. Đó là một dòng hoạt động, một dòng của các tông đồ, chuyên đi cứu vớt linh hồn và nguyện chiến đấu trong các trận chiến của GH trên thế giới (The Devils of Loudun, trang 87).*

Không riêng Aldous Huxley, Alfred Still dường như không mấy cảm tình với các tu sĩ Dòng Tên:

*Các tu sĩ Dòng Tên chủ trương rằng cứu cánh biện minh cho phương tiện (một nguyên tắc không thể tha thứ được và đáng phẫn nộ), không những thông cảm mà còn tích cực khuyến khích việc giả mạo. Giáo sĩ và tu sĩ thường sẵn sàng bênh vực bất cứ sự gian dối nào để moi tiền của những tín đồ khờ khạo và những người xưng tội hoảng hốt (Borderlands of Science, trang 207).*

Dòng Tên được phép thành lập để chống lại những phản đối của những nhà cải cách bất mãn về cách hành sử quyền hành của Tòa Thánh, nhất là khi Gh Leo X (1513-21) nghĩ ra cách làm tiền kiểu mới, bán “khoan hồng” (indulgence) cuối thời Phục Hưng [3].

Joseph Gaer thuật lại diễn tiến của việc lập ra định chế này:

*Để gây quỹ xây đại thánh đường, sau này được gọi là mái vòm St. Peter, Gh Leo phải người đi bán khoan hồng khắp thế giới Kitô giáo. Gh và giới tu sĩ của ngài có một bản liệt kê đầy đủ những tội mà một người có thể phạm, và hình phạt cho mỗi tội. Có những tội chỉ cần ăn năn là được tha. Nhưng còn những tội khác kẻ phạm tội phải chịu đọa [nơi hỏa ngục].*

*Trong thời Thập Tự Chiến, ân xá hoàn toàn được hứa cho những ai sẵn lòng hi sinh mạng sống cho*



cuộc chiến vì Đức tin. Sau những Thập Tự Chiến, sự hi sinh bằng tiền trả vào ngân khố của Gh được coi như để thay thế. Trả tiền cho Gh để được Chúa tha tội gọi là mua “khoan hồng”. Những khoan hồng này được bán ở tất cả nơi nào có người Kitô giáo. Và kẻ nào tội lỗi nhiều nhất dĩ nhiên là khách hàng sộp nhất. Không phải chỉ giới tu sĩ mà còn cả con buôn cũng bán khoan hồng, ăn hoa hồng ba mươi ba phần trăm hay một phần ba. Khoan hồng thực sự có nghĩa là sự Tha thứ của Chúa, bây giờ được bán ra như chứng khoán hay cổ phần.

Đối với [Martin] Luther, việc thương mại hóa sự Rộng Lượng của Chúa có vẻ là điều không phải. Ông không thể hiểu được làm sao một người giết người khác, rồi bỏ ra một số tiền mua khoan hồng của nhân viên hay mại bản của Gh, rồi trở nên vô tội trước mặt Chúa (*How the Great Religions Began*, trang 217).

Theo Frank Allmut:

Martin Luther viết rằng kẻ Phản Chúa là Gh, một quan điểm hiện nay hãy còn được một số học giả chuyên về Thánh Kinh theo... Một trong những điều ấy nói về danh hiệu của Gh, “Vicarius Filii Dei”, nghĩa là “Trợ tế của Con Chúa” và ngụ ý rằng Gh đòi đứng thay chỗ của Giê su và nắm giữ quyền uy của Ngài trong GH (*Antichrist: After the Omen*, rang 46).

Roland H. Bainton viết về nhà cải cách này:

Sự thay đổi lớn lao đến từ một người tên là Martin Luther; vị này không hề chú tâm cải tổ GH nhưng chỉ giản dị là xác định rằng Chúa có thiện cảm với ông. Con người thì nhỏ. Chúa thì lớn. Con người thì xấu. Chúa thì tốt. Vì Chúa tốt nên Ngài phải nổi giận với tội lỗi của con người. Và vì Ngài lớn nên nỗ lực của Ngài phải khủng khiếp. Luther cảm thấy nỗ lực của Ngài y như sấm sét kinh hoàng. Ngay cả Kitô đối với Luther cũng chỉ như là một phán quan nghiệt ngã ngồi trên cầu vồng để cho kẻ hiền lên trời và kẻ dữ xuống hỏa ngục (trang 129).

Cải cách bằng bạc trong không khí vào thời Lu-

ther và những ghi chú phát ra từ cái loa của ông thức tỉnh nhiều người chỉ cho có một dấu hiệu nào đó để cải cách GH của chính họ và nếu cần thì tách ra khỏi GH Công giáo La Mã. Những người này tuy thế không nhập vào với giáo hội của Luther mà lập ra những GH của chính họ... Ba GH ở Thụy sĩ. GH thứ nhất ở Zurich... gọi là GH Cải Cách. GH thứ hai cũng ở đó và gọi là GH Baptist... GH thứ ba ở thành phố Geneva, dưới sự lãnh đạo của John Calvin, gọi là Presbyterian (*The Church of Our Fathers*, trang 142).

Tuy bị chỉ trích, Dòng Tên đã lập được rất nhiều công trạng đáng kể, nhất là trong lãnh vực văn hóa, khoa học. Lm John Courtney Murray, SJ, là 1 trong những phác kế Công Đồng Vatican 2 và soạn thảo Dignitatis Humanae Personae, tuyên dương tự do tôn giáo trên thế giới.

Việc tu hành của Dòng Tên căn bản là Thiền Tiên Nghiệm (Transcendental Meditation), bổ túc bằng triết học, siêu hình học, luận lý học, tâm lý học, phân tâm học, tâm lý trị liệu, tâm thần bệnh học, thần giao cách cảm, thôi miên, ma thuật và phù thủy (parapsychology). Vì thế đa số giáo sĩ Dòng Tên là những nhà thông thái hay đại học giả, gồm nhiều nhà bác học phát minh về nhiều lãnh vực khoa học. Tại Hoa Kỳ, rất nhiều tu sĩ Dòng Tên là các nhà thiên văn, các khoa học gia đang làm việc tại các trung tâm khoa học. Trong thời chiến tranh lạnh, họ là các chuyên gia trao đổi các dữ kiện khoa học với các chuyên gia khoa học của Liên Xô.

Đại học Gregorian University tại Rome, do chính thánh Y Nhã thành lập năm 1551, đã đào tạo 8 hiền thánh, 16 giáo hoàng và hàng ngàn hồng y, tổng giám mục, giám mục.

Hiện nay, 3 phần tư giáo sư dạy các phân khoa của đại học Gregorian là tu sĩ Dòng Tên. Trường có 2000 sinh viên theo học, đông nhất là ý, kế đến là Mỹ, non một nửa là tu sĩ của Dòng, các nữ sinh viên đều là nữ tu. Trường rất nổi tiếng về các khoa tâm lý, xã hội học, Viện Nghiên Cứu Đông Phương và



nhất là Viện Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác xít. Dưới thời Gh Pius XII (1939-1958), toàn thể các chức sắc Vatican đều là các tu sĩ Dòng Tên người Đức.

Đài phát thanh Vatican (Vatican Radio) hoàn toàn do các tu sĩ Dòng Tên thiết kế và điều khiển từ 1931 dưới triều Gh Pius XI (1922-1939), phát thanh liên tục 24/24 bằng 34 thứ tiếng.

Từ đầu thập niên 1990, nhóm đối lập mệnh danh là “Opus Dei” (Tác phẩm của Chúa-Oeuvre de Dieu), tiếng Việt gọi là Dòng Hạnh Nhân, đẩy các tu sĩ Dòng Tên ra khỏi đài phát thanh Vatican.

Opus Dei do tu sĩ Josemaría Escrivá de Balaguer, sinh 1902 tại Barbastro, Tây Ban Nha, thành lập ngày 2.10.1928 quy tụ các cư sĩ Công giáo, ngày 24.2.1947 được Gh Pie XII thừa nhận bằng giáo chỉ Decretum Laudis, ngày 28.11.1982, được nâng lên hàng “Giáo Phận Tông Nhân” (Prelatura personale) bằng tông hiến (constitution apostolique) Ut sit.

Josemaría Escrivá de Balaguer mất ngày 26.6.1975, được Gh Jean-Paul II phong chân phước ngày 17.5.1992, phong hiển thánh ngày 6.10.2002 tại quảng trường Saint-Pierre. Ngày 25.6.2004, lần đầu tiên lễ mừng thánh Josemaria được tổ chức tại Nhà Thờ Đức Bà Sài Gòn, do Lm Joseph Tuấn chủ tế.

Theo Thông Tấn Xã Công giáo:

*Opus Dei là một trong các tổ chức hùng mạnh nhất trong GH trong lúc này.*

*Đức Phaolô VI, trong thư do chính ngài ký gửi Cha Josemaría Escrivá de Balaguer, 1/10/1964, đã viết như sau: “Trong những lời của Cha Josemaría Escrivá de Balaguer nói lên, Ta cảm thấy rung động của tâm hồn được đốt cháy và quảng đại của Tổ chức Opus Dei, được thành lập trong thời đại chúng ta như một biểu lộ sức trẻ trung xuân xanh liên li của Giáo hội... Với hài lòng của một người Cha, Ta thấy nơi những gì Opus Dei đã thực hiện và đang thực hiện cho Nước Chúa, ước muốn tiến đến sự lành, hướng dẫn tổ chức của mình, - tình yêu nồng nhiệt đối với Giáo hội và đối với Vị lãnh*

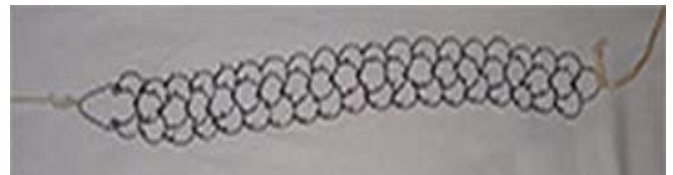
*đạo hữu hình của Giáo hội, đặc điểm của Tổ chức, - lòng nhiệt thành đối với các linh hồn, thúc đẩy Tổ chức trên những con đường khúc khuỷu và khó khăn của việc tông đồ, của sự hiện diện và của chúng ta trong mọi lãnh vực của đời sống hiện nay’...”*

Đức Ông Nguyễn Văn Tài tuyên bố trên Radio Veritas Asia ngày 7.10.2002:

*Vụ làm án phong Thánh của Cha Josemaria Escrivá de Balaguer... bị chỉ trích, do cả một số vị giáo sĩ tại Giáo triều Roma và ngoài Roma. Opus Dei trong một thời kỳ đã gặp nhiều khó khăn, bị tố cáo là “bè nhiệm” trắng, là một hội kín... Chính phủ ý đã trao việc điều tra cho Tổng trưởng Bộ Nội vụ, lúc đó là ông Oscar Luigi Scalfaro. Trước Quốc hội ông đã minh chứng: những tố cáo và nghi ngờ không có nền tảng. Opus Dei đã được tự do hoạt động và tiến mạnh tại thủ đô Giáo hội và trong nước Ý...*

Có dư luận cho là việc cáo gian này là do sự đố kỵ của Dòng Tên bị Opus Dei tranh chỗ trong Hội Thánh. Trên thực tế, trong thập niên 1940, một trong người trong GH sớm chỉ trích Opus Dei không ai khác hơn là Tổng Quyền Dòng Tên thứ 26, Wlodimir Ledochowski. Tổng Quyền Ledochowski trình lên GH rằng Opus Dei “*rất nguy hiểm cho GH ở Tây Ban Nha (very dangerous for the Church in Spain)*”, nhắc đến “*tính chất bí mật (secretive character)*” của Opus Dei và gọi Opus Dei là “*một hình thức của Tam Điểm Công Giáo (a form of Christian Masonry)*.”

Opus Dei cũng thường bị chỉ trích là có lối tu hành xác như đeo một vòng kẽm gai (Celice-Cilice- Xem hình dưới đây) quanh đầu mỗi ngày 2 tiếng đồng hồ. Chỉ trích tăng khi Opus Dei, và cả GH ở Tây Ban Nha, tích cực ủng hộ nhà độc tài thống tướng Francisco Franco (1892-1975), một số bộ





trưởng và viên chức trong chính phủ Franco là thành viên Opus Dei, và Opus Dei phát triển mạnh trong thời Franco cai trị. Nhưng một số “thánh nhân” như mẹ Theresa, tgm Óscar Romero và thánh Padre Pio cũng là thành viên Opus Dei.

Linh mục Bùi Đức Sinh cho rằng Hội Tam Điểm là đối tượng tranh đấu của Dòng Tên: *“Đứng trước cuộc khủng hoảng tinh thần thế kỷ XVIII, nhiều người đương thời như cha A. Barruel (1741-1820) Dòng Tên, một nhà văn nổi tiếng, đã nhận ra những người chủ mưu và lãnh đạo lực lượng chống Chủ thuyết, chính là hội Tam điểm... Giáo hội đã nhận ra tai hại của hội này. Các cha dòng Tên vẫn là người đầu tiên tố cáo họ. Năm 1738, đức Thánh Cha Clementê XII đã lên án bệ Nhiệm là phản tôn giáo, vô luân và phản xã hội qua Tông chiếu In Eminenti. Và 13 năm sau, đức Thánh Cha Benedictô XIV lại kết án một lần nữa trong Tông chiếu Providas Romanorum”* (Lịch sử Giáo hội Công Giáo, tái bản lần thứ bảy California 2001, Phần Nhì, Chương Bốn, II.1).

Robert Howard trong bài “United States Presidents and The Illuminati/Masonic Power Structure” khẳng định: *“Các Tam Điểm cấp thấp không biết rằng các Tam Điểm cao cấp làm việc cho Tướng Dòng Tên. Họ nghĩ rằng họ chỉ làm việc thiện và thành những người tốt. Nhưng thực ra các Tam Điểm cao cấp cũng là những thân dân của Tướng Dòng Tên, vì Tướng Dòng Tên, với Frederick Đại Đế, viết: các Cao Cấp, và 8 Cấp cuối cùng, của Nghi Thức Tam Điểm Tô Cách Lan khi Frederick bảo trợ họ sau khi họ bị Giáo hoàng đàn áp năm 1773. Vậy, ta có việc Dòng Tên cùng chiến tuyến (aligned) với hội viên Tam Điểm quyền thế nhất là Frederick Đại Đế trong thời gian họ bị đàn áp. Đó là một kết luận không thể bác bỏ được. Và rồi, khi xét các Chiến Trận Napoleon, Cách Mạng Pháp và các Chiến Trận Napoleon do Tam Điểm thực hiện, tất cả những gì Napoleon làm và Jacobin làm, hoàn toàn có lợi cho Dòng Tên”*.

Hai nhận định trên đây có vẻ mâu thuẫn. Dòng Tên chủ trương diệt Tam Điểm hay chỉ đạo Tam Điểm? Muốn trả lời, ít nhất cũng phải xem Tam Điểm được tổ chức như thế nào.

\*\*\*

**Kính cáo:** Trong loạt bài này có những sự kiện có ích để hiểu rõ thêm đề tài đang thảo luận nhưng nếu trình bày ngay trong bài thì đề tài bị đứt đoạn. Vì vậy các sự kiện này sẽ được trình bày trong một bài bên cạnh dưới bút hiệu Nguyên Trân.

### Chú thích của Tác giả

[1] Theo Robert Howard (*Hard Truth/Wake Up America*): Dòng Tên dùng Nhà Rothschild Do Thái để tài trợ Cách Mạng Pháp và Napoleon hội viên Tam Điểm cùng với cố vấn của ông là tu viện trưởng Sieyes được Dòng Tên huấn luyện. Vẫn theo Howard, dù tu viện trưởng Dòng Tên Barruel lên án Nhà Rothschild và Tam Điểm về cuộc Cách Mạng, chính Dòng Tên đã dùng những công cụ này để tiến hành Cách Mạng và trừng trị các quân vương đã dám đuổi họ đi khỏi lãnh thổ để họ phải đến lánh nạn tại đảo Corsica. Ở đó họ đào tạo vĩ nhân sẽ trả thù cho họ: Napoléon Bonaparte.

[2] Lời nguyện thứ tư này là đề tài cho nhiều tranh luận. Tiên sĩ J. A. Wylie LL.D., tác giả của bộ “History of Protestantism” gồm 2 tập, xuất bản năm 1878, trong đó có viết 1 đoạn tên là “Lịch Sử Dòng Tên” (*History of the Jesuits*). Có một văn kiện vẫn còn gây tranh cãi là “Những Huấn Thị Mật Của Dòng Tên” (*Secreta Monita*). *Monita Secreta* được gán cho là do Jerome Zahorowski bịa ra, hoặc Tổng Quyền thứ 5 của Dòng Tên, Claudio Acquaviva, ban hành cho các bề trên, nhưng *Monita Secreta* bị đa số bác khước, ngay cả những người chống đối Dòng Tên như Blaise Pascal (tác giả của “Bức thư ngỏ gửi một Giám tỉnh” - *Lettres Provinciales*, 1656-57), v.v.

[3]. Thời Trung Cổ (*Moyen-Age*) là thời kỳ giữa cổ đại (*antiquité*) và hiện đại (*les temps modernes*), thường tính từ năm Đế Quốc La Mã Tây Phương sụp đổ (476) và năm thành Constantinople bị thất thủ (1453), gần 1,000 năm. Thời Phục Hưng bắt đầu từ năm sinh của Petrarch (1304) đến năm Titan chết (1576).





# DÒNG TÊN VIỆT NAM

## Nguyễn Trân

Dòng Tên VN lấy tên là tỉnh dòng Phanxicô Xaviê (1506-1552). Trên tháp chuông nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn (nơi anh em ông Diêm đến cầu nguyện trước khi bị hạ sát) có tượng thánh Phanxico Xaviê. Cha Tam là Lm Pierre d'Assou, dịch là Đàm Á Tố (Tam An Su), đọc sang âm Việt là Tam.

Chính Phanxicô Xaviê đã thúc giục vua Bồ Đào Nha John III lập tôn giáo pháp đình ở Goa, Ấn Độ, nơi ông đến truyền giáo năm 1541. Ông chết ngày 2.12.1552 trên một hòn đảo ở cửa sông Quảng Đông, thọ 46 tuổi, năm 1622 được phong thánh.



Dòng Tên đến Việt Nam năm 1615 tại Đàng Trong (Hội An), năm 1627 tại Đàng Ngoài. Tu sĩ Dòng Tên nổi tiếng nhất là Alexandre de Rhodes (1591-1660), tên Việt là Đắc Lộ. Năm 1628, ông bị Chúa Trịnh quản thúc tại Thăng Long, 1630 bị đày lên Bồ Chính (Vinh) để trục xuất vào Đàng Trong. Thường có ngộ nhận ông là người sáng chế chữ Quốc Ngữ (như bu huơ trên đây). Thật ra ông chỉ là một trong những người hoàn chỉnh, và năm 1651 cho ra cuốn tự điển Việt-Bồ-La (Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum) và cuốn Phép Giảng Tám Ngày trong đó cụm từ Đức Chúa Trời được sử dụng khoảng 100 lần và gồm cả những phê bình tiêu cực các tôn giáo khác, nhất là Phật giáo [1].

Năm 1649 Đắc Lộ về Ba-lê thành lập Hội Thừa Sai (Société des Missions Etrangères) để khuyến

khích các nhà truyền giáo người Pháp đến vùng Viễn Đông. Vì thế, các giáo sĩ người Pháp ngày càng gia tăng. Theo Đào Duy Anh, tác giả quyển Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, vào năm 1680 GH Công Giáo VN cho rằng có đến 600.000 giáo dân ở Đường Trong và 200.000 ở Đường Ngoài. Các con số này dường như cao hơn thực tế vì, theo Lm Phan Phát Huồn, một sử gia Công Giáo, sau hơn một thế kỷ, số giáo dân trong toàn quốc không quá 320.000.

Cuối tháng 3.1993, hội Khoa Học Lịch Sử CSVN đã tổ chức một hội nghị tưởng niệm 400 năm ngày sinh của Alexandre de Rhodes tại hội trường Bảo tàng Cách Mạng, khôi phục tên đường Alexandre de Rhodes tại Saigon và cho dựng lại tấm bia đá kỷ niệm mang tên ông tại khuôn viên Thư Viện Quốc Gia ở Hà Nội. Đắc Lộ không được phong thánh, nhưng ông có phụ tá giảng giáo lý (catechist) người Việt Nam mà ông đã chuyên hóa thành Kitô hữu, đặt tên thánh là Andrews và thu nhận làm đệ tử ruột, bị xử tử ngày 26.7.1644 tại Quảng Nam lúc mới 19 tuổi, dưới sự chứng kiến của chính ông, thủ cấp được đem sang Macao, sau chuyển về đại bản doanh Dòng Tên tại La Mã. Andrews được Gh John Paul II phong thánh ngày 19.6.1988 cùng với 116 vị tử đạo khác tại Việt Nam.

Ngày 7.10.2008, lần đầu tiên một tu sĩ Dòng Tên người VN được tấn phong giám mục. Đó là Cosma Hoàng Văn Đạt, sinh ngày 17.6.1948, được Gm Phêrô Nguyễn Văn Nhơn, chủ tịch HĐGM Việt Nam, tấn phong và nhậm chức Gm giáo phận Bắc Ninh.

Theo Lm F. X. Nguyễn Thanh Hoài, S.J., các thừa sai Dòng Tên vẫn cho bản đạo bày tỏ lòng tôn kính tổ tiên theo tập tục đã có, như cúng giỗ, ngay cả việc bày đồ cúng, đốt hương nhang trên phần mộ, tôn kính Khổng Tử, lập bàn thờ Thiên, giữ trang trong nhà và các phong tục khác, chỉ sửa đổi và loại bỏ những gì thật sự là mê tín dị đoan và buộc các bản đạo luôn chỉ tôn thờ một Đức Chúa Trời mà thôi, còn những vị khác, chỉ là tôn kính, tưởng nhớ với lòng hiếu thảo theo tinh thần gia đình, xã hội và dân tộc. Nhưng nhiều nhóm truyền giáo khác, nhất là nhóm thừa sai Paris, lại cho tất cả những



ngghi lễ trên là mê tín dị đoan, nên tuyệt đối cấm các bôn đạo thực hành. Sự khác biệt quan điểm dẫn tới việc tranh luận và kiện cáo qua Tòa Thánh. Vụ này được biết dưới cái tên De Ritis Sinensibus (Lễ Phép Nước Ngô). Cuộc tranh tụng căng thẳng kéo dài đến hơn 100 năm, kết thúc với việc Tòa Thánh công bố Hiến Chế Ex Quo Singulari năm 1742, cấm chỉ tuyệt đối thực hành các nghi lễ trên. Hậu quả là người VN và Tàu coi việc theo Kitô giáo là bất hiếu với tổ tiên, mặc dù điều răn thứ tư của Kitô giáo (liền sau việc thờ phượng Thiên Chúa) là “thảo kính cha mẹ”. Ngày 8.12.1939, Huân Thị Plane Compertum Est, do Bộ Truyền Giáo ban hành, cho phép Giáo Hội Tàu và tại các nước lân cận được cúng giỗ theo phong tục địa phương. Tại VN, phải đợi đến ngày 14.06.1965, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam mới công bố tại Đà Lạt, một thông báo cho phép cúng giỗ [2].

### Chú thích của Tác giả

[1]. Ngoài Đắc Lộ ra, những người có công tạo ra và hoàn tất chữ Quốc Ngữ là Francisco de Pina (1585-1625), Cristosforo Borri (1583-1632), Gaspar d Amaral (1592-1646), Antonio Barbosa (1594-1647), Filipino Marini (1608-1682), Bento Thiện (1614-1686), Igesicô Văn Tín (cùng thời với Bentô Thiện), Francois Deydier (1634-1693), Pierre Langlois (1640-1700), Loren Huỳnh Lâu (1656-1699) Marin Labbé (1648-1723), Pigneau de Béhaine (1741-1799), Felipe do Rosario Bình (1759-1833), Jean-Louis Tabert (1794-1840), Philiphê Phan Văn Minh (1815-1853), Petrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898), v.v.

[2]. Tôi đã đọc ở đâu không nhớ, mẹ Chúa Trịnh đã có ý định theo Công Giáo nhưng khi vị truyền giáo cho biết cha mẹ, tổ tiên bà vì không chịu phép rửa tội hiện đang ở hỏa ngục. Bà tức giận cái đạo bảo tổ tiên bà là ma quỷ, ra lệnh cho con – có lẽ là Thành Tổ Triết vương Trịnh Tùng (1570-1623), con Thế Tổ Minh Khang Thái vương Trịnh Kiểm (1545-1570) và Ngọc Bảo, con gái Nguyễn Kim hay con là Văn Tổ Nghị vương Trịnh Tráng (1623-1652) – cấm đạo và đuổi hết các nhà truyền giáo.

## LỊCH SỬ VIỆT TỘC

# LỊCH SỬ VIỆT TỘC QUA MỤC DI TRUYỀN

**Lời Giới Thiệu Của Tác Giả:** Đọc một số tài liệu về nguồn gốc dân tộc Việt, tôi không hiểu đâu là thật, đâu là giả. Vì có cảm tưởng lịch sử thật của Việt Tộc bị bóp méo có kế hoạch khá nhiều từ ngàn năm, tôi viết bài nghiên cứu này dựa và dữ kiện của các nho gia và khảo cổ của các nhà nhân chủng học Việt Nam và thế giới (nhất là từ Đại Học Emoy tại Atlanta, Georgia và vào kết quả nghiên cứu về Mitochonrial DNA trên thế giới để phần nào tránh thiên vị. Nghiên cứu về Metochonrial DNA cho phép tôi giả thuyết rằng người Bách Việt di Bắc tới Đại Hàn, Nhật rồi vượt eo biển Bering sang Bắc Mỹ, và di Nam thành lập các nước Việt Nam, Đông Nam Á,... rồi vượt trùng dương lập thành Nam Dương, Mã Lai, Phi,... tới tận cả Hawaii, trung và nam Mỹ. (Đặc biệt chỉ có 2 dân tộc trên thế giới có “Hai Vật Biểu”, ở dân Bách Việt là Tiên Rồng và ở dân Maya là Chim và Rắn còn tương đồng ở tục chôn người chết của giới thượng lưu).

Giả thuyết của tôi được nhiều nhà khảo cổ đồng ý, dựa trên kết quả nghiên cứu về Mitochonrial DNA.

Xin đọc giả thứ lỗi nếu thấy tôi sai vì có nhiều tự ái dân tộc. Tôi sẽ cảm ơn mọi lời phê bình, chỉ trích tốt lẫn xấu và lời chỉ dạy của các bậc uyên thâm, thông hiểu hơn tôi.

## Việt tử

### Phương Pháp Mục Di Truyền (hay Mục DNA)

DNA do chữ Deoxyribonucleic acid. Nó thường được gọi là thể di truyền (genes). Nó phụ trách truyền lại cho thế hệ sau cái tốt cũng như cái xấu của sinh vật. Nó có nhiều cặp căn bản (bases pairs) trong những chuỗi tiếp diễn DNA (sequence DNA). Trên lý thuyết mỗi con người đều có một mẫu DNA như thủy tổ. Nhưng trên thực tế, có những sai lầm bất ngờ trong tiến hành tái tạo các cặp căn bản của chuỗi tiếp diễn DNA gọi là Đột Biến xảy ra, và những sai lầm ấy được truyền sang thế hệ sau. Nếu các đột biến đó nặng thì cá nhân đó chết (sẩy thai hoặc chết yểu bởi bệnh di truyền). Nếu nhẹ, các đột biến đó giúp các nhà nhân chủng học truy tầm lại được thủy tổ của cá nhân đó sau nhiều ngàn năm đã trôi qua. Ví dụ đột biến nhẹ là sự thất thoát cặp căn bản số 9 giữa 2 thể di truyền COII / tRNALYS (9 bp deletion between Cytochrome c Oxidase subunit II / tRNALYS



genes).

Có hai loại DNA, một ở trong hạt nhân tế bào, một ở trong một cơ quan nhỏ trong tế bào chất gọi là Mitochondrion. DNA của cơ quan này lấy tên là Mitochondrial DNA. Các khoa học gia chọn nó vì số lượng thể di truyền rất ít hơn, so với DNA của nhân tế bào. Nó được truyền lại do người mẹ.

Haplotype là một nhóm thể di truyền trong các chuỗi tiếp diễn DNA. Mỗi lục địa có riêng một số haplotypes : ví dụ như Á châu có 4 haplotypes chính A, B, C và D. Người thổ dân Mỹ châu có cùng loại haplotypes với dân Á châu vì thổ dân Mỹ châu do thủy tổ từ Á châu di dân sang Mỹ châu khoảng 6.000 – 20.000 năm tiền sử. Phi châu có haplotypes L, L1, L2 và L3. Âu châu có các haplotypes khác từ H, I, J, K, M, T, U, W, X.

Phương pháp định DNA và các đột biến cần những phòng bào chế trang bị rất tối tân không thuộc lãnh vực bài này. Các nhà khoa học cần máu, tế bào và xương để định DNA.

### Lịch sử Việt Tộc qua Mực Di Truyền

Mọi con người trên trái đất đều muốn biết nguồn gốc của mình. Những câu hỏi căn bản về vấn đề đó được trả lời bằng những giả thuyết hay thần thoại khác nhau ở khắp địa cầu tùy theo quan niệm duy tâm, duy vật hay vô duy.

Nước Babylone (Iraqe) phát minh ra chữ viết sớm nhất trên thế giới khoảng 4000 năm TC (Thời Cũ = Thời gian trước Công Nguyên) đã ghi chép lại sự tạo thiên lập địa và nguồn gốc loài người. Chúng tôi gọi truyền thuyết hay thần thoại (Mythology) là chuyện truyền khẩu vì chưa có chữ viết để ghi chép lại một cách chính xác.

Lịch sử là chuyện đang xảy ra và được ghi chép lại bằng chữ viết hiện hành một cách chính xác hơn. Các miếng đất sét của xứ Babylone được khai quật sau khi bị chôn vùi dưới đất 2000 năm kể lại chuyện khai thiên lập địa tiền sử, nghĩa là chuyện thần thoại: Theo đó loài người do Chúa Mẹ (Mère des Dieux) sinh ra các Chúa với một đời sống vĩnh viễn. Chúa Trưởng họp Hội Đồng Các Chúa lại bàn cãi về công tác tạo dựng ra con người để phục vụ và thờ phụng các Chúa hằng ngày. Hội Đồng Các Chúa ủy quyền cho Nữ Chúa Enki/Éa lấy đất sét nặng ra con người rồi chuyền máu của Bà cho con người đất sét. Con người đất sét trở thành người thật có một đời sống khoảng 200 năm (Jean Bottéro). Thánh Kinh vào khoảng 1500 TC kể rằng Chúa Trời lấy cát bụi nặn ra con người rồi thổi hơi thở của Ngài vào con người cát bụi. Con người cát bụi trở thành con người thật. Đó là Ông Adam. Rồi Chúa lấy xương sườn của

Ông Adam tạo ra Bà Eva. Thần thoại Iran cho là loài người do Ba Anh Em Huyền Bí sinh ra. Thần thoại Trung Hoa cho rằng ông Bàn Cổ chết rồi dòi từ thân thể ông cho ra loài người (Jonathan Fenby).

Các nhà khoa học cho rằng các sinh vật đơn bào ở dưới nước hợp lại thành đa bào rồi lên đất liền thành con dã nhân và biến thành con người.

Chúng tôi không đủ thẩm quyền thảo luận nguồn gốc của loài người. Nhưng nguồn gốc của một dân tộc đã và đang sống trên trái đất có thể định được, dựa vào cổ sử và khảo cổ học mà ta có thể tìm lại được. Lịch sử dân Việt Nam chỉ có thể tìm lại được phần nào qua cổ sử Trung quốc, không phải vì chúng ta không có sử viết nhưng vì vua Tần Thủy Hoàng đã tận diệt chữ viết Việt và đốt phá sử sách Việt trong mưu đồ đồng hóa dân ta.

Nhưng cổ sử Trung quốc đầy đầy sai lạc về nhân danh, địa danh và thời gian sự việc trong lịch sử Việt tộc. Tiền Hi Tô một sử gia Trung Quốc vào thời Đại Hán (206 TC - 220 TM) [TM= Thời Mới= Thời sau Công Nguyên] đã thay đổi nội dung quyền Đại Việt Sử Lược rồi đổi tên là Việt Sử Lược và cho vào Tứ Khố Toàn Thư triều Thanh. Họ kéo lùi lại niên đại thành lập nước Văn Lang vào thế kỷ 7 TC, tức là 700 năm TC. (truyền thuyết cho rằng nước Văn Lang có từ năm 2879 TC). Ngoài ra người Tàu còn dùng chữ viết của họ trong chính sách thâm hiểm kín đáo “Chia Đẻ Trị” dân Bách Việt sau khi họ hoàn toàn tiêu diệt chữ viết Việt vào đời Tần Thủy Hoàng năm 221 TC.

Ngày nay khoa học tiến triển vượt bậc giúp cho các nhà nhân chủng học thế giới một vũ khí sắc bén và chính xác để tìm lại nguồn gốc của vài dân tộc trên 10.000 năm tiền sử : Đó là Mitochondrial DNA mà chúng tôi gọi là Mực DNA hay Mực Di Truyền.

### Nguồn gốc Việt tộc

Có ba giả thuyết về nguồn gốc Việt Tộc :

1- Giả thuyết 1: Người từ Hi Mã Lạp Sơn theo sông Dương tử xuống lập quốc ở vùng Bắc Việt Nam hiện tại. Nếu ta hỏi họ là ai và từ đâu đến? Không ai thực sự biết cả. Ta đi vào siêu hình học (metaphysique) về nguồn gốc loài người như đã thảo luận ở trên.

2- Giả thuyết 2: Bình Nguyên Lộc đưa ra giả thuyết rằng thủy tổ của Việt tộc là dân Mã Lai. Ông viết: Cách đây 5000 năm, chủng Anh-đô-nê-diêng, tức là cổ Mã Lai, từ đâu không biết và không biết vì lẽ gì, di cư đến Triều Tiên, đến Nhật Bản, đến Đài Loan, đến Cổ Việt và đến đảo Célèbes ở Nam Dương. Thuyết này do các nhân chủng học và khảo cổ học người Pháp đào xới ở Việt nam đã đề nghị dựa vào các chứng liệu tìm được. Ông Bình Nguyên



Lộc căn cứ vào chỉ số sọ của người tiền sử tìm thấy ở Việt Nam mà ông nghĩ rằng nó rất chính xác như toán học. Lý luận này không vững lắm vì không có môn xã hội học nào chính xác như toán học cả.

3- Giả thuyết 3: Nhà tiến sĩ sử học Nguyễn Phương thì dựa vào cổ sử Trung quốc cho rằng Việt tộc từ Tàu mà ra và không có tiếng nói riêng. Tiếng Việt là do nói trại ra từ tiếng Tàu. Nhưng các nhà ngôn ngữ học cho thấy tiếng Việt có 15.000 âm điệu trong lúc tiếng Tàu chỉ có 13.000 âm điệu thôi (Đỗ Thông Minh 2003).

Ông Vũ Thế Ngọc trong sách Nghiên Cứu Chữ Hán và Tiếng Hán-Việt viết rằng Hán tự rất nghèo và yếu những danh từ biểu thanh không thể phiên âm hết tất cả tiếng Việt. Do đó chữ Tàu phiên âm tiếng Việt một cách lệch lạc.

Những nhận xét đó chứng minh rằng dân tộc Việt có tiếng nói riêng của nó và tiếng nói đó rất giàu âm điệu hơn tiếng Tàu rất nhiều. Chính người Tàu đã mượn tiếng Việt và đọc theo giọng Tàu lơ lớ tiếng Việt.

Vậy Tàu và Việt là hai dân tộc hoàn toàn khác nhau. Cổ sử cho thấy dân Tàu gốc dân Turk lai Mông cổ từ Tây Bắc ở Tiểu Á sang giao tranh với Việt Tộc ở Trác Bộc sông Hoàng Hà trước nhà Hạ trong một cuộc tranh hùng đẫm máu quyết liệt.

Các nhà khảo cổ (gồm cả Website: Đi tìm về nguồn gốc dân tộc Việt Nam) cho rằng Hiên Viên (Hoàng Đế = Huang Di) đã diệt Ly Vu (Xi Vu = Xi Bru = Đế Lai = Chiyou) ở Trác Lộc (Zhuolu) trong tỉnh Hebei ngày nay bên Tàu. Dân Việt thua phải chia ra nhiều nhóm để chống đỡ với kẻ thù hùng mạnh một cách hiệu quả hơn. Từ đó Việt tộc mang tên Bách Việt có nghĩa là nhiều nhóm Việt, có thể đến một trăm nhóm khác nhau.

Ta có Lạc Việt, Âu Việt, Tây Việt, Mân Việt v...v.. sống rải rác từ phía Bắc sông Hoàng Hà đến miền Bắc Việt nam hiện nay. Vậy cái gọi là Trung quốc hiện tại là lãnh thổ của dân Bách Việt thời tiền sử. Nhà nước Văn Lang thành lập năm 2879 TC (TC = BC). Cổ sử Tàu chép rằng nhà Hạ có từ 2202 – 1860 TC, tức là 677 năm sau nước Văn Lang. Tuy nhiên khảo cổ chưa bao giờ chứng minh được sự hiện hữu của nhà Hạ do vua Vũ lập ra sau khi vua Đường Nghiêu nhường ngôi cho ông [1].

Họ Hồng Bàng cũng chưa được khảo cổ chứng minh. Tuy nhiên khảo cổ khám phá dân Hòa Bình (Bách Việt) đã sinh sống trong khu vực đó từ 10.000 TC đến 12.000 TC biện minh cho sự hiện diện của Họ Hồng Bàng.

Nhà Hạ không có chữ viết. Cuối nhà Thương (1100 TC) Tàu mới có chữ viết thực dụng. Không Từ

và Mạnh Tử cho ông Nghiêu là người Đông Di. Chữ khoa đầu của Việt Tộc được biết trễ nhất là vào năm 2353 TC, tức là trước nhà Hạ ít nhất 151 năm. Nếu nhà Hạ không có chữ viết thì làm sao Đế Nghiêu có chữ viết để chép lại Lịch Rùa của Việt Tộc được nếu không phải là giữ nguyên chữ khoa đầu? Vì thế ta có thể suy luận không mấy sai là lịch sử Họ Hồng Bàng được ghi lại bằng chữ khoa đầu. Nhưng sau khi chữ viết Việt tộc bị tiêu diệt, các sử gia Tàu viết lại lịch sử Việt tộc và thêm cái huyền thoại giả tưởng nhà Hạ và Đường Nghiêu vào lịch sử thật của Họ Hồng Bàng.

Trong sách Việt Triết Nhập Môn trang 36, Kim Định quả quyết rằng ngày nay phương pháp khoa học minh chứng Hoàng Đế và Nghiêu Thuần mới được tạo dựng lên từ cuối đời Chu (1122-255 TC). Vậy trước nhà Thương (1600 TC) không có dân Tàu nào cả ở lưu vực sông Hoàng Hà mà chỉ có dân Bách Việt thôi.

Sau đây chúng tôi cố công đào xới cổ sử học, khảo cổ học, nhân chủng học, văn hóa học và những khám phá mới nhất của khoa học hiện đại do các nhà khảo cổ thế giới và trong nước để tìm lại nguồn gốc Việt tộc.

### **Nguồn gốc Việt tộc qua Cổ Sử Trung Quốc**

Như đã nhận định, cổ sử Trung quốc không viết trung thực lịch sử Việt Tộc, nhưng chính nó là chứng nhân của lịch sử Việt.

Về tổ tiên của Việt Tộc, cổ sử Tàu chép rằng Đế Minh, Đế Nghi và Âu Cơ là Tàu thuần chủng. Lộc Tục và Lạc Long Quân là Tàu lai. Vậy Họ Hồng Bàng không còn là chuyện hoang đường nữa mà là sử Việt Tộc bằng chữ khoa đầu và Tàu đã bóp méo sự thật. Nếu Đế Minh, Đế Nghi và Âu Cơ là Tàu thuần chủng thì làm sao họ có thể quên được lịch sử, ngôn ngữ và văn hóa Trung quốc như ông Vũ Hữu Táo viết trong báo Người Dân số 215. Rồi làm sao vào năm 110 TC các quan cai trị Tàu nhận xét rằng phong tục và tập quán Việt và Trung quốc không có gì tương tự; vậy cần phải giáo huấn dân Việt?

Hai sử gia Trung quốc đời Tống là Chu Hi trong sách Thông Giám Cương Mục và Trịnh Tiêu trong sách Thông Chí viết rằng chữ Việt cổ xuất hiện ít nhất vào năm 2353 TC mà cổ sử Trung quốc gọi là chữ khoa đầu (chữ kiểu con lẳng quăng) khi nước Việt Thường ở phương Nam dâng cho vua Đường Nghiêu một con rùa sống ngàn năm, trên mu có chữ khoa đầu ghi lại sự việc từ ngày khai thiên lập địa về sau. Vua Đường Nghiêu cho chép lại, gọi là Lịch Rùa (Qui lịch). Chữ viết Việt Tộc đã được ghi lại vào một thời điểm nhất định và hoàn cảnh rõ ràng. Dân



Bách Việt đã dùng chữ khoa đầu để viết sách như Kinh Dịch v...v.. mà người Tàu gọi một cách cung kính là Thiên Thư (sách trời). Vậy khó ai có thể nghi vấn sự hiện diện của chữ viết cổ của Việt Tộc được.

Trần Trọng Kim trong Việt Nam Sử Lược chép rằng “giống Tam Miêu sinh sống vùng đất Hoàng Hà. Người Tàu từ Tây Bắc vùng Trung Á sang đánh đuổi người Tam Miêu đi rồi chiếm giữ lưu vực sông Hoàng Hà mà lập nước Tàu”. Người Tam Miêu chính là dân Bách Việt theo nhà dân tộc học Trung Quốc Vương Đồng Linh ghi lại trong sách Trung Quốc Dân Tộc Học của ông. Từ đó danh từ Bách Việt xuất hiện trong cổ sử Tàu lần đầu tiên do nhà sử gia Trung Quốc Tư Mã Thiên trong quyển sử của ông. Rồi dần dần người Tàu tràn xuống phía Nam. Dân Bách Việt phải trốn vào rừng hoặc di dân xuống vùng Bắc Việt Nam ngày nay.

Một nhóm khá lớn ở lại quê hương đất tổ bị đồng hóa thành Tàu gọi là Tàu Hoa Nam hoặc Man Di (Man Di là man rợ mà Tàu Hoa Bắc gọi một cách khinh bỉ dân bị Hoa hóa phía Nam).

Một nhóm di thiên lên miền Bắc, vào Hàn Quốc và Nhật Bản rồi vượt cầu đất Bering sang lục địa mới gọi là Mỹ châu ngày nay. Một nhóm khác di Nam và thành lập các quốc gia như Lào, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện và Việt Nam. Một số trong nhóm di Nam vượt biển chiếm cư các hoang đảo mà ngày nay mang tên Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Đài Loan, Đa Đảo, Hawaii, Đa Đảo thuộc Pháp, Úc Châu và New Zealand. Sau đó họ tiếp tục vượt Thái Bình Dương chiếm cư California, Trung Mỹ và Nam Mỹ. Hai đường di dân này của Việt Tộc được các nhà nhân chủng học Hertzberg và đồng nghiệp (1989) cùng Schurr và đồng nghiệp (1990) chứng minh bằng Mitochondrial DNA.

Người Tàu viết chữ Miêu bằng cách ghép bộ “thảo” nằm trên bộ “điền”. Hai bộ “thảo” và “điền” trong chữ Miêu ám chỉ dân Miêu là dân làm nghề nông. Dân Bách Việt là dân phát minh nghề trồng lúa nước trước nhất trên thế giới và đã sinh sống bằng nghề nông. Người Tàu cố ý dùng chữ “Miêu” viết khác với chữ “Việt” trong thâm ý “Chia Đẻ Trị” và từ chối cái sự hiện diện của người dân Bách Việt cư trú ở vùng sông Hoàng Hà trước khi người Tàu đến vùng này.

Tàu gọi Việt tộc bằng hai tên khác nhau về âm hưởng nhưng cùng một tư tưởng dân tộc theo dạng chữ viết (“Mễ” cho dân Việt, “Điền” và “Thảo” cho dân Miêu). Dân Tàu chưa biết lúa là gì. Chính dân Việt dạy cho dân Tàu trồng lúa nước và ăn cơm. Trước khi đến lưu vực sông Hoàng Hà họ ăn bánh bao làm bằng lúa mì (mạch kê).

Cổ sử Trung quốc và ngay cả Việt sử không một ai đề cập đến thời gian dài hơn 3000 năm mà người Tàu phải trải qua để toàn thắng Việt Tộc ở vùng sông Hoàng Hà và đất Trung Nguyên. Người Tàu khéo léo đưa các nhà trí thức Việt vào các sách như Xuân Thu Chiến Quốc hay Hán Sở Tranh Hùng, vân vân... để cố tạo ra bối cảnh nội chiến trong nước Tàu mà quên hẳn đó là đất của Việt Tộc, trong đó dân Việt đang cố gắng chống trả công khai hoặc bí mật kết hợp với lân bang để giành lại chủ quyền.

Trước năm 221 TC, không có cái gì gọi là nước Tàu cả mà chỉ có một hình ảnh đẫm máu “Vạn Quốc” đánh giết nhau liên miên. Nước Tàu chỉ thành hình sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước cuối cùng vào năm 221 TC (Kim Định).. Các sử gia Tàu sau này cố tình bỏ quên cái thời vạn quốc (một ngàn quốc gia bé tí hon bằng một tỉnh hiện nay) mà chỉ giữ lại cái hình ảnh vĩ đại sau năm 221 TC.

Theo ông Jonathan Fenby thì vào năm 1100 TC nhà Thương mới có chữ viết thông dụng (3). Họ viết chữ “Việt” theo lối chữ tượng hình cái riu mà người dân Việt ở Chiết Giang phát minh rất sớm.



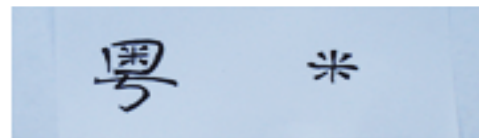
a- Cái riu

b- Chữ Việt

Hình 1

a- Cái riu do người Việt ở Chiết Giang phát minh rất sớm.

b- Người Tàu viết chữ “Việt” dạng tượng hình cái riu đời nhà Thương.



Chữ Việt

Bộ Mễ

Hình 2 : Chữ Việt đời Khổng Tử viết với ký hiệu tượng hình cái riu bổ sung thêm bộ “Mễ” chỉ dân trồng lúa.

Tổ tiên của người Tàu, vốn gốc du mục, coi cái riu vừa là dụng cụ vừa là vũ khí như là đặc trưng của người phương Nam nên gọi người phương Nam là “bọn riu”. Trong ngôn ngữ cổ đại Nam Á, riu có cái tên gọi với âm thanh tương tự như “Yit”. Truyện thần thoại người Mường gọi vua Việt là “Bua Yit” (Dị) hay “Yit Dàng” (Dị Dàng). “Yit” được phiên âm sang tiếng Hán cổ rồi từ tiếng Hán cổ phiên âm



qua tiếng Hán-Việt thành “Việt”. Ở thời Khổng Tử chữ Việt viết bằng chữ tượng hình cái riu bổ sung thêm bộ Mễ gợi ý dân trồng lúa (Kim Định). Nhà Chu thay đổi cách viết chữ Việt hai lần nữa với bộ “Kim” và bộ “Thích”. Chữ Tàu hiện đại viết chữ Việt với bộ “Tẩu” là chạy hay vượt.

Cũng trong chính sách chia để trị đó, người Tàu viết chữ “Lạc” bằng hơn 5 cách khác nhau: Lạc bộ “Điều” chỉ dân Việt (thờ chim do đó bà Âu Cơ là chim hỡi âu). Lạc bộ “Chuy” chỉ dân Khuyển Nhung hay Cao Miên. Lạc bộ “Trãi” chỉ dân Nhật Bản. Lạc bộ “Mã” chỉ dân Nam Dương. Lạc bộ “Mã hay Trãi” chỉ dân Thái Lan. Lạc bộ “Thủy” chỉ dân ở bắc Hồ Nam. Người Tàu vô tình công nhận cái mà chúng tôi sẽ trình bày sau này là tất cả các dân Lạc này có cùng một thủy tổ chung.

Giáo sư Tiên sĩ Hoàng Tuấn trong lời giới thiệu cho sách “Hà Đồ trong văn minh Lạc Việt” có chép rằng: “Nhà dân tộc học Trung Quốc Vương Đồng Linh trong cuốn *Trung Quốc Dân Tộc Học* của ông có ghi “*Dân Tam Miêu-Bách Việt xưa gồm Âu Việt có Miên, Thái, Lào; Miêu Việt có Mèo, Mán; Lạc Việt có Việt, Mường. Tất cả dân Miêu này là Bách Việt, còn gọi là Viêm Việt (vì họ biết chế tác nhiều thứ từ lửa nên gọi là “Viêm”). Tất cả họ, nhất là ngành Việt, đã cùng Hoa tộc làm nên Nho giáo*”.

Sau đây là bằng chứng người Tàu cố ý làm cho con cháu Việt khó khăn tìm lại nguồn cội mình: Sách Tàu chép dân Việt là Lạc bộ Trãi. Hậu Hán Thư chép dân Việt là Lạc bộ Trãi hay bộ Mã. Thủy Kinh Chú chép dân Việt là Lạc bộ Chuy. Vậy tất cả dân Lạc đều là dân Bách Việt.

Bình Nguyên Lộc chép rằng Tàu biết Việt tại sông Bộc ở Hoa Bắc trước đời Hạ. Nhưng trước đời Hạ thì không có sử viết, còn truyền thuyết thì quá lâu đời thất truyền. Đến đời Chu Thành Vương khi Hùng Dịch được phong thì dân Việt được Trung Hoa biết rõ hơn.

### **Nguồn gốc Việt Tộc qua Văn Hóa**

Mỗi một dân tộc có một nền văn hóa đặc trưng riêng biệt.

Dân tộc Việt Nam có một nền văn hóa triết lý cao siêu ngay từ khi chưa có chữ viết: Tương truyền vua Phục Hi đi chơi sông Hà (sông Hoàng Hà), thấy con long mã (con vật tưởng tượng mình ngựa đầu rồng) nổi lên, trên lưng có bức đồ. Phục Hi theo đó mà làm ra Hà Đồ. Thực ra Hà Đồ là một hệ thống gồm các nhóm chấm đen và chấm trắng sắp xếp theo một hình thức nhất định liên hệ với bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung tâm. Những nhóm chấm-vạch ấy là những ký hiệu biểu thị số 1 đến số 10 ở thời kỳ

chưa có chữ viết. Những chấm đen đi với số chẵn và đại diện cho cực Âm. Chấm trắng đi với số lẻ và đại diện cho cực Dương. Cực Âm và cực Dương thuộc về lý thuyết Âm Dương của Việt Tộc. Hà Đồ xuất hiện trước năm 2353 TC, năm mà cổ sử Tàu ghi lại chữ khoa đầu của dân tộc Việt lần đầu tiên.

Chính Khổng An Quốc, cháu 12 đời của Khổng Tử đã ghi lại trong bài tựa cuốn *Thượng Thư* (Kinh Thư) như sau: “...*thời Lỗ Công Vương, thích sửa sang cung thất. Vương cho phá nhà cũ của Khổng Tử để mở rộng thêm. Trong tường nhà tìm thấy Thư (phần Ngụ, Hạ, Thương, Chu) cùng Tả Truyện, Luận Ngữ, Hiếu Kinh, đều viết bằng chữ khoa đầu cổ văn do ông cha chúng ta cất giấu. Vương lại lên nhà thờ đức Khổng Tử nghe được tiếng vàng, đá, tơ, trúc bèn không cho phá nhà nữa, đem toàn bộ sách trả lại cho họ Khổng. Lối chữ khoa đầu bỏ từ lâu, người đương thời không ai đọc được nữa, phải lấy sách nghe được ở Phục Sinh khảo luận văn nghĩa, định những chỗ đọc được, dùng lối chữ lệ cổ viết sang thẻ tre, nhiều hơn sách của Phục Sinh hai mươi lăm thiên...*” (Khổng Tử: Kinh Thư- Bản dịch của Trần Lê Sáng và Phạm Kỳ Nam- tr. 228-229). Lời ghi chú của Khổng An Quốc chứng minh Khổng Tử là:

1- Tiếp thừa cái văn hóa của dân Bách Việt

2- Chữ Việt cổ (chữ khoa đầu) đã được dùng biên soạn trong các sách còn gọi là “Thiên Thư” (sách Trời). Chính các nhà trí thức Tàu gọi sách viết bằng chữ khoa đầu một cách kính cẩn là “thiên thư” vì các sách đó không do dân tộc Tàu làm ra và là nguồn gốc của văn hóa thời đó. Người Tàu nhận lịch sử của họ bắt đầu từ nhà Thương (1600-1122 TC). Hà đồ xuất hiện ít nhất trước năm 2353 TC tức là 753 năm trước khi người Tàu đánh chiếm lưu vực sông Hoàng Hà.. Vậy Hà Đồ không thuộc văn hóa Tàu. Hơn nữa, các nhà khảo cổ quốc tế và sử gia Trung quốc khám phá rằng Phục Hi là nhân vật thần thoại được đưa vào sử Tàu vào đời nhà Hán mãi sau này (206 TC - 220 TM).

Triết lý Âm Dương của Việt Tộc đã có trước khi họ có chữ viết cho nên nó được tóm tắt trong ba câu ngắn gọn: Âm Dương (2) sinh Tam Tài (3), Tam Tài sinh Ngũ Hành (5), Ngũ Hành vận chuyển vô lường (2-3-5). Hà Đồ liên hệ chắc chắn với Ngũ hành vì Ngũ hành gồm có Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung tâm nơi con người đứng. Nó khác với thuyết Âm Dương (Yin Yang) của Tàu là “Lưỡng Nghi (2) sinh Tứ Tượng (4), Tứ Tượng sinh Bát Quái (8), Bát Quái vận chuyển vô lường (2-4-8)”.

Danh từ “Yin Yang” không phải ngôn ngữ của Tàu. Nó được vay mượn của dân bản địa vùng Nam Á. “Yang” là “dương” nghĩa là “Trời, Thần”. “Yang” là



chữ “giành” trong tiếng Mường và là danh từ thông dụng trong hàng loạt ngôn ngữ Tây Nguyên (ví dụ như “yang Sri” là thân lúa, “yang Dak” là thân nước). Chữ “Yin” (âm) chỉ “Mẹ” của các ngôn ngữ Đông Nam Á (Yana là Mẹ trong tiếng Chăm cổ; ở Huế có đền thờ Thiên lana là Mẹ Trời; Ina là Mẹ trong tiếng Giarai; và Inang là Mẹ trong tiếng Indonesia).

Bát quái không có liên hệ gì với Hà đồ và Ngũ hành cả vì Bát quái không có trung tâm cho con người. Người Tàu cũng cho là Phục Hi làm ra Bát Quái. Như ta đã biết Phục Hi là nhân vật thần thoại. Không ai biết Bát Quái Tiên Thiên xuất hiện lúc nào cả. Nhưng ta biết Bát Quái Hậu Thiên do Chu Văn Vương sửa đổi Bát Quái Tiên Thiên vào năm 1144 TC, khi bị vua Trụ nhà Ân cầm tù ở ngục Dữu Lý.

Lý thuyết Âm Dương phát sinh từ nhóm dân sinh sống bằng nông nghiệp. Người nông dân có một mơ ước căn bản là tồn tại và phát triển. Vậy tồn tại và phát triển cần sự sinh sản của con người và hoa màu. Yếu tố chính của sự sinh sản con người là Cha và Mẹ hay Nam và Nữ. Cha hay Nam là Dương. Mẹ hay Nữ là Âm. Sự sinh sản của hoa màu là do Trời và Đất. Người Việt thường nói “Trời sinh Đất dưỡng” là vậy. Trời là Dương, Đất là Âm. Con người là một thành phần trong Tam Tài. Người là âm so với Trời, nhưng dương so với Đất. Sự hợp nhất của hai cặp “Cha Mẹ” và “Trời Đất” chính là quan niệm căn bản đưa đến triết lý Âm Dương. Triết lý âm dương thể hiện cái quân bình năng động giữa hai thái cực khác nhau như nam nữ, sáng tối, nóng lạnh, chẵn lẻ, phải trái, vãn vãn... Vậy ta thấy rõ triết lý âm dương phản ánh sự hòa hợp trong nền văn hóa tư duy tổng hợp và biện chứng trọng tính của nền văn hóa nông nghiệp. Tinh đây gồm cả quan niệm quân bình năng động giữa hai thành tố âm và dương (equilibre électrostatique).

Có thuyết cho rằng Âm Dương phát xuất từ quan niệm cổ xưa của tổ tiên Việt Tộc. Truyền khẩu cho rằng vào thuở nguyên sơ chỉ có một khối mênh mông thủy khí vô hình vô dạng, vô màu vô sắc trong đó hai thành tố Âm và Dương vận chuyển biến khối thủy khí thành nước, lửa, kim loại, gỗ và đất. Năm thành tố này không phải là những thành tố bất động như Tây Phương lầm tưởng mà chúng luôn vận chuyển trực tiếp hay gián tiếp sinh ra Tam tài (Trời-Người-Đất) và vũ trụ. Đó là quan niệm cấu trúc vũ trụ của dân Bách Việt.

Ta nhận thấy quan niệm này không đề cập đến thần quyền như các xã hội khác trên thế giới. Cái quan niệm này có vẻ thích hợp với những khám phá mới nhất của khoa học hiện đại. Các hành tinh, dải ngân hà và mặt trời được cấu tạo bởi các khối không lồ

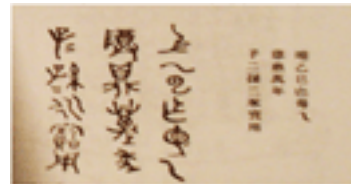
hydrogen và cát bụi. Ta có thể đưa ra giả thuyết rằng các thiên thể đó trong vũ trụ là kết quả của hai thành tố âm dương tác dụng trên khối thủy khí nhưng chưa đạt tới giai đoạn cuối cùng của sự cấu tạo vũ trụ. [1]

Không ai rõ khi nào dân Bách Việt bắt đầu có chữ viết. Nhưng cổ sử Trung Quốc chép lại ít nhất vào năm 2353 TC dân Bách Việt có chữ viết thông dụng mà cổ sử Trung Quốc gọi là chữ khoa đầu (chữ kiểu con lẳng quăng) khi nước Việt Thường dâng cho Đế Nghiêu con rùa sống ngàn năm trên lưng có chữ khoa đầu ghi lại sự việc từ khi khai thiên lập địa trở về sau. Ông Jonathan Fenby, tác giả sách “China’s Emperial Dynasties 1600 BC – AD 1912”, viết rằng nhà Thương có chữ viết thực dụng vào năm 1100 TC (1253 năm sau chữ Việt cổ) và nguồn gốc chữ viết Tàu là từ một con rùa thần bò ra khỏi sông trên mu có khắc một thứ chữ huyền bí. Không ai biết nguồn gốc của thứ chữ viết đó cả.

Sách “Writing. The Story of Alphabets and Scripts” kể rằng Hoàng Đế (Huang Che) khóc suốt đêm khi ông tìm ra được chữ viết bằng cách quan sát cơ thể trên thiên đường và vật thể ở thế gian, nhất là vết chân chim và thú vật chạy nhảy.

Ai cũng biết chữ viết của một dân tộc không phải một cá nhân qua một đêm hay vài tháng mà tạo ra. Lương Kim Định cho rằng chữ Nho mà ta thấy ngày nay mới có từ nhà Tần thế kỷ thứ ba TC tức là năm 221 TC, còn gọi là chữ “lệ”. Đó là thứ chữ cuối cùng do Tần Thủy Hoàng thống nhất chữ Nho sau khi ông thống nhất sáu nước cuối cùng.

Trước nhà Tần có rất nhiều kiểu chữ viết, nhưng nổi hơn cả là chữ con quăng mà người Tàu gọi là chữ khoa đầu. Trước nữa là chữ chân chim (điều tích tự). Hai thứ chữ này là của Việt Tộc có từ đời Hồng Bàng và liên hệ với hai vật biểu Tiên Rồng.



Những chi tiết của Lương Kim Định, Jonathan Fenby và sách Writing The Story of Alphabets and Scripts cho thấy:

- 1-Việt tộc có chữ viết 1253 năm trước dân Tàu.
- 2- Chữ viết Tàu có nguồn gốc từ chữ Việt cổ với một số sửa đổi và hỗn hợp của hai thứ chữ chân chim và chữ khoa đầu.

Ông Vũ Thế Ngọc trong sách Nghiên Cứu Chữ Hán và Tiếng Hán-Việt có đưa ra chữ Hán đời Thương: Nó tương tự như chữ khoa đầu khắc trên



bảo kiểm của Việt Vương Câu Tiên. Trong lịch sử thế giới cũng có trường hợp tương tự: Dân La Mã (Latin) cường đoạt văn A, B, C... của dân Etruscan để phiên âm tiếng nói của họ. Vua Etruscan cai trị La Mã vào thế kỷ 4 TC. Cái khác là dân Việt tồn tại trong khi dân Etruscan bị tiêu diệt vĩnh viễn (Writing: The Story of Alphabets and Scripts).

Dấu vết văn hóa Việt được tỏ rõ trong phép tả nhậm: vạt áo bên tả biểu lộ lễ thối trọng tả của ta tức là trọng Văn, còn Tàu trọng Hữu tức trọng Võ. Số 5 là của Việt, Tàu ưa số 6, về sau Tàu mới đổi sang số 5. Nhà mái cong cũng của Việt ngay từ thời Đông Sơn, còn Tàu mãi đến đời Đường mái mới cong, tức cong sau ít nhất mười thế kỷ. Nét cong nói lên sự hoà hợp giữa tròn và vuông (trời tròn đất vuông). Rỗng là của Việt, Tàu trước nhận Bạch hổ. Đời Thương còn mang cờ hổ, đang khi các chi tộc Việt đã mang cờ rồng. Kinh Thi nói long kỳ dương dương (cờ rồng bay phoi phới). Tàu mới nhận rồng vào lối nhà Hán (206 TC - 220 TM).

Từ đời Hùng Vương, Việt tộc đã có phép Công Điền Công Thổ, tức là khi người dân đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) thì nhà vua phát cho một số ruộng đất bằng nhau để làm ăn nuôi gia đình. Bên Tàu đời nhà Chu cũng có phép tương tự gọi là phép tinh điền. Khi dân Tàu đến tuổi 50 thì phải trả thừa đất ấy lại cho nhà vua (Trần Trọng Kim). Đó là điều khác biệt quan trọng giữa Tàu và Việt. Người dân Việt không phải trả ruộng đất lại cho nhà vua khi họ tới tuổi 50. Ruộng đất đó sẽ được chia vĩnh viễn cho con cháu.

Nhà dân tộc học Trung Quốc là Vương Đồng Linh cho rằng Việt Tộc cùng Hoa Tộc làm ra Nho giáo. Căn bản văn hóa của Trung quốc được thiết lập do ông tổ Nho giáo Khổng Tử. Ông luôn luôn xưng mình là hiếu cô, học với cô, xưng rõ ông không phải là người sáng tạo mà chỉ thuật lại lời các tiên hiền đã truyền ra. Vậy Khổng Tử chỉ làm cho văn hóa Di Việt rõ ràng hơn mà người ta gọi là văn minh Tàu. Sự thật này chứng minh một cách hùng hồn là Tàu đã cưỡng chiếm văn hóa Việt rồi bổ túc thêm và xưng là văn hóa Tàu.

Các nhà khảo cổ Mỹ như các ông Solheim và Gordon đại học Hawaii và Nga như ông Karl Jettmar đang hướng mạnh về trục Nam-Bắc tức là văn hóa phát xuất từ miền Nam (văn hóa Hòa Bình, Non-nok-Thu, ... Ban Chiang) tiến lên miền Bắc là Ngưỡng Thiều tỉnh Thiểm Tây và Lang Sơn tỉnh Sơn Đông. Vậy các ông Solheim, Gordon và Karl Jettmar nhìn nhận sự thật nêu trên. Các khoa tân nhân văn như triết, khảo cổ, cổ tục, vv... đều chứng minh là Việt có văn hóa trước. Tàu mới đến sau và chỉ làm cho văn hóa kia trở nên xác định rõ ràng, người ta gọi là văn

minh Tàu (Kim Định).

(còn tiếp)

### Chú thích của tác giả

[1] Có nhiều người đặt nghi vấn về cái triết lý Âm Dương trong khi đó họ chấp nhận một cách dễ dàng quan niệm Big Bang sinh ra trời đất. Chúng tôi xin đề cử vài ví dụ cụ thể để chứng minh thuyết âm dương phản ánh khoa học thực nghiệm như sau: Tổ tiên nói "Tham thiên lưỡng địa nhị ý số, nghĩa là 3 trời 2 đất là hai con số căn bản". Hai nhà bác học Mỹ gốc Trung Quốc là Dương Chấn Ninh (Đại Học Princeton) và Lý Chính Đạo (Đại Học Colombia) đã được giải thưởng Nobel về vật lý năm 1957 chứng minh rằng hạt nguyên tử khi nổ bắn ra những tia dương và âm có độ dài theo tỷ lệ 3-2. Khi đem một nguyên tử khác chặn đầu chúng thì tia dương lóe ra 3 tia nhỏ, còn tia âm chỉ lóe ra 2 tia nhỏ thôi (Báo Time ngày 28-1-1957). Tổ tiên ta đã thấy cái mà họ không thấy hơn 5000 năm rồi, nghĩa là 3 đi với dương còn 2 đi với âm.

Hydrogene là một nguyên tử đơn giản nhất và hiện diện trong tất cả mọi tế bào sinh vật. Nó có một electron mang điện âm quay quanh một proton mang điện dương ở trung tâm nguyên tử. Proton không cho electron rời khỏi quỹ đạo vòng tròn cố định do sức hút điện năng tĩnh lực (attraction électrostatique). Nguyên tử Hydrogene đại diện cho quy luật I của thuyết âm dương: "Không có gì hoàn toàn âm hay hoàn toàn dương, trong âm có dương, trong dương có âm". Nước ta uống (H<sub>2</sub>O) là hỗn hợp giữa một nguyên tử dương khí (Oxygen) và hai nguyên tử Hydrogene trong một thăng bằng tĩnh điện bền vững (équilibre électrostatique). Nếu một năng lượng ngoại lai xâm nhập phân tử nước, cái thăng bằng tĩnh điện bền vững giữa Oxygene và Hydrogene có thể bị đảo lộn. Thay vì nước ta uống, phân tử nước có thể phân tán thành nguyên tử Hydrogene và Oxygene bay lên trời xanh. Mọi sinh vật cần nước để sinh trưởng do các phản ứng vi thể giữa Hydrogene, Oxygene và các nguyên tử khác trong các tế bào. Ta có thể nói chính các vi thể âm và dương vận động và chuyển hóa cho nhau giúp cho tế bào tăng trưởng để con người tồn tại và phát triển. Báo Science của American Association for the Advancement of Science (AAAS), 16-10-2009, số 326, tr.326 viết rằng ông Boal và đồng nghiệp cho rằng electron vận chuyển sửa chữa thể di truyền DNA hư hại.

Những ví dụ cụ thể trên cho thấy thuyết âm dương biểu hiện khoa học thực nghiệm hiện tại chứ không phải những lý thuyết trừu tượng không liên hệ với thực tế. Một ví dụ nữa là một thanh nam châm có cực âm và cực dương ở hai đầu. Nếu ta cắt nó ra thành hai đoạn, ta cũng thấy lại cực âm và dương ở hai đầu của hai đoạn nam châm mới. Nếu ta tiếp tục cắt thanh nam châm thành nhiều đoạn nhỏ hơn nữa, ta vẫn thấy hai cực âm và dương trở lại ở hai đầu của mỗi đoạn nam châm mới. Vậy cực âm và dương luôn luôn ở bên nhau, vận chuyển cho nhau, nhưng sẵn sàng tách rời nhau và vẫn ở bên nhau trở lại. Chúng ta sẽ chứng kiến rằng ở mọi môi trường, gồm cả môi trường xã hội con người, nếu có một thăng bằng năng động bền vững như hiện tượng nam châm, thì môi trường ấy sẽ phát triển thuận lợi. Nếu là xã hội con người thì thịnh vượng và hòa bình sẽ trường tồn. Vì dân Tàu không quan niệm như thế nên họ đi xâm lăng các nước láng giềng. Dân Bách Việt yếu về quân sự nên bị mất nước. Dân Mông có vốn dân du mục như dân Tàu với sức mạnh quân sự nên cai trị dân Tàu qua nhiều thế kỷ. Ta cũng có thể tiên đoán rồi dân Tàu sẽ chịu một số phận như dân Mông Cổ, vì dân Tàu là một hợp chủng do bạo lực tạo ra.

**ISSN # 1065 6871**

Đại Diện : Ban Phụ Trách Người Dân  
 Chọn bài : Vương Đạo  
 Thực hiện : Đức & Mỹ  
 Phân phối : Mai Văn & Ân

**THỂ LỆ CHUNG**

Xin gửi bài đến NgD bằng Email hoặc floppy disk (tốt nhất là đĩa CD để tránh hư hại dọc đường, và xin cho biết đã dùng loại tiếng Việt nào, cùng loại program nào). Trường hợp viết tay hoặc đánh máy, xin chỉ dùng một mặt giấy. Tác giả có thể dùng nhiều bút hiệu, nhưng phải cho biết tên thật, địa chỉ, số điện thoại để tiện liên lạc khi cần.

Bài gửi cho NgD xin đừng gửi cho các báo khác và ngược lại. NgD không trả lại bản thảo, floppy disk.

Bài muốn đăng kịp số, xin gửi tới trước ngày 15 tháng trước.

Ngoại trừ những bài đăng chữ vuông (Swiss/Helvetica), mọi ý kiến là của người viết, không nhất thiết là của NgD.

Bài trích đăng từ NgD, xin nêu rõ xuất xứ.

**GIÁ BÁO**

Tại Hoa Kỳ: \$US 2. 00/số, hay cho 12 số:  
 gửi Bulk Rate \$US 18. 00  
 gửi First Class \$US 30. 00  
 (xin vui lòng ghi rõ First Class)  
 Tại Canada, Âu châu: \$US 34. 00  
 (12 số, gửi Air Mail)  
 Tại Úc, á và Phi châu: \$US 40. 00  
 (12 số, gửi Air Mail)

Sau khi nhận được chi phiếu, NgD sẽ gửi số báo đầu tiên vào lần phát hành kế tiếp. Nếu không nhận được báo trong vòng một tháng, xin vui lòng liên lạc với Ban Phụ Trách để tìm nguyên nhân.

Khi đổi địa chỉ, xin vui lòng thông báo trước tối thiểu 30 ngày để kịp điều chỉnh danh sách cho lần phát hành kế tiếp. Nếu không nhận được báo sau khi đến địa chỉ mới, xin báo cho NgD được rõ.

Chi phiếu, thư từ, liên lạc xin đề:

**Người Dân**

**PO Box 2674 - Costa Mesa, CA 92628, USA**

**Tel: 1-714-549 3443 - Fax: 1-714-549 3443**

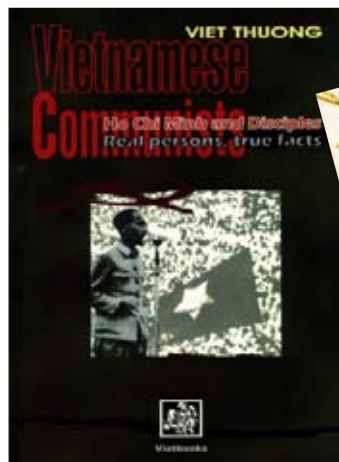
**CẢM ƠN**

BPT thành thật tri ân các thân hữu/độc giả nhiệt tình ủng hộ, mua, hoặc mua tặng báo dài hạn dưới đây:

Nguyen Chau, Springfield VA,	1 năm 20.00	Australian National U., Canberra, AUST.	1 năm 20.00
Quách Văn Đắc, San Ana, CA	3 năm 50.00	Salt Lake Public Library City UT,,	1 năm 16.00
Mai Moc, Houston TX,	2 năm 50.00	Lã Hoàng Trung, Westminster CA,	100.00
Lưu Đình Kính, San Diego CA,	1 năm 20.00	Trần Thế Kiệt, Los Angeles CA,	100.00
Nguyen D. Nhon, Raleigh NC,	1 năm 30.00		

Có những trường hợp chi phiếu đến lúc báo đã lên khuôn hoặc phát hành rồi, nên nếu các bạn không thấy liệt kê tên mà vẫn nhận được... hồng thiệp, xin vui lòng xá tội và bỏ qua cho.

BPT cũng thành thật mang ơn các đồng nghiệp và thân hữu gửi cho NgD các tài liệu, bản tin, báo: **Ti Vi Tuần San** 1230-1-2-3 mỗi số 1\$50//2\$00 Úc (49 Victoria Parade, Collingwood, Vic. 3066, Australia); **Florida Việt Báo** 227 không đề giá (P.O. Box 277625 Miramar, FL 33027-7625); **Hiệp Hội**, 229 không đề giá (P.O. Box 22 Chidori, Tokyo 146-8691)

**Sách Mới**

**tủ sách Người Dân**

**VIETNAMESE COMMUNISTS**

*Viet Thuong, 500 pages, \$20.00*

**AUTUMN**

*Mai Phuong, 300 pages, \$10.00*

**Người Dân**  
**PO Box 2674**  
**Costa Mesa, CA 92628**  
**USA**

PRESORTED STANDARD  
U.S. POSTAGE **PAID**  
SANTA ANA, CA  
PERMIT NO. 4085

## **Tạp chí Người Dân ra đời với mục đích tạo phương tiện cho những người dân bình thường nói lên sự suy nghĩ của mình về những mong ước, ưu tư đối với bản thân, đất nước.**

Từ bao lâu nay, người thường dân chưa hề có tiếng nói. Chỉ có các nhà báo, nhà văn chuyên nghiệp, các vị khoa bảng, các tổ chức, đảng phái nói giùm.

Những tiếng nói trên không sai, nhưng không đủ. Phải có sự lên tiếng của người dân ở mọi thành phần, để tạo một sự đồng thuận cho tương lai đất nước. Nếu không, mọi việc sẽ lại diễn ra như cũ: một thiểu số lãnh đạo lại vẫn quyết định số phận của dân tộc, bất chấp những đòi hỏi thiết thực của đa số.

Biến cố ngoạn mục nhất của năm 89 là sự tan rã liên tục của khối cộng sản. Cao trào đòi giải phóng con người để được tự do dân chủ của những người cùng khổ trong các nước cộng sản đang tấn công vào thành trì chủ nghĩa Mác.

Sự tan rã của cộng sản tại Việt Nam là điều tất yếu. Vấn đề chỉ còn là thời gian. Khi cộng sản đổ, vấn đề lớn lao cấp bách cho Việt Nam là làm sao hồi sinh được một dân tộc mỗi mạt, nghèo đói, mất niềm tin. Và, từ đó, tạo dựng một đất nước ấm no, tự do, dân chủ.

Trong lúc này, những ý kiến khác nhau của mọi tầng lớp ở khắp nơi cần phải được trao đổi và thảo luận một cách nghiêm trang, trong tinh thần thành khẩn, tôn trọng lẫn nhau, nhằm đạt sự đồng thuận về một mẫu mực tốt đẹp cho xã hội Việt Nam mai sau.

Nói cách khác, chúng ta muốn nghe từ nhau, muốn nói với nhau về những khát vọng: Làm sao thúc đẩy lẹ hơn tiến trình sụp đổ của cộng sản? Làm sao để đất nước ấm no, để tự do được tôn trọng, để dân chủ được thi hành?

Cũng xin thưa:

Những người khởi xướng tạp chí Người Dân chưa bao giờ có kinh nghiệm làm báo nên những trông đợi ở một tờ báo chuyên nghiệp sẽ là điều mọi người không thấy ở Người Dân,

Vì mục đích là tạo tiếng nói cho mọi tầng lớp, nên nội dung các bài vở không nhất thiết cùng một quan điểm. Người Dân không có chủ biên, trợ bút, ban biên tập mà gồm bài vở của bạn đọc khắp nơi.

\*\*\*

Rõ là Người Dân đang làm việc ngược đời: làm báo mà không chuyên nghiệp, không sống bằng quảng cáo, không cả triển vọng sống bằng tiền bán báo, lại không có chủ biên, trợ bút, ban biên tập!

Thói thường, người viết báo phải thuộc loại tài năng, học rộng biết nhiều, mang sở trường ra để mua vui hoặc chỉ dẫn người đọc. Người ta không chờ đợi những người tầm thường viết những cái tầm thường.

Người Dân không nghĩ thế. Sự lầm lẫn to lớn của những người bình thường là đã không phổ biến những ưu tư, thắc mắc, những mong ước, đòi hỏi bình thường nhưng vô cùng thiết đáo, khiến mọi việc đã được giải quyết một cách xa vời, không liên quan đến đa số, đúng hơn, luôn luôn thiệt hại cho đa số.

Đó là tình trạng chung của đất nước và dân tộc trong giai đoạn lịch sử gần đây: một nước nông nghiệp mà nông dân không có tiếng nói. Cho nên, nếu ở trong nước, tất Người Dân là của nông dân chất phác. Nay ở hải ngoại, Người Dân là của người trẻ học tập, làm ăn, đóng góp cho xứ sở cưu mang và hướng về việc quang phục quê hương.

Vì:

Khi ra đi, mỗi gia đình ít nhất có một vài em, năm, mười tuổi. Nay tuổi trẻ là thành phần đa số của cộng đồng di tán. Họ còn có một chút quá khứ, còn được sự kèm cặp của phụ huynh để có động lực cố gắng và mãn nguyện với sự thăng tiến tương đối.

Lớp đàn em họ, sinh trưởng nơi xứ người, sẽ không còn những điều kiện tương tự, trong khi thu nhận một nền văn hóa bản xứ mà không thể xoá bỏ những kỳ thị đương nhiên. Sẽ có những khó khăn và dằn vặt nếu không ngay từ bây giờ tạo nổi niềm hãnh diện về nguồn gốc, ý thức được phải làm gì, làm như thế nào.

Cho nên Người Dân hiện diện, làm diễn đàn chung để cùng nhau trao đổi ý kiến, kinh nghiệm, tri thức trong mọi ngành nghề, phác họa mô thức tương lai. Vì thế, nó không trừu tượng, mà nôm na thiết thực giúp đỡ nhau học tập.

Và sự tích cực tham gia về mọi mặt của người đọc là điều mà Người Dân thiết tha mong đợi. Vì Người Dân là của Bác, của Chú, của Anh, của Chị, của Em và của chúng ta.

Vậy xin mời. Người Dân là diễn đàn của Bạn. Nó tùy thuộc Bạn để tồn tại.

*Người Dân*